



CÔNG TY CỔ PHẦN
HÓA CHẤT CƠ BẢN MIỀN NAM



*ĐỒNG HÀNH CÙNG
PHÁT TRIỂN KINH TẾ*

BÁO CÁO
THƯỜNG NIÊN 20²²



1	Thông điệp của Chủ tịch HĐQT	04
	Tâm nhìn - Sứ mệnh	06
GIỚI THIỆU TỔNG QUAN VỀ CÔNG TY		
2	Thông tin chung	10
	Ngành nghề và địa bàn kinh doanh	18
	Mô hình quản trị, bộ máy quản lý	22
	Định hướng phát triển	28
	Các rủi ro	32
	TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM	
3	Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh	38
	Tổ chức và nhân sự	42
	Tình hình đầu tư	57
	Tình hình tài chính	58
	Cơ cấu cổ đông	61
	Báo cáo phát triển bền vững	62
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC		
4	Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh	68
	Đánh giá tình hình tài chính	72
	Những cải tiến về cơ cấu tổ chức	74
	Kế hoạch phát triển trong tương lai	75
ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY		
5	Đánh giá về các mặt hoạt động Công ty	80
	Đánh giá về hoạt động của Ban Tổng Giám đốc	84
	Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng Quản trị	85
QUẢN TRỊ CÔNG TY		
6	Hoạt động của Hội đồng Quản trị	88
	Ban Kiểm soát	100
	Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của HĐQT, BKS và Ban Điều hành	101
	BÁO CÁO TÀI CHÍNH	
6	Bảng cân đối kế toán hợp nhất	113
	Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất	117
	Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất	118
	Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất	120



THÔNGIỆP CỦA CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Kính gửi Quý Cổ đông, Quý Khách hàng, Đối tác và toàn thể CBCNV!

Lời đầu tiên, thay mặt Hội đồng quản trị, tôi xin gửi tới Quý cổ đông, Quý khách hàng, đối tác và toàn thể CBCNV của Công ty Cổ phần Hóa chất cơ bản miền Nam lời cảm ơn chân thành nhất vì chúng ta đã cùng nhau trải qua và chia sẻ một năm 2022 nhiều thách thức đi kèm những cơ hội và những thành quả đạt được thật đáng khích lệ!

Nhìn lại năm 2022, kinh tế Việt Nam phục hồi đáng kể sau giai đoạn giãn cách xã hội do tác động của dịch bệnh. Tuy nhiên sự hồi phục diễn ra trong bối cảnh kinh tế toàn cầu gặp nhiều khó khăn, với tình trạng bất định toàn cầu gia tăng liên quan đến xung đột chính trị giữa Nga - Ukraine, sự gián đoạn chuỗi cung ứng do tình trạng phong tỏa để kiểm soát dịch Covid-19 tại Trung Quốc làm cho giá cả hàng hóa tăng cao, sức ép cạnh tranh ngày càng gay gắt giữa các doanh nghiệp cùng ngành và suy giảm tiêu dùng của người dân do ảnh hưởng bởi lạm phát đã tác động trực tiếp hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

Trong bối cảnh khó khăn chung, Ban lãnh đạo Công ty đã nhanh chóng nắm bắt, theo sát các biến động của thị trường thế giới, tình hình kinh tế vĩ mô trong nước, diễn biến dịch bệnh và thực tế hoạt động của Công ty để đề ra những định hướng chỉ đạo, quyết sách phù hợp, linh hoạt, đảm bảo an toàn, hiệu quả trong sản xuất kinh doanh và tận dụng mọi cơ hội phát triển có được. Theo đó, nhờ sự nỗ lực, sáng tạo, linh hoạt, đồng lòng, đoàn kết giữa Hội đồng quản trị, Ban điều hành và toàn thể CBCNV, kết quả sản xuất kinh doanh năm 2022 tăng trưởng ấn tượng: **Doanh thu thuần của công ty đạt 2.104 tỷ đồng, hoàn thành 121% vượt kế hoạch** do Đại hội đồng cổ đông đề ra; **Lợi nhuận trước thuế đạt 511 tỷ đồng, vượt kế hoạch với tỷ lệ hoàn thành đạt 204%**.

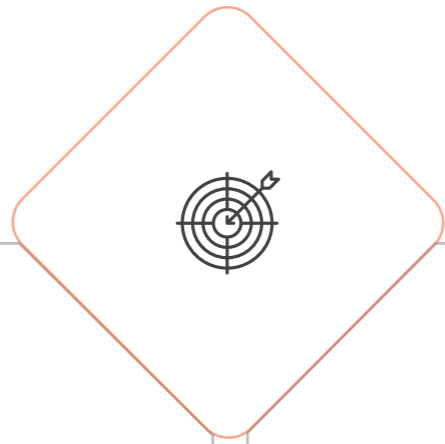
Năm 2023 đã đến trong bối cảnh kinh tế thế giới dự báo tăng trưởng chậm lại, áp lực về lãi suất, tỷ giá tăng vẫn còn rất lớn đang là thách thức đối với điều hành kinh tế vĩ mô. Chặng đường phía trước của Công ty sẽ còn nhiều khó khăn, thách thức nhưng với niềm tin của Quý cổ đông, Quý đối tác/khách hàng; sự chung sức, đồng lòng, tinh thần trách nhiệm, tính sáng tạo của CBCNV, cùng cái tâm và cái tầm đầy bản lĩnh, linh hoạt trong quản trị, điều hành của Ban lãnh đạo, tôi tin tưởng Công ty sẽ hoàn thành các mục tiêu chiến lược đã đề ra, tiếp tục tạo dựng nên một thương hiệu Hóa chất cơ bản miền Nam uy tín, vững mạnh, đồng thời mang đến những giá trị thiết thực cho tất cả Quý cổ đông, Quý đối tác/ khách hàng và CBCNV.

Thay mặt Hội đồng quản trị, Ban điều hành, tôi xin trân trọng cảm ơn sự tin tưởng, hợp tác của Quý cổ đông, Quý đối tác/ khách hàng cùng toàn thể CBCNV Công ty đối với Hóa chất cơ bản miền Nam trong suốt thời gian qua và kính mong tiếp tục nhận được sự ủng hộ, đồng hành của Quý vị để Hóa chất cơ bản miền Nam ngày càng phát triển bền vững, đóng góp nhiều lợi ích hơn nữa cho cộng đồng và xã hội!

Trân trọng./.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**

Nguyễn Tuấn Dũng



TÂM NHÌN

- Xây dựng sản phẩm mang thương hiệu Hóa chất cơ bản miền Nam hướng đến sản xuất an toàn, thân thiện môi trường và giữ gìn nguồn tài nguyên thiên nhiên quý giá.

SỨ MỆNH

- Không ngừng phát triển và sản xuất nhiều loại sản phẩm hóa chất đa dạng, đem lại lợi ích thiết thực cho xã hội và cộng đồng.



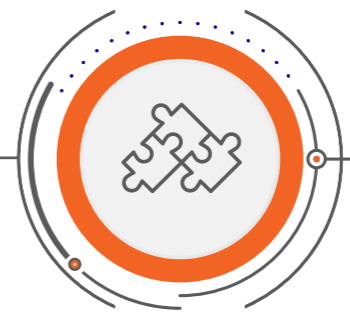
GIÁ TRỊ CỐT LÕI



Phát triển sản xuất - đầu tư kinh doanh bền vững, có chọn lọc, đảm bảo hiệu quả. Đảm bảo chữ tín đối với khách hàng. Đảm bảo môi trường làm việc chuyên nghiệp, sáng tạo, đáp ứng đời sống cho người lao động.



Uy tín - Công nghệ - An toàn.



TRIẾT LÝ KINH DOANH



Sự hài lòng của Quý khách hàng là thành công của Công ty.



1

GIỚI THIỆU TỔNG QUAN

Thông tin chung


Ngành nghề và địa bàn kinh doanh

Mô hình quản trị, bộ máy quản lý

Định hướng phát triển

Các rủi ro

CÔNG TY CỔ PHẦN HÓA CHẤT CƠ BẢN MIỀN NAM

- Tên Tiếng Anh : SOUTH BASIC CHEMICALS JOINT STOCK COMPANY
- Tên viết tắt : Hóa chất cơ bản miền Nam
- Mã cổ phiếu : CSV
- Sàn niêm yết : HOSE
- Logo công ty : 



Giấy CNĐKDN số : 0301446260 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 24/09/2003, cấp thay đổi lần thứ 10 ngày 14/10/2019.

Vốn điều lệ : 442.000.000.000 đồng

Website : www.sochemvn.com

Trụ sở chính : Số 22 Đường Lý Tự Trọng, phường Bến Nghé, quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

Số điện thoại : (028) 3829 6620 - 3822 5373

Số fax : (028) 3824 3166

1976 - 1985

KHỞ ĐẦU

- Công ty Hóa chất cơ bản miền Nam được thành lập vào ngày 21/07/1976 theo Quyết định số 240/HC của Tổng cục Hóa chất bao gồm 04 đơn vị trực thuộc là Nhà máy Hóa chất Biên Hòa (VICACO), Nhà máy Hóa chất Tân Bình (COPHATA), Nhà máy Hóa chất Đồng Nai và Nhà máy Hóa chất Thủ Đức.
- Để đáp ứng nhu cầu nghiên cứu sản xuất và mở rộng phát triển, Công ty đã thành lập thêm một số đơn vị như Mô Bô-xít Bảo Lộc (11/1976), Xưởng Nghiên cứu Thực nghiệm (1977) và Xưởng Cơ điện.

1986 - 2003

CHUYỂN MÌNH

- Trong giai đoạn nền kinh tế Việt Nam bắt đầu xu thế đổi mới, mở cửa hội nhập với nền kinh tế thị trường, Công ty là một trong những Công ty nhà nước đã được phép chuyển đổi sang hình thức hoạt động Công ty TNHH một thành viên. Ngày 24/9/2003, Sở Kế hoạch và Đầu tư đã cấp giấy chứng nhận kinh doanh lần đầu tiên cho Công ty với tên gọi chính thức là Công ty TNHH MTV Hóa chất cơ bản miền Nam.

2004 - 2013

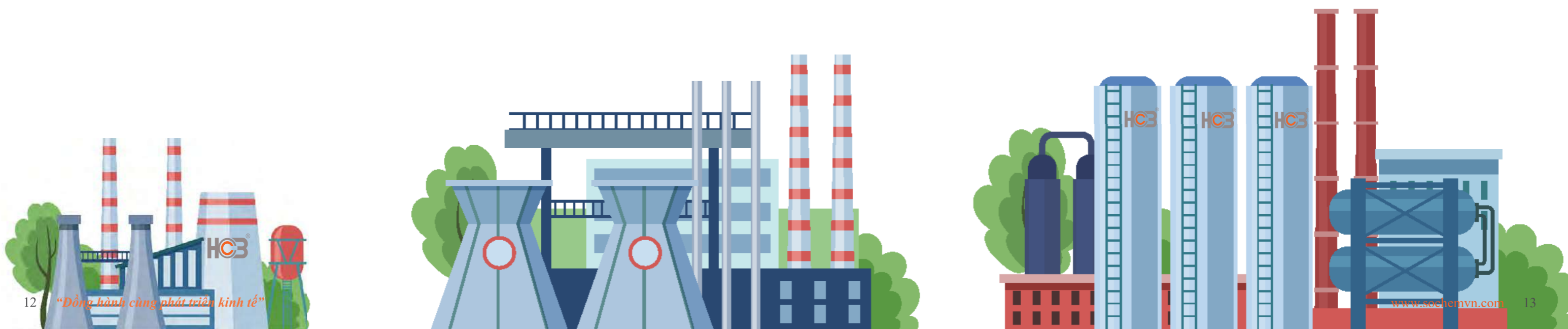
HOÀN THIỆN

- Công ty không ngừng phấn đấu và đổi mới nhằm đáp ứng tốt hơn nhu cầu của thị trường, đồng thời mở rộng, phát triển sản xuất. Công ty đã thành lập thêm các đơn vị gồm Nhà máy Phốt Pho Việt Nam (2004); Nhà máy thay đổi hình thức hoạt động sang Công ty Cổ phần Phốt Pho Việt Nam từ năm 2010, trong đó Công ty nắm giữ 65,05% cổ phần) và Nhà máy Hóa chất Tân Bình 2 (2009).
- Ngày 20/08/2012, Tập đoàn Hóa chất Việt Nam ban hành quyết định số 243/QĐ-HCVN về việc cổ phần hóa Công ty TNHH MTV Hóa chất cơ bản miền Nam lấy thời điểm xác định giá trị doanh nghiệp là 0 giờ ngày 01/10/2012.
- Ngày 28/7/2013, Tập đoàn Hóa chất Việt Nam ký quyết định số 248/QĐ-HCVN về việc phê duyệt phương án chuyển Công ty TNHH MTV Hóa chất cơ bản miền Nam thành Công ty Cổ phần Hóa chất cơ bản miền Nam.
- Ngày 12/12/2013, Đại hội đồng cổ đông thành lập Công ty Cổ phần Hóa chất cơ bản miền Nam được tiến hành.

2014 - Nay

ĐỔI MỚI VÀ PHÁT TRIỂN

- Ngày 02/01/2014, Công ty chính thức hoạt động với tên gọi Công ty Cổ phần Hóa chất cơ bản miền Nam. Từ sau cổ phần hoá, Công ty bước vào giai đoạn phát triển ổn định. Đây là thời gian Công ty nhanh chóng đẩy mạnh đầu tư máy móc thiết bị mới, mở rộng nhà máy nhằm chuẩn bị cho giai đoạn phát triển tiếp theo khi kinh tế đất nước hội nhập sâu rộng, phát huy hết công suất đáp ứng nhu cầu thị trường.
- Đến nay, Công ty đã trải qua 10 lần đăng ký thay đổi, vốn điều lệ thay đổi từ ban đầu là 61 tỷ đồng tăng lên 442 tỷ đồng (năm 2014). Năm 2020, Công ty đã nghiên cứu và cho ra đời Chế phẩm diệt khuẩn Chloramine B góp phần vào công tác chống dịch Covid-19 tại Việt Nam.





Năm 2000: Huân chương lao động hạng 3



Năm 2004: Huân chương lao động hạng 2



Năm 2016: Huân chương lao động hạng 1



Năm 1995: Bằng khen của Liên đoàn Lao động Việt Nam



Năm 2006: Bằng khen của Thủ tướng Chính Phủ



Năm 2015: Bằng khen của Tập đoàn Hóa chất Việt Nam: “Đã có thành tích xuất sắc trong phong trào 90 ngày thi đua nước rút cuối năm 2015 nhằm hoàn thành vượt mức kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2015 (Giải Nhì)”



Năm 2016:

- Bằng khen của Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam
- Bằng khen của Tập đoàn Hóa chất Việt Nam: “Đã có thành tích xuất sắc trong hoạt động Khoa học và Công nghệ giai đoạn 2016 - 2020, góp phần vào sự nghiệp phát triển của Tập đoàn Hóa chất Việt Nam”



Năm 2017:

Bằng khen của Bộ Công thương
Chứng nhận Doanh nghiệp vì Người lao động



Năm 2020:

Bằng khen của Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam
Bằng khen của Ủy ban Quản lý vốn Nhà nước





NGÀNH NGHỀ KINH DOANH

• Sản xuất hóa chất cơ bản

Chi tiết: Sản xuất sản phẩm ngành hóa chất (trừ hóa chất có tính độc hại mạnh, không sản xuất hóa chất tại thành phố Hồ Chí Minh).

• Sản xuất sản phẩm hoá chất khác chưa được phân vào đâu

Chi tiết: Sản xuất hóa chất trong lĩnh vực công nghiệp, sản xuất hóa chất trong lĩnh vực phụ gia thực phẩm (không hoạt động tại trụ sở).

• Sản xuất thực phẩm khác chưa được phân vào đâu

Chi tiết: Chế biến các sản phẩm muối dùng trong thực phẩm (không hoạt động tại trụ sở).

• Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu

Chi tiết: Bán buôn hóa chất trong lĩnh vực công nghiệp; bán buôn hóa chất trong lĩnh vực phụ gia thực phẩm.

• Sản xuất phân bón và hợp chất nitơ (không hoạt động tại Thành phố Hồ Chí Minh)

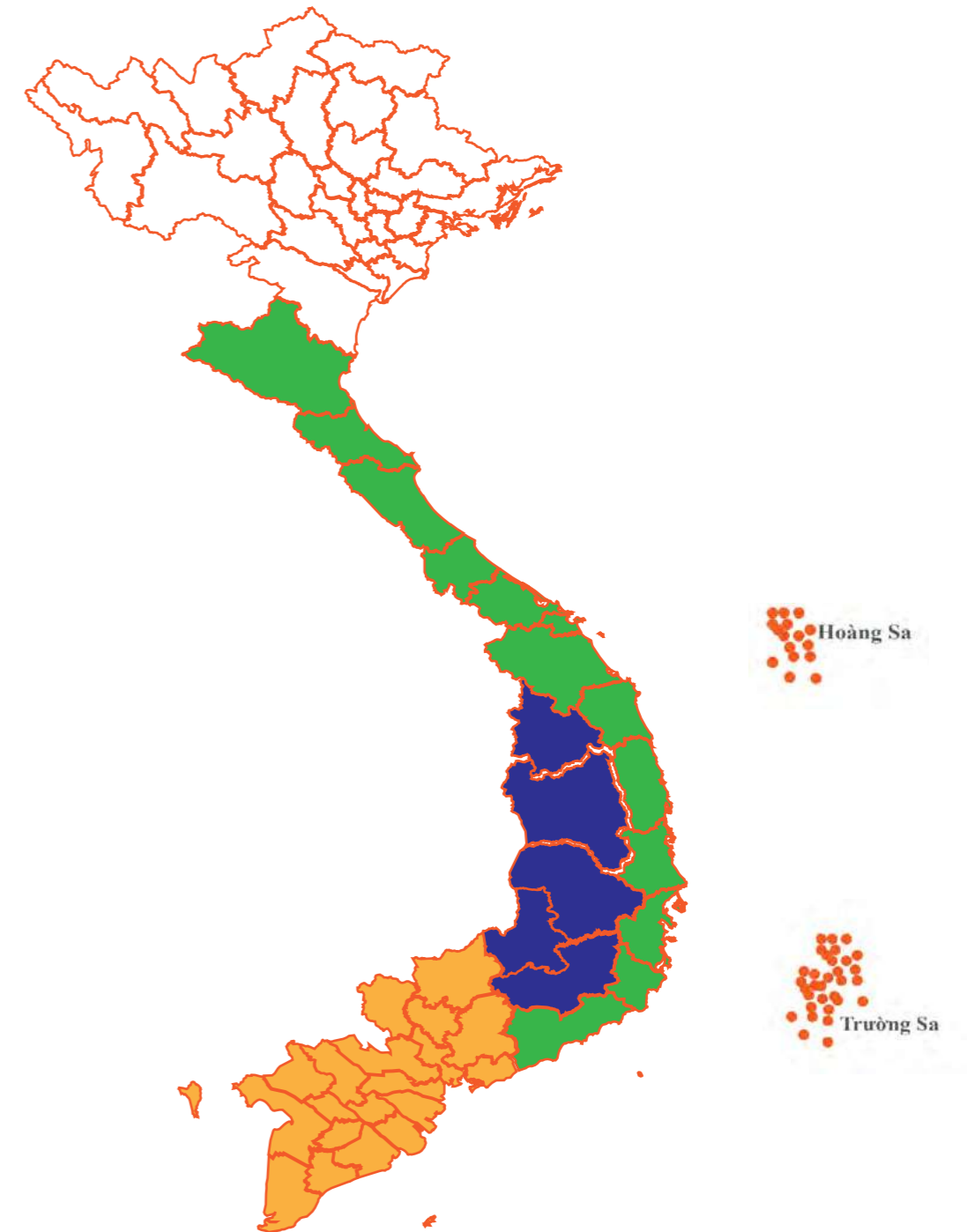
• Nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ trong lĩnh vực khoa học kỹ thuật và công nghệ

Chi tiết: Các hoạt động nghiên cứu thử nghiệm và dịch vụ khác.



ĐỊA BÀN KINH DOANH

Sản phẩm của Công ty tiêu thụ rộng khắp ở các tỉnh miền Trung – Tây Nguyên đến các tỉnh miền Tây Nam Bộ và Thành phố Hồ Chí Minh, với đa dạng các loại sản phẩm hóa chất cơ bản. Hiện nay Công ty đang từng bước mở rộng thị phần ra các nước trong khu vực.



Xút (NaOH)

- Lọc dầu, công nghiệp giấy, dệt, thực phẩm, sản xuất xà phòng và chất tẩy rửa, chế biến quặng nhôm...



Javen (NaClO)

- Xử lý nước, chất tẩy rửa, dệt, ...



Axit clohydric (HCl)

- Tẩy mạ thép, dệt nhuộm ...



PAC lỏng/PAC bột

- Xử lý nước, công nghiệp giấy.



Clo lỏng (Cl₂)

- Xử lý nước, sản xuất thuốc tẩy, ...



Chế phẩm diệt khuẩn -Chloramine B

- Diệt khuẩn, khử trùng bề mặt.



Axit Sunfuric (H₂SO₄)

- Dùng để sản xuất phân bón, phèn nhôm,... dùng làm chất điện giải trong bình ắc quy, axit chì.



Phốt pho vàng (P₄)

- Sản xuất H₃PO₄, các muối gốc Phốt phát,...



“ Công ty Cổ phần Hóa chất cơ bản miền Nam hiện đang hoạt động theo mô hình CTCP với cơ cấu tổ chức vận hành hiệu quả cùng bộ máy và nhân sự tinh gọn. Đây cũng là tôn chỉ mà Ban lãnh đạo Công ty chú trọng ngay từ những ngày đầu thành lập, và xem là yếu tố then chốt, đảm bảo hiệu quả trong hoạt động sản xuất kinh doanh, gia tăng giá trị thương hiệu, hình ảnh doanh nghiệp, hướng đến mục tiêu phát triển bền vững. ”

MÔ HÌNH QUẢN TRỊ

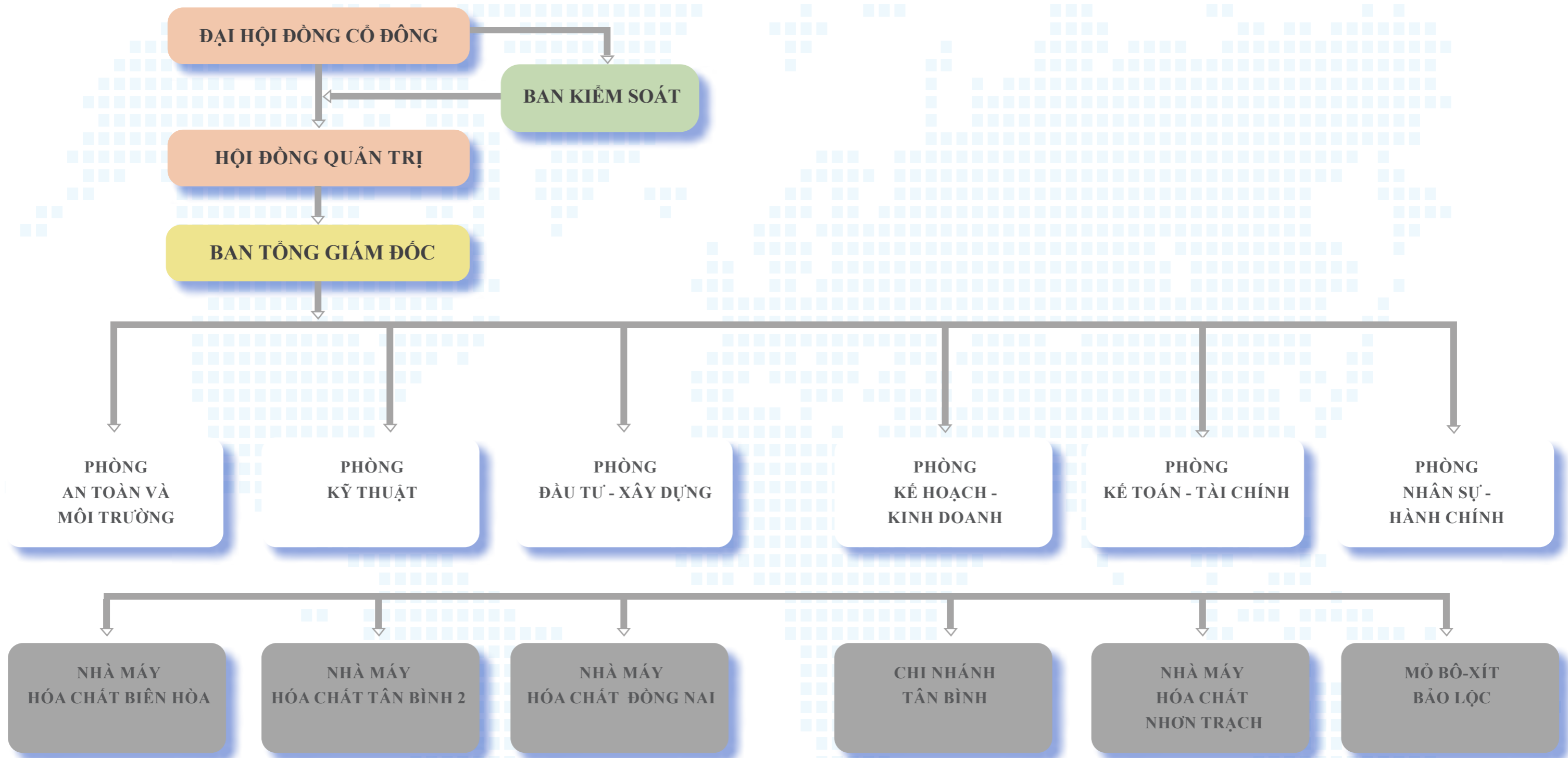
Mô hình quản trị của Công ty bao gồm: Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc

Bộ máy nghiệp vụ:
Bao gồm 06 phòng chuyên môn, giúp việc cho Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc.

Hội đồng quản trị:
05 người, trong đó: 01 Chủ tịch, 04 thành viên.

Ban Điều hành:
05 người, trong đó:
01 Tổng Giám đốc,
03 Phó Tổng Giám đốc
và 01 Kế toán trưởng

Ban Kiểm soát:
03 người, trong đó: 01 Trưởng ban,
02 thành viên



CÔNG TY CON

Tên Công ty	Địa chỉ	Lĩnh vực SXKD chính	VDL thực góp	Tỷ lệ sở hữu của Công ty
CTCP Phốt Pho Việt Nam	KCN Tăng Loòng, Thị trấn Tăng Loòng, Huyện Bảo Thắng, Tỉnh Lào Cai.	Sản xuất, kinh doanh, xuất nhập khẩu phốt pho vàng.	39.345,48	65,05%

ĐƠN VỊ TRỰC THUỘC

STT	Tên công ty	Địa chỉ	Lĩnh vực sản xuất kinh doanh chính
1	Nhà máy Hóa chất Biên Hòa	Đường 5, KCN Biên Hòa 1, tỉnh Đồng Nai.	Sản xuất Xút – Clo và các chế phẩm liên quan, phục vụ cho nhiều ngành công nghiệp sản xuất. Sản phẩm của Nhà máy cung ứng chủ yếu cho thị trường phía Nam.
2	Nhà máy Hóa chất Tân Bình 2	Đường 5, KCN Biên Hòa 1, Đồng Nai	Sản xuất H ₂ SO ₄ và phèn nhôm. Sản phẩm của nhà máy cung ứng chủ yếu cho thị trường phía Nam.
3	Nhà máy Hóa chất Đồng Nai	Đường số 1, KCN Biên Hòa 1, tỉnh Đồng Nai.	Sản xuất H ₃ PO ₄ kỹ thuật, H ₃ PO ₄ thực phẩm và các sản phẩm gốc phốt phát. Sản phẩm của Nhà máy chủ yếu trong các ngành: Tinh luyện đường, sản xuất phân bón vi lượng chất lượng cao, chế biến thức ăn gia súc, sản xuất thực phẩm, mỹ phẩm, nước giải khát, bia...
4	Chi nhánh Tân Bình	139 Phan Huy Ích, Tân Bình, TP.HCM	Kinh doanh các sản phẩm Al(OH) ₃ , H ₂ SO ₄ , Cloramine B. Sản phẩm của Chi nhánh được ứng dụng trong nhiều ngành như: sản xuất bình ắc quy, sản xuất giấy, phân bón, phèn lọc nước, xử lý nước, khử khuẩn v.v...
5	Mô Bô – xít Bảo Lộc	62 Lý Thường Kiệt, thành phố Bảo Lộc, tỉnh Lâm Đồng.	Ngưng hoạt động.
6	Nhà máy Hóa chất Nhơn Trạch(*)	KCN Nhơn Trạch 6, Đồng Nai	(*) Công ty đang lập dự án di dời Nhà máy Hóa chất Biên Hòa, Nhà máy Hóa chất Đồng Nai, Nhà máy Hóa chất Tân Bình 2 về Nhà máy Hóa chất Nhơn Trạch.



QUAN ĐIỂM PHÁT TRIỂN

- Phát triển Công ty theo định hướng thị trường với nền tảng gắn chuỗi giá trị với hệ sinh thái của Tập đoàn hóa chất Việt Nam hướng đến mục tiêu mở rộng thị trường, là một trong những doanh nghiệp sản xuất hóa chất cơ bản hàng đầu Việt Nam;
- Phát triển Công ty đồng bộ, bền vững, có năng lực cạnh tranh cao, khai phá thị trường - bao phủ toàn quốc, phù hợp với quy hoạch phát triển ngành Công nghiệp hóa chất tại Việt Nam;
- Coi con người là yếu tố then chốt, hình thành đội ngũ CBCNV có trình độ cao, trách nhiệm; tác phong chuyên nghiệp, chủ động sáng tạo trong công việc. Xây dựng và phát triển thương hiệu Hóa chất cơ bản miền Nam uy tín, chất lượng.

MỤC TIÊU CHỦ YẾU CỦA CÔNG TY

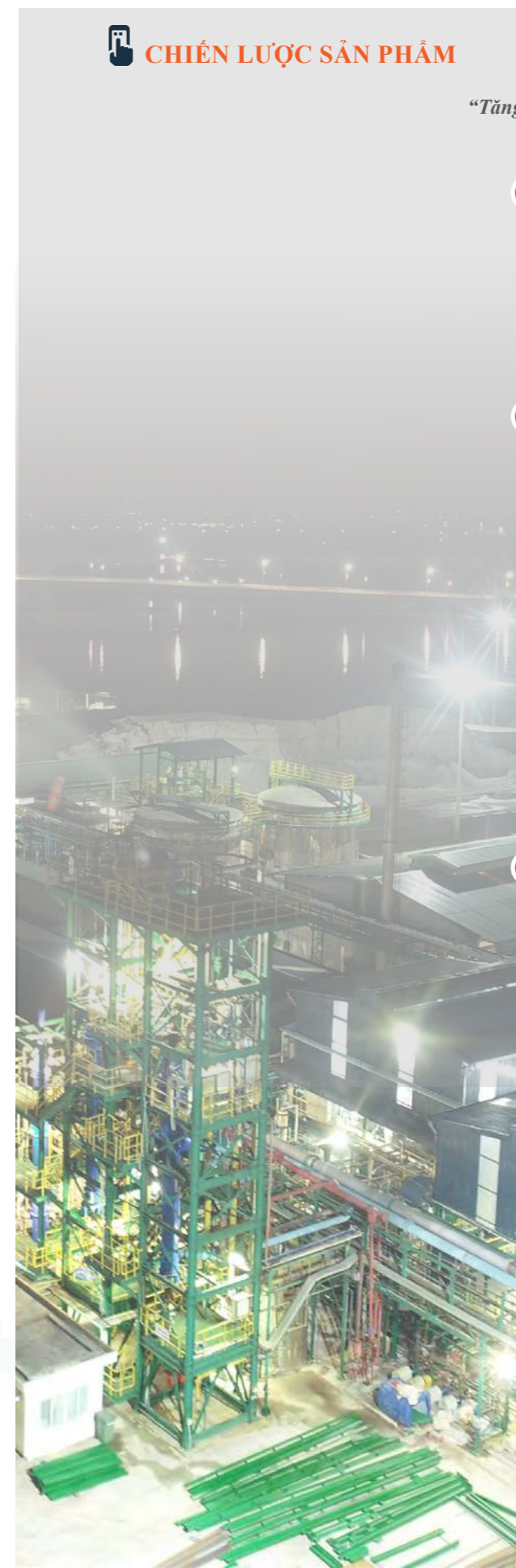
- Tiếp tục đẩy mạnh nghiên cứu cải tiến, phát triển và sản xuất nhiều loại sản phẩm hóa chất đa dạng nhằm mở rộng thị trường, giải quyết bài toán cân bằng Xút - Clo, cạnh tranh với các sản phẩm nhập khẩu và của các đơn vị khác cùng ngành, cung cấp sản phẩm chất lượng tốt và đem lại lợi ích thiết thực cho xã hội và cộng đồng.
- Đảm bảo quyền lợi hợp pháp cho các cổ đông, bảo toàn vốn và nâng cao hiệu quả sử dụng vốn, làm tròn nghĩa vụ đối với Nhà nước.
- Tiếp tục chú trọng công tác đầu tư, sửa chữa, cải tiến dây chuyền máy móc thiết bị nhằm ổn định hoạt động sản xuất kinh doanh, tiết kiệm nguyên vật liệu. Tập trung nguồn lực thực hiện Dự án Nhà máy Hóa chất Nhơn Trạch nhằm di dời thành công các nhà máy tại KCN Biên Hòa 1 về KCN Nhơn Trạch 6, ổn định hoạt động sản xuất kinh doanh và tạo đà phát triển bền vững cho tương lai.
- Xây dựng và giữ vững thương hiệu, đồng thời mở rộng và phát triển đồng bộ các lĩnh vực hoạt động, các dòng sản phẩm khác mà Công ty đang có ưu thế, tạo nền tảng phát triển một cách ổn định, lâu dài và vững chắc.
- Hướng đến sản xuất đảm bảo an toàn, thân thiện môi trường và giữ gìn nguồn tài nguyên thiên nhiên quý giá.

CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN TRUNG VÀ DÀI HẠN

CHIẾN LƯỢC SẢN PHẨM

“Tăng trưởng ổn định sản xuất kinh doanh trên sản phẩm cốt lõi Xút-Clo”

- Tập trung nguồn lực cho các sản phẩm kinh doanh cốt lõi, đặc biệt là sản phẩm Xút-Clo với mục tiêu đẩy mạnh tiêu thụ cho các sản phẩm có biên lợi nhuận cao và khả năng cạnh tranh lớn. Các sản phẩm Xút-Clo được cung cấp chủ yếu cho các ngành thép, điện tử, dệt nhuộm, xử lý nước, ... là những ngành có tiềm năng tăng trưởng lớn.
- Khác biệt hóa sản phẩm: Tập trung phát huy chất lượng sản phẩm nhằm khác biệt hóa sản phẩm so với các đối thủ cạnh tranh bằng cách nâng cao chất lượng và đăng ký các tiêu chuẩn chất lượng, các chứng nhận, quy cách được quốc tế và Việt Nam công nhận. Công ty đã đăng ký và được cấp chứng nhận NSF cho sản phẩm PAC 17% hoá chất xử lý nước sử dụng trong các hệ thống, dây chuyền sản xuất thực phẩm, chứng nhận NSF cho sản phẩm PAC 10% dùng trong xử lý nước uống đảm bảo an toàn sức khỏe con người nhằm nâng cao khả năng cạnh tranh của sản phẩm, nâng cao uy tín của Công ty và đáp ứng nhu cầu của khách hàng ngày một đa dạng. Các sản phẩm NaOH, PAC và Amoniac đã được công bố hợp quy phù hợp với QCVN.
- Phát triển các sản phẩm mới: Công ty đang tiếp tục nghiên cứu các sản phẩm mới nhằm đa dạng hóa danh mục sản phẩm, phục vụ đa dạng ngành nghề và nhu cầu khách hàng. Trong năm 2022, Công ty đã triển khai sản xuất thành công sản phẩm mới là PAC bột, góp phần tăng trưởng của Công ty và đóng góp giải quyết một phần bài toán cân bằng Xút - Clo.





CHIẾN LƯỢC THỊ TRƯỜNG

“Giữ vững thị trường/khách hàng hiện tại và thu hút khách hàng mới, gia tăng thị phần”.

- Công ty áp dụng chiến lược giá bán linh hoạt, theo dõi biến động giá hàng ngày. Tận dụng cơ hội thị trường giá bán các sản phẩm hóa chất như Xút, Phốt pho vàng, Axit Sunfuric tăng mạnh trong những tháng đầu năm 2022, Công ty đã điều chỉnh giá bán sao cho vẫn giữ chân được khách hàng nhưng vẫn tăng mạnh biên lợi nhuận cho Công ty.
- Tìm hiểu, nghiên cứu nhu cầu riêng các nhóm khách hàng lớn (nồng độ, tiêu chuẩn kỹ thuật riêng) để sản xuất các dòng sản phẩm đáp ứng yêu cầu của khách hàng. Cụ thể, các sản phẩm công ty đã đa dạng hóa nồng độ, tiêu chuẩn kỹ thuật như : NaOH (32%, 40%, 45%, 50%), HCl (20%, 22%, 32%, 35%), Javel (40g/l, 100g/l, 120g/l), ...
- Phát triển kênh bán hàng: Ngoài kênh bán hàng truyền thống (B2B), Công ty đang tập trung nghiên cứu và tìm hiểu các kênh bán hàng mới, bao gồm: kênh bán hàng qua đại lý, kênh thương mại điện tử.



MỤC TIÊU PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

Là Công ty hàng đầu trong lĩnh vực sản xuất hóa chất cơ bản, Công ty tạo dựng chuỗi cung ứng với các bên liên quan từ đầu vào đến đầu ra và với cộng đồng – xã hội. Đặt trong bối cảnh kinh doanh và chiến lược phát triển dài hạn, Công ty luôn xem các bên liên quan là những đối tác quan trọng bậc nhất và tác động mạnh mẽ đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty trên các mặt kinh tế, xã hội và môi trường.

Xác định được điều đó, Công ty đã thường xuyên tham vấn để thu thập thông tin nhằm đáp ứng kỳ vọng của họ, phục vụ cho mục tiêu phát triển bền vững của Công ty. Xác định các bên liên quan dựa vào vai trò và mức độ ảnh hưởng của các bên liên quan đối với Công ty bao gồm: **Khách hàng, Cổ đông/Nhà đầu tư, Người lao động, Cơ quan quản lý Nhà nước, Môi trường và Cộng đồng địa phương.**

ĐỐI VỚI KHÁCH HÀNG

- Tiếp tục phát huy triết lý kinh doanh “Sự hài lòng của Quý khách hàng là thành công của Công ty”.
- Đặt lợi ích khách hàng lên hàng đầu, thiết lập cơ chế duy trì mối liên hệ, đối thoại thường xuyên và định kỳ, cung cấp các sản phẩm chất lượng, cạnh tranh và bán chéo các sản phẩm mới với mục tiêu giữ mối quan hệ tốt với khách hàng.
- Công ty luôn đạt mục tiêu phát triển sản phẩm mới, cải tiến sản phẩm hiện hữu để kịp thời đáp ứng nhu cầu của khách hàng.

ĐỐI VỚI CƠ QUAN QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC

- Tuân thủ các quy định pháp luật trong các lĩnh vực an toàn vệ sinh lao động, PCCC, môi trường và các quy định đặc thù của ngành hóa chất.
- Thường xuyên cập nhật các văn bản pháp luật để thay đổi cho phù hợp với những quy định mới, đảm bảo sự tuân thủ, đặc biệt trong lĩnh vực sản xuất kinh doanh của Công ty.
- Tuân thủ các nghĩa vụ tài chính, nghĩa vụ thuế.

ĐỐI VỚI MÔI TRƯỜNG VÀ CỘNG ĐỒNG ĐỊA PHƯƠNG

- Không ngừng hoàn thiện và cải tiến, áp dụng công nghệ hiện đại mới nhất vào sản xuất nhằm hạn chế phát thải ra môi trường nhằm hướng đến sản xuất xanh, không phát thải. Xây dựng và duy trì nhà máy sản xuất xanh, sạch và đẹp.
- Công ty luôn cam kết thực hiện đầy đủ trách nhiệm và nghĩa vụ đối với cộng đồng và xã hội, chung tay góp phần xây dựng một xã hội tốt đẹp và phát triển bền vững.

ĐỐI VỚI NGƯỜI LAO ĐỘNG

- Công ty luôn chú trọng công tác chăm lo đời sống vật chất và tinh thần người lao động. Chế độ lương thưởng công bằng, minh bạch, người lao động luôn được tham gia đầy đủ bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp,... theo đúng quy định.
- Bên cạnh đội ngũ CBCNV tay nghề cao, giàu kinh nghiệm, Công ty tuyển dụng, đào tạo nguồn nhân sự trẻ, trình độ chuyên môn cao, lấy lao động làm nòng cốt nhằm đảm bảo mục tiêu ổn định hoạt động sản xuất kinh doanh và thực hiện đầu tư Nhà máy Hóa chất Nhơn Trạch.

ĐỐI VỚI CỔ ĐÔNG/NHÀ ĐẦU TƯ

- Quản lý, sử dụng, đầu tư vốn hiệu quả với mục đích nhằm tối ưu hóa lợi ích lâu dài của cổ đông.
- Giải đáp thắc mắc của nhà đầu tư qua các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên. Tiếp nhận ý kiến phản hồi qua điện thoại, email.
- Công bố thông tin đúng theo quy định.

CÁC YẾU TỐ RỦI RO

RỦI RO KINH TẾ

Công ty Cổ phần Hóa chất cơ bản miền Nam hoạt động trong lĩnh vực sản xuất các sản phẩm hóa chất với các sản phẩm tiêu biểu như: Xút (NaOH), Axit Sunfuric (H₂SO₄), Axit Clohydric (HCl), Axit Photphoric (H₃PO₄), PAC,... đóng vai trò cung cấp nguyên liệu đầu vào cho nhiều ngành sản xuất thiết yếu phục vụ sản xuất và tiêu dùng như phân bón, sơn và mực in, thuốc bảo vệ thực vật, chất tẩy rửa, xử lý nước, tẩy mạ thép,... nên sự tăng trưởng của ngành sẽ phụ thuộc rất lớn vào nền kinh tế chung.

Nhằm hạn chế tác động của rủi ro kinh tế, Công ty luôn theo sát, đánh giá thị trường để kịp thời đưa ra các chính sách phù hợp với diễn biến đang xảy ra. Bên cạnh đó, Công ty cũng tập trung nghiên cứu các đối tượng khách hàng, giới thiệu sản phẩm, khả năng và năng lực Công ty. Việc này sẽ giúp cho Công ty có những kế hoạch chủ động, linh hoạt trước các diễn biến tiêu cực có thể xảy ra trên thị trường.



RỦI RO TỶ GIÁ

Trong năm 2021, nhằm phục hồi nền kinh tế sau ảnh hưởng của dịch Covid-19, các quốc gia trên thế giới phải kích cầu nền kinh tế bằng cách bơm một lượng tiền lớn ra thị trường khiến cho lạm phát tại nhiều quốc gia trong đó có nhiều nước lớn tăng mạnh khiến các quốc gia này phải thay đổi chính sách tiền tệ từ nới lỏng sang thắt chặt. Cụ thể trong năm 2022, Cục dự trữ liên bang Mỹ (FED) liên tục tăng lãi suất mục tiêu để đối phó với lạm phát. Sau FED, nhiều NHTW của các quốc gia lớn trên thế giới đang có xu hướng đẩy nhanh thắt chặt tiền tệ khi tăng lãi suất nhanh với biên độ lớn. Một số quốc gia Đông Nam Á cũng đã bắt đầu tăng lãi suất trong giai đoạn nửa cuối năm với biên độ nhỏ hơn. Cùng với đó, thị trường ngoại hối quốc tế cũng biến động mạnh theo diễn biến đà tăng giá của đồng USD đã gia tăng áp lực lên mặt bằng lãi suất và tỷ giá của Việt Nam, gây khó khăn cho Công ty trong việc dự báo và đưa ra kế hoạch sản xuất kinh doanh.

Hiện nay, một số nguyên liệu đầu vào của Công ty được cung cấp từ các nguồn nhập khẩu như muối công nghiệp, lưu huỳnh,... nên giá vốn nguyên liệu đầu vào sẽ chịu nhiều ảnh hưởng từ biến động tỷ giá ngoại tệ, đặc biệt trong bối cảnh kinh tế, chính trị thế giới có nhiều diễn biến phức tạp.

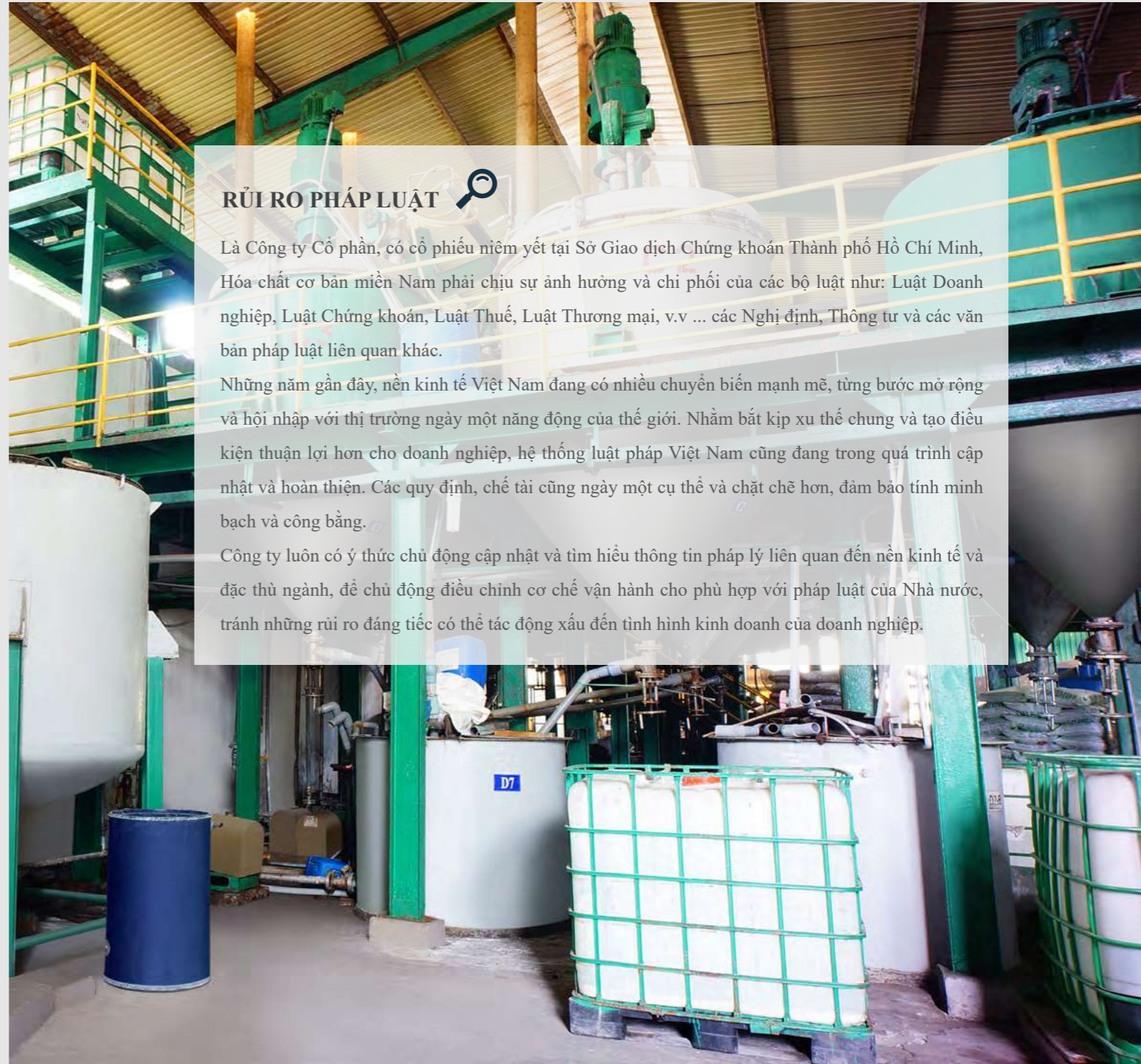
Để hạn chế rủi ro tỷ giá, Công ty có bộ phận phòng ban thường xuyên theo dõi các biến động thị trường, lập kế hoạch kinh doanh, lựa chọn thời điểm mua hàng phù hợp. Bên cạnh đó, các chính sách dự trữ nguồn nguyên liệu ít nhất 3 tháng và lưu trữ tại các nhà máy, đơn vị trực thuộc luôn được Công ty thực hiện. Các kế hoạch nhập khẩu liên quan đến đối tác nước ngoài được tính toán kỹ lưỡng về thời gian thực hiện cũng như thời hạn thanh toán để hạn chế rủi ro tỷ giá ở mức thấp nhất.

RỦI RO PHÁP LUẬT

Là Công ty Cổ phần, có cổ phiếu niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh, Hóa chất cơ bản miền Nam phải chịu sự ảnh hưởng và chi phối của các bộ luật như: Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, Luật Thuế, Luật Thương mại, v.v ... các Nghị định, Thông tư và các văn bản pháp luật liên quan khác.

Những năm gần đây, nền kinh tế Việt Nam đang có nhiều chuyển biến mạnh mẽ, từng bước mở rộng và hội nhập với thị trường ngày một năng động của thế giới. Nhằm bắt kịp xu thế chung và tạo điều kiện thuận lợi hơn cho doanh nghiệp, hệ thống luật pháp Việt Nam cũng đang trong quá trình cập nhật và hoàn thiện. Các quy định, chế tài cũng ngày một cụ thể và chặt chẽ hơn, đảm bảo tính minh bạch và công bằng.

Công ty luôn có ý thức chủ động cập nhật và tìm hiểu thông tin pháp lý liên quan đến nền kinh tế và đặc thù ngành, để chủ động điều chỉnh cơ chế vận hành cho phù hợp với pháp luật của Nhà nước, tránh những rủi ro đáng tiếc có thể tác động xấu đến tình hình kinh doanh của doanh nghiệp.





RỦI RO PHÁT TRIỂN SẢN PHẨM MỚI

Hoạt động nghiên cứu và phát triển sản phẩm mới luôn được Công ty chú trọng. Tuy nhiên, do đặc thù ngành sản xuất kinh doanh các sản phẩm hóa chất cơ bản nên việc đầu tư mới và mở rộng được cơ quan ban ngành xem xét rất kỹ và tốn nhiều thời gian. Đa số sản phẩm ở dạng lỏng nên vấn đề kho chứa, vận chuyển, bảo quản rất nghiêm ngặt và chi phí cao. Vì vậy, vấn đề phát triển sản phẩm mới cần nhiều thời gian để nghiên cứu và đầu tư phát triển.

Công ty tập trung vào việc nâng cao chất lượng sản phẩm, nghiên cứu nâng cao hiệu quả sản xuất bằng nhiều hình thức như tiết kiệm năng lượng, tiết kiệm nguyên nhiên vật liệu, cơ khí hóa một số công đoạn hình thức để tiết kiệm chi phí nhân công, tăng cường ứng dụng tự động hóa vào các dây chuyền sản xuất, tăng cường thiết bị giám sát thông số hoạt động dây chuyền. Công tác cải tiến mẫu mã, chất lượng dịch vụ luôn được Công ty chú trọng.



RỦI RO MÔI TRƯỜNG

Hoạt động đặc thù trong ngành sản xuất hóa chất cơ bản, những sự cố và tổn hại trong quá trình sản xuất kinh doanh có thể tác động tiêu cực đến môi trường xung quanh.

Công ty đã luôn thực hiện tốt việc: tuân thủ các quy định pháp luật về bảo vệ môi trường, đầu tư công nghệ mới để xử lý chất thải, nâng cao ý thức của CBCNV trong việc sử dụng tiết kiệm năng lượng, tài nguyên, tuân thủ nghiêm ngặt việc xử lý chất thải, nước thải, ... Hàng năm công ty đã thực hiện mua bảo hiểm môi trường, nhằm giảm thiểu rủi ro tác động môi trường. Bên cạnh đó, Công ty luôn chú trọng đến tầm quan trọng của việc nâng cao nhận thức môi trường trong công tác sản xuất vận hành đối với cán bộ nhân viên, ràng buộc hiệu quả kinh doanh với những mục tiêu về chất lượng, sức khỏe và sự an toàn của môi trường.

Công ty đã xây dựng kế hoạch ứng phó sự cố môi trường tại các đơn vị thành viên, có tham vấn ý kiến từ các cơ quan ban ngành địa phương. Hàng năm, công ty diễn tập các tình huống giả định đã được nhận diện trong kế hoạch để người lao động được ôn luyện, thành thạo các thao tác xử lý tình huống khi xảy ra sự cố, cũng như có sự phối hợp giữa công ty và các cơ quan chức năng: cảnh sát PCCC, lãnh đạo địa phương và các lực lượng ứng cứu trong khu vực.



RỦI RO CHÁY NỔ

Việc đảm bảo an toàn PCCC tại cơ sở sản xuất kinh doanh luôn là mối quan tâm hàng đầu của Công ty. Công ty luôn chuẩn bị sẵn sàng để giảm thiểu rủi ro này bằng cách lắp đặt hoàn thiện các hệ thống báo cháy, chữa cháy. Để tích cực khắc phục hậu quả trong trường hợp có sự cố cháy nổ xảy ra, Công ty đã mua bảo hiểm toàn bộ tài sản, hàng hóa bao gồm cả hàng hóa trên đường vận chuyển của Công ty.



RỦI RO KHÁC

Bên cạnh những rủi ro đã nói trên, một số rủi ro khác cũng tiềm ẩn nguy cơ xảy ra trong các trường hợp bất khả kháng như: thiên tai, lũ lụt, chiến tranh, dịch bệnh, ... Những rủi ro này thường rất ít khi xảy ra, rất khó dự báo nhưng khi xảy ra sẽ để lại những hậu quả khó lường cho Công ty cả về người và tài sản.

Nhằm hạn chế tối đa ảnh hưởng, Công ty luôn chủ động bằng cách mua bảo hiểm cho người lao động và tài sản của công ty. Đồng thời, công ty luôn cố gắng lường trước các kịch bản xấu và lên các phương án chủ động phòng ngừa và xử lý khi có biến cố xảy ra.

2

TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM

- Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh
- Tổ chức và nhân sự
- Tình hình đầu tư
- Tình hình tài chính
- Cơ cấu cổ đông
- Báo cáo phát triển bền vững

KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH TRONG NĂM 2022

Năm 2022, nền kinh tế thế giới chịu nhiều ảnh hưởng sau đại dịch Covid-19, nhiều quốc gia trên thế giới rơi vào suy thoái, lạm phát tăng cao, giá nhiên liệu trên thế giới liên tục biến động do xung đột chính trị giữa Nga và Ukraine.

Tại Việt Nam, với quyết tâm phục hồi và duy trì sự ổn định cho nền kinh tế, dưới sự chỉ đạo quyết liệt của Thủ tướng Chính phủ và các Bộ, ban ngành, địa phương, kinh tế và xã hội vẫn giữ vững sự ổn định, các cân đối vĩ mô được đảm bảo, lạm phát trong tầm kiểm soát. Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc đã sâu sát theo tình hình chung. Nhờ vậy, hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty gặp nhiều thuận lợi, tuy nhiên vẫn có những khó khăn mà Công ty phải đối mặt, cụ thể:

THUẬN LỢI

- Tính chung cả năm 2022, tăng trưởng GDP ước đạt 8,02%, kinh tế Việt Nam được đánh giá là điểm sáng của khu vực trong năm 2022, điều đó giúp thúc đẩy hoạt động sản xuất và tiêu thụ hàng hóa.
- Các ngành nghề sản xuất đang dần phục hồi, tăng trưởng: ngành dệt may, xây dựng, các ngành hàng tiêu dùng, sản xuất nước giải khát,... tạo điều kiện thuận lợi để công ty khôi phục sản xuất, đẩy mạnh tiêu thụ sản phẩm.
- Bộ công thương và EVN chưa có phương án tăng giá điện sản xuất trong năm 2022 tạo thuận lợi cho các ngành sản xuất công nghiệp sử dụng nhiều điện năng, đặc biệt là ngành hóa chất.
- Thị trường hóa chất thế giới trong năm qua có nhiều biến động do tác động từ các chính sách của Trung Quốc. Điều này đã làm cho giá các mặt hàng Xút, Phốt pho vàng tăng mạnh so với cùng kỳ. Công ty đã nắm bắt cơ hội, bám sát thị trường và điều chỉnh giá hàng hóa các sản phẩm chủ lực.
- Công ty có đội ngũ cán bộ công nhân viên với kỹ năng, trình độ chuyên môn cao, nhạy bén, nhiều kinh nghiệm thực tiễn và tâm huyết với nghề đã vượt qua nhiều trở ngại, mọi khó khăn thiếu thốn để hoàn thành nhiệm vụ.
- Công ty thực hiện thanh toán nợ vay đúng hạn với các tổ chức tín dụng, tạo dựng mối quan hệ uy tín nên được hỗ trợ vay vốn với lãi suất ưu đãi phục vụ công tác sản xuất kinh doanh.

KHÓ KHĂN

- Năm 2022, Cục dự trữ liên bang Mỹ (FED) liên tục tăng lãi suất mục tiêu để đối phó với lạm phát. Sau FED, nhiều ngân hàng trung ương của các quốc gia lớn trên thế giới đang có xu hướng đẩy nhanh thắt chặt tiền tệ khi tăng lãi suất nhanh với biên độ lớn. Cùng với đó, thị trường ngoại hối quốc tế cũng biến động mạnh theo diễn biến đà tăng giá của đồng USD đã gia tăng áp lực lên mặt bằng lãi suất và tỷ giá của Việt Nam. Các khoản vay của công ty vì thế cũng chịu áp lực chi phí khi lãi suất ngắn hạn tăng cao.
- Chỉ số giá tiêu dùng (CPI) bình quân năm 2022 tăng 3,15% so với năm trước, hoàn thành mục tiêu kiểm soát lạm phát dưới 4% của Chính phủ. Tuy nhiên, CPI bình quân hàng tháng so với cùng kỳ năm trước có xu hướng tăng dần. Sản xuất trong nước vẫn còn phụ thuộc vào nguồn nguyên vật liệu nhập khẩu từ bên ngoài trong bối cảnh giá cả thị trường hàng hóa biến động.
- Giá dầu thế giới trong năm qua đã có sự gia tăng đáng kể, khiến cho giá nguyên vật liệu, giá cước vận chuyển hàng hóa tăng mạnh, dẫn đến giá cả một số mặt hàng hóa chất, nguyên liệu đầu vào phục vụ cho sản xuất tăng mạnh, trong đó tăng cao nhất là giá muối công nghiệp, giá lưu huỳnh, phốt pho, ảnh hưởng làm tăng giá thành sản xuất các sản phẩm của Công ty.
- Thị trường trong nước vẫn còn tồn một số lượng lớn các mặt hàng Xút lỏng, Axit Sunfuric (H₂SO₄) nhập khẩu từ cuối năm 2021 với giá thấp, gây khó khăn cho Công ty trong việc điều chỉnh tăng giá bán, nhất là đối với sản phẩm Xút lỏng. Vì vậy, tiêu thụ sản phẩm Xút vẫn còn nhiều khó khăn. Giá muối công nghiệp, lưu huỳnh vẫn còn khá cao trong khi giá bán sản phẩm H₂SO₄, HCl, trong những tháng cuối năm lại giảm mạnh.



KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH TRONG NĂM 2022

ĐVT: triệu đồng

STT	CHỈ TIÊU	Năm 2022	Năm 2021	% Tăng/giảm năm 2022 so với năm 2021
1	Doanh thu thuần	2.104.252	1.576.769	33,45%
2	Lợi nhuận gộp	660.171	412.005	60,23%
3	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	510.173	272.705	87,08%
4	Lợi nhuận trước thuế	510.731	272.861	87,18%
5	Lợi nhuận sau thuế	407.914	218.053	87,07%
6	Cổ tức	35% (*)	15%	133,33%
7	Lãi cơ bản trên 1 cổ phiếu (đồng)	7.395	4.236	74,58%

(*): mức cổ tức năm 2022 dự kiến trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023 thông qua.

Nhu cầu về các loại hóa chất tăng do hoạt động sản xuất hồi phục sau dịch và nguồn cung bị thắt chặt do xung đột chính trị giữa Nga - Ukraine. Nhờ vậy, kết quả kinh doanh năm 2022 của Công ty tăng trưởng ấn tượng. Cụ thể, doanh thu thuần của Công ty đạt 2.104 tỷ đồng, tăng 33,45% so với năm 2021, doanh thu tăng trưởng chủ yếu đến từ sản lượng tiêu thụ các sản phẩm chính tăng mạnh. Cụ thể, sản lượng tiêu thụ của NaOH tương đương so với cùng kỳ, HCl tăng 43%, Silicate tăng 3%, phèn đơn tăng 23%, H₂SO₄ tăng 9%, v.v... Bên cạnh đó, việc Trung Quốc – thị trường sản xuất các sản phẩm hóa chất lớn trên thế giới và có xuất khẩu vào Việt Nam tiếp tục chiến dịch phong tỏa thành phố cùng với tiến hành các chính sách như cấm xuất khẩu một số mặt hàng, cắt giảm sản lượng để bảo vệ môi trường cũng làm tăng mặt bằng giá bán chung các mặt hàng hóa chất tại Việt Nam cũng như trên thế giới. Một số mặt hàng đầu ra của Công ty cũng được điều chỉnh giá bán, cụ thể giá bán NaOH tăng 63%, silicate tăng 33%, H₂SO₄ tăng 31%, v.v ... Theo đó, Lợi nhuận gộp và Lợi nhuận sau thuế lần lượt đạt hơn 660 tỷ đồng tăng 60,23% và 408 tỷ đồng tăng 87,07% so với năm 2021.

DOANH THU THUẦN

Đạt **2.104** tỷ đồng

Tăng **33,45%** so với năm 2021

Lợi nhuận sau thuế

Đạt **408** tỷ đồng

Tăng **87,07%** so với năm 2021

CHI PHÍ SẢN XUẤT, TỶ LỆ TỪNG LOẠI CHI PHÍ/DOANH THU

ĐVT: triệu đồng

KHOẢN MỤC	NĂM 2022		NĂM 2021	
	Giá trị	Tỷ trọng/ DTT	Giá trị	Tỷ trọng/ DTT
Giá vốn hàng bán	1.444.081	68,63%	1.164.764	73,87%
Chi phí tài chính	8.044	0,38%	6.356	0,40%
Chi phí bán hàng	84.802	4,03%	79.108	5,02%
Chi phí quản lý doanh nghiệp	78.619	3,74%	66.226	4,20%
Chi phí khác	82	0,00%	59	0,00%
Tổng chi phí	1.615.628	76,78%	1.316.513	83,49%
Doanh thu thuần	2.104.252		1.576.769	

Với đặc thù là Công ty sản xuất, giá vốn hàng bán chiếm tỷ trọng cao nhất trong cơ cấu chi phí của Công ty. Mặc dù doanh thu hoạt động kinh doanh tăng trưởng 33,45% nhưng hai khoản mục chi phí chính yếu là Chi phí bán hàng và Chi phí quản lý doanh nghiệp chỉ tăng nhẹ so với năm trước, tương ứng tăng 7,20% và 18,71%. Tỷ lệ Chi phí bán hàng/ Doanh thu thuần và Chi phí Quản lý doanh nghiệp/ Doanh thu thuần tiếp tục được kéo giảm xuống còn tương ứng 4,03% và 3,74%. Đây là minh chứng cho sự hiệu quả của công tác quản trị chi phí chặt chẽ, triển khai nhiều chính sách tiết kiệm chi phí trong tất cả các phòng ban của Công ty.

TÌNH HÌNH THỰC HIỆN SO VỚI KẾ HOẠCH

STT	CHỈ TIÊU	Kế hoạch năm 2022	Thực hiện năm 2022	% Hoàn thành kế hoạch
1	Doanh thu hợp nhất	1.742	2.104	121%
2	Lợi nhuận trước thuế hợp nhất	251	511	204%
3	Cổ tức (%/Mệnh giá)	15%	35% (*)	233%

(*) Mức cổ tức dự kiến trình ĐHĐCĐ thường niên năm 2023 thông qua.

Doanh thu hợp nhất là 2.104 tỷ đồng, đạt 121% so với kế hoạch đặt ra. Lợi nhuận trước thuế hợp nhất là 511 tỷ đồng, vượt 104% so kế hoạch được giao. Mặc dù vẫn còn gặp nhiều khó khăn trong hoạt động sản xuất kinh doanh khi kinh tế phục hồi sau dịch Covid-19 nhưng Công ty đã hoàn thành tốt kế hoạch được đề ra tại ĐHĐCĐ thường niên năm 2022.

GIỚI THIỆU BAN LÃNH ĐẠO CÔNG TY

Tính đến ngày 31/12/2022

STT	Thành viên	Chức vụ	Số lượng cổ phần sở hữu	Tỷ lệ sở hữu
I Hội đồng quản trị				
1	Ông Nguyễn Tuấn Dũng	Chủ tịch HĐQT	CN: 0 ĐD: 11.051.000	CN: 0% ĐD: 25%
2	Ông Lê Thanh Bình	Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc	CN: 1.700 ĐD: 8.840.000	CN: 0,004% ĐD: 20%
3	Ông Lê Phương Đông	Thành viên HĐQT không điều hành	CN: 0 ĐD: 0	CN: 0% ĐD: 0%
4	Bà Nguyễn Thanh Bình	Thành viên HĐQT độc lập	CN: 6.000 ĐD: 0	CN: 0,014% ĐD: 0%
5	Ông Vũ Minh Ngọc	Thành viên HĐQT không điều hành	CN: 0 ĐD: 8.840.000	CN: 0% ĐD: 20%
II Ban Kiểm soát				
1	Bà Đỗ Thị Thoa	Trưởng BKS	CN: 0 ĐD: 0	CN: 0% ĐD: 0%
2	Bà Nguyễn Thị Minh Hà	Thành viên BKS	CN: 0 ĐD: 0	CN: 0% ĐD: 0%
3	Ông Nguyễn Minh Trí	Thành viên BKS	CN: 0 ĐD: 0	CN: 0% ĐD: 0%
III Ban Tổng Giám đốc				
1	Ông Lê Thanh Bình	Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc	CN: 1.700 ĐD: 8.840.000	CN: 0,004% ĐD: 20%
2	Ông Đỗ Trung Hiếu	Phó Tổng giám đốc	CN: 0 ĐD: 0	CN: 0% ĐD: 0%
3	Ông Võ Đình Thùy	Phó Tổng giám đốc	CN: 0 ĐD: 0	CN: 0% ĐD: 0%
4	Ông Lê Tùng Lâm	Phó Tổng giám đốc	CN: 0 ĐD: 0	CN: 0% ĐD: 0%
5	Bà Phạm Thị Thu Hằng	Kế toán trưởng	CN: 1.050 ĐD: 0	CN: 0,0024% ĐD: 0%

GIỚI THIỆU HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

ÔNG NGUYỄN TUẤN DŨNG
CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



Năm sinh: 31/01/1975

Số lượng cổ phiếu nắm giữ:

- Cá nhân: 0 cổ phần; chiếm 0% vốn điều lệ.
- Đại diện vốn của Tập đoàn Hóa chất Việt Nam: 11.051.000 cổ phần; chiếm 25% vốn điều lệ.

Trình độ chuyên môn:

- Thạc sỹ xây dựng dân dụng và công nghiệp.

Quá trình công tác:

Thời gian	Vị trí công tác
09/1997 - 04/2002	Nhân viên Viện thiết kế - Tổng Cục hậu cần – Bộ Quốc Phòng.
05/2002 - 06/2006	Chuyên viên Ban Đầu tư – Xây dựng – Tổng Công ty Hóa chất Việt Nam.
07/2006 - 01/2008	Phó Trưởng Ban Đầu tư xây dựng – Tổng Công ty Hóa chất Việt Nam.
02/2008 - 07/2008	Phó Trưởng Ban Đầu tư xây dựng, phụ trách ban Đầu tư xây dựng – Tổng Công ty Hóa chất Việt Nam.
08/2008 - 10/2021	Phó Trưởng Ban Đầu tư xây dựng, Tập đoàn Hóa chất Việt Nam.
10/2021 đến nay	Trưởng Ban Người đại diện vốn Tập đoàn Hóa chất Việt Nam.
06/2020 đến nay	Người đại diện vốn Tập đoàn, Chủ tịch HĐQT Công ty Cổ phần DAP-Vinachem.
04/2022 đến nay	Người đại diện vốn Tập đoàn, Chủ tịch HĐQT Công ty Cổ phần Hóa chất cơ bản miền Nam.

Chức vụ hiện nay tại tổ chức khác

- Chủ tịch HĐQT Công ty Cổ phần DAP-Vinachem.
- Trưởng ban Người đại diện phần vốn Tập đoàn Hóa chất Việt Nam.

Số cổ phần nắm giữ của người có liên quan:

- Ông Nguyễn Văn Oanh – Mối quan hệ (Bố): 20 cổ phần chiếm 0,00% vốn điều lệ.

GIỚI THIỆU HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

ÔNG LÊ THANH BÌNH
THÀNH VIÊN HĐQT KIÊM TỔNG GIÁM ĐỐC



Năm sinh: 31/12/1972

Số lượng cổ phiếu nắm giữ

- **Cá nhân:** 1.700 cổ phần; chiếm 0,004% vốn điều lệ.
- **Đại diện vốn của Tập đoàn Hóa chất Việt Nam:** 8.840.000 cổ phần; chiếm 20% vốn điều lệ.

Trình độ chuyên môn:

- Cử nhân Quản trị Kinh doanh, Đại học Mở Tp.HCM.

Quá trình công tác:

Thời gian	Vị trí công tác
10/1995 – 12/2001	Nhân viên Công ty Hóa chất cơ bản miền Nam.
01/2002 - 09/2003	Phó Phòng Kế hoạch - Kinh doanh Công ty Hóa chất cơ bản miền Nam.
09/2003 - 12/2005	Phó Phòng Kế hoạch - Kinh doanh Công ty TNHH MTV Hóa chất cơ bản miền Nam.
01/2006 - 12/2013	Trưởng phòng Kế hoạch - Kinh doanh Công ty TNHH MTV Hóa chất cơ bản miền Nam.
01/2014 - 04/2015	Thành viên HĐQT kiêm Trưởng Phòng Kế hoạch - Kinh doanh Công ty Cổ phần Hóa chất cơ bản miền Nam.
04/2015 - 04/2019	Phó Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Hóa chất cơ bản miền Nam.
04/2019 - 09/2019	Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Hóa chất cơ bản miền Nam.
10/2019 - Nay	Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Hóa chất cơ bản miền Nam
04/2021 – Nay	Chủ tịch HĐQT Công ty Cổ phần Phốt pho Việt Nam.

Chức vụ hiện nay tại tổ chức khác

- Chủ tịch HĐQT Công ty Cổ phần Phốt pho Việt Nam.

Số cổ phần nắm giữ của người có liên quan: Không có.

GIỚI THIỆU HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

ÔNG LÊ PHƯƠNG ĐÔNG
THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



Năm sinh: 21/08/1967

Số lượng cổ phiếu nắm giữ :

- **Cá nhân:** 0 cổ phần; chiếm 0% vốn điều lệ.
- **Đại diện:** 0 cổ phần; chiếm 0% vốn điều lệ.

Trình độ chuyên môn:

- Thạc sỹ Quản trị kinh doanh, Đại học Bách Khoa Hà Nội.
- Kỹ sư Công nghệ hóa học, Đại học Bách Khoa Tp.HCM.
- Kỹ sư Cơ khí chế tạo máy, Đại học Kỹ thuật Tp.HCM.

Quá trình công tác:

Thời gian	Vị trí công tác
11/1989 - 12/2000	Công nhân viên Nhà máy Hóa chất Tân Bình trực thuộc Công ty Hóa chất cơ bản miền Nam.
01/2001 - 06/2001	Trưởng phòng Kỹ thuật Nhà máy Hóa chất Tân Bình trực thuộc Công ty Hóa chất cơ bản miền Nam.
07/2001 - 12/2001	Phó Giám đốc Nhà máy Hóa chất Tân Bình trực thuộc Công ty Hóa chất cơ bản miền Nam.
01/2002 - 12/2002	Quyền Giám đốc Nhà máy Hóa chất Tân Bình trực thuộc Công ty Hóa chất cơ bản miền Nam.
01/2003 - 09/2003	Giám đốc Nhà máy Hóa chất Tân Bình trực thuộc Công ty Hóa chất cơ bản miền Nam.
09/2003 - 12/2009	Giám đốc Nhà máy Hóa chất Tân Bình trực thuộc Công ty TNHH MTV Hóa chất cơ bản miền Nam.
01/2010 - 12/2013	Giám đốc Nhà máy Hóa chất Tân Bình 2 Chi nhánh Công ty TNHH MTV Hóa chất cơ bản miền Nam.
01/2014 - nay	Giám đốc Nhà máy Hóa chất Tân Bình 2 Chi nhánh Công ty Cổ phần Hóa chất cơ bản miền Nam.
04/2019 - nay	Thành viên HĐQT Công ty Cổ phần Hóa chất cơ bản miền Nam.

Chức vụ hiện nay tại tổ chức khác:

- Giám đốc Nhà máy Hóa chất Tân Bình 2 Chi nhánh Công ty Cổ phần Hóa chất cơ bản miền Nam.

Số cổ phần nắm giữ của người có liên quan: Không có.

GIỚI THIỆU HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

**BÀ NGUYỄN THANH BÌNH
THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**



Năm sinh: 06/03/1961

Số lượng cổ phiếu nắm giữ:

- **Cá nhân:** 6.000 cổ phần; chiếm 0,014% vốn điều lệ.
- **Đại diện:** 0 cổ phần; chiếm 0% vốn điều lệ.

Trình độ chuyên môn:

- Cử nhân Quản trị kinh doanh, Đại học Kinh tế Tp.HCM;
- Kỹ sư hóa, Đại học Bách Khoa Tp.HCM

Quá trình công tác:

Thời gian	Vị trí công tác
10/1987 - 12/1987	Cán bộ kỹ thuật Nhà máy Hóa chất Tân Bình trực thuộc Công ty Hóa chất cơ bản miền Nam.
01/1998 - 07/1998	Trưởng phòng kỹ thuật Nhà máy Hóa chất Tân Bình trực thuộc Công ty Hóa chất cơ bản miền Nam.
08/1998 - 01/2010	Phó Giám đốc Nhà máy Hóa chất Tân Bình trực thuộc Công ty Hóa chất cơ bản miền Nam
02/2010 - 04/2011	Kỹ sư phòng Công nghệ - thiết bị Công ty TNHH MTV Hóa chất cơ bản miền Nam
05/2011 - 12/2013	Phó trưởng phòng Nhân sự - Hành chính Công ty TNHH MTV Hóa chất cơ bản miền Nam
01/2014 - 03/2016	Trưởng phòng Nhân sự - Hành chính Công ty Cổ phần Hóa chất cơ bản miền Nam
04/2019 - nay	Thành viên HĐQT Công ty Cổ phần Hóa chất cơ bản miền Nam

Chức vụ hiện nay tại tổ chức khác: Không có.

Số cổ phần nắm giữ của người có liên quan: Không có.

GIỚI THIỆU HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

**ÔNG VŨ MINH NGỌC
THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**



Năm sinh: 17/04/1981

Số lượng cổ phiếu nắm giữ:

- **Cá nhân:** 0 cổ phần; chiếm 0% vốn điều lệ.
- **Đại diện vốn của Tập đoàn Hóa chất Việt Nam:** 8.840.000 cổ phần; chiếm 20% vốn điều lệ.

Trình độ chuyên môn:

- Kỹ sư xây dựng, Đại học Xây dựng.
- Thạc sỹ kinh tế, Đại học Kinh tế Quốc dân.

Quá trình công tác:

Thời gian	Vị trí công tác
05/2005 - 04/2009	Chuyên viên Ban QLDA DAP Hải Phòng - Tập đoàn Hóa chất Việt Nam.
04/2009 - 12/2010	Chuyên viên Ban QLDA Nhà máy Đạm Ninh Bình - Tập đoàn Hóa chất Việt Nam.
01/2011 - nay	Chuyên viên Ban Đầu tư Xây dựng - Tập đoàn Hóa chất Việt Nam.
04/2019 - nay	Thành viên HĐQT Công ty Cổ phần Thiết kế Công nghiệp Hoá chất.
04/2021 - nay	Thành viên HĐQT Công ty Cổ phần Hoá chất cơ bản miền Nam.

Chức vụ hiện nay tại tổ chức khác

- Thành viên HĐQT – Công ty cổ phần Thiết kế Công nghiệp Hoá chất
- Chuyên viên Ban Đầu tư Xây dựng - Tập đoàn Hóa chất Việt Nam

Số cổ phần nắm giữ của người có liên quan: Không có.

GIỚI THIỆU BAN KIỂM SOÁT

BÀ ĐỖ THỊ THOẠI
TRƯỞNG BAN KIỂM SOÁT

Năm sinh: 15/09/1974

Số lượng cổ phiếu nắm giữ:

- **Cá nhân:** 0 cổ phần; chiếm 0% vốn điều lệ.
- **Đại diện:** 0 cổ phần; chiếm 0% vốn điều lệ.

Trình độ chuyên môn:

- Cử nhân Kinh tế, Đại học Kinh tế Tp.HCM.

Quá trình công tác:

Thời gian	Vị trí công tác
10/1996 - 03/2003	Nhân viên Kế toán Công ty Hóa chất cơ bản miền Nam.
04/2003 - 12/2013	Nhân viên Kế toán Công ty TNHH MTV Hóa chất cơ bản miền Nam.
01/2014 - 04/2016	Nhân viên Kế toán Công ty Cổ phần Hóa chất cơ bản miền Nam.
05/2016 - nay	Trưởng Ban kiểm soát Công ty Cổ phần Hóa chất cơ bản miền Nam.

Chức vụ hiện nay tại tổ chức khác: Không có.

Số cổ phần nắm giữ của người có liên quan: Không có.



GIỚI THIỆU BAN KIỂM SOÁT

BÀ NGUYỄN THỊ MINH HÀ
THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT

Năm sinh: 27/11/1977

Số lượng cổ phiếu nắm giữ:

- **Cá nhân:** 0 cổ phần; chiếm 0% vốn điều lệ.
- **Đại diện:** 0 cổ phần; chiếm 0% vốn điều lệ.

Trình độ chuyên môn:

- Cử nhân Kế toán Kiểm toán, Đại học Dân lập Phương Đông.

Quá trình công tác:

Thời gian	Vị trí công tác
11/1999 - 03/2013	Chuyên viên Phòng Tài chính Kế toán Công ty Cao su Sao Vàng.
04/2013 - nay	Chuyên viên Ban Tài chính Kế toán - Tập đoàn Hóa chất Việt Nam.
04/2019 - nay	Thành viên Ban kiểm soát Công ty cổ phần Hóa chất cơ bản miền Nam.

Chức vụ hiện nay tại tổ chức khác:

- Chuyên viên Ban Tài chính Kế toán - Tập đoàn Hóa chất Việt Nam.

Số cổ phần nắm giữ của người có liên quan: Không có.



ÔNG NGUYỄN MINH TRÍ
THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT

Năm sinh: 07/04/1989

Số lượng cổ phiếu nắm giữ:

- **Cá nhân:** 0 cổ phần; chiếm 0% vốn điều lệ.
- **Đại diện:** 0 cổ phần; chiếm 0% vốn điều lệ.

Trình độ chuyên môn:

- Thạc sĩ Tài chính, Đại học Kinh tế Tp.HCM.
- Thạc sĩ Kinh doanh thương mại, Đại học Kinh tế Tp.HCM.
- Cử nhân Quản trị kinh doanh, Đại học Kinh tế Tp.HCM.



Quá trình công tác:

Thời gian	Vị trí công tác
07/2012 - 07/2014	Nhân viên quan hệ khách hàng, Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam – Chi nhánh 2.
08/2014 - 07/2015	Nhân viên quan hệ khách hàng, Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam – Chi nhánh Tp.HCM.
09/2015 - 12/2019	Nhân viên phòng Kế hoạch – Kinh doanh Công ty Cổ phần Hoá chất cơ bản miền Nam.
01/2020 - nay	Phó trưởng phòng Kế hoạch – Kinh doanh Công ty Cổ phần Hoá chất cơ bản miền Nam.
04/2021 - nay	Thành viên Ban Kiểm soát Công ty Cổ phần Hoá chất cơ bản miền Nam.
04/2021 – nay	Thành viên Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Phốt pho Việt Nam.

Chức vụ hiện nay tại tổ chức khác:

- Thành viên Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Phốt pho Việt Nam

Số cổ phần nắm giữ của người có liên quan: Không có.

GIỚI THIỆU BAN ĐIỀU HÀNH

**ÔNG LÊ THANH BÌNH
THÀNH VIÊN HĐQT KIÊM TỔNG GIÁM ĐỐC**

- Sơ yếu lý lịch Ông Lê Thanh Bình vui lòng xem tại Mục Giới thiệu Hội đồng quản trị.

**ÔNG ĐỖ TRUNG HIẾU
PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC**



Năm sinh: 24/10/1970

Số lượng cổ phiếu nắm giữ:

- Cá nhân:** 0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ.
- Đại diện:** 0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ.

Trình độ chuyên môn:

- Kỹ sư Hóa, Đại học Bách khoa Tp.HCM

Quá trình công tác:

Thời gian **Vị trí công tác**

- 12/1993 – 12/1999 Nhân viên phòng Kỹ thuật Nhà máy Hóa chất Tân Bình trực thuộc Công ty Hóa chất cơ bản miền Nam.
- 01/2000 – 07/2001 Phó phòng Kỹ thuật Nhà máy Hóa chất Tân Bình trực thuộc Công ty Hóa chất cơ bản miền Nam.
- 08/2001 - 09/2003 Trưởng phòng Kỹ thuật Nhà máy Hóa chất Tân Bình trực thuộc Công ty Hóa chất cơ bản miền Nam.
- 09/2003 - 09/2006 Trưởng Phòng Kỹ thuật Nhà máy Hóa chất Tân Bình trực thuộc Công ty TNHH MTV Hóa chất cơ bản miền Nam.
- 10/2006 - 12/2013 Trưởng Phòng Công nghệ - Thiết bị Công ty TNHH MTV Hóa chất cơ bản miền Nam.
- 01/2014 - 08/2018 Trưởng Phòng Công nghệ - Thiết bị Công ty Cổ phần Hóa chất cơ bản miền Nam.
- 09/2018 - 05/2019 Trợ lý Tổng Giám đốc, Trưởng Phòng Công nghệ - Thiết bị Công ty Cổ phần Hóa chất cơ bản miền Nam.
- 06/2019 - 05/2022 Phó Tổng Giám đốc kiêm Trưởng Phòng Công nghệ - Thiết bị Công ty Cổ phần Hóa chất cơ bản miền Nam.
- 06/2022 - nay Phó Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Hóa chất cơ bản miền Nam.

Chức vụ hiện nay tại tổ chức khác: Không có.

Số cổ phần nắm giữ của người có liên quan: Không có.

GIỚI THIỆU BAN ĐIỀU HÀNH

**ÔNG VÕ ĐÌNH THÙY
PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC**



Năm sinh: 14/10/1968

Số lượng cổ phiếu nắm giữ:

- Cá nhân:** 0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ.
- Đại diện:** 0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ.

Trình độ chuyên môn:

- Kỹ sư xây dựng, Đại học Bách khoa Tp.HCM

Quá trình công tác:

Thời gian **Vị trí công tác**

- 1999 – 08/2000 Nhân viên phòng Thiết kế, Công ty TNHH Tư vấn Xây dựng Sơn Long.
- 09/2000 – 09/2003 Nhân viên phòng Cơ điện Công ty Hóa chất cơ bản miền Nam.
- 09/2003 - 01/2006 Nhân viên phòng Cơ điện Công ty TNHH MTV Hóa chất cơ bản miền Nam.
- 02/2006 - 09/2006 Phó phòng Cơ điện Công ty TNHH MTV Hóa chất cơ bản miền Nam.
- 10/2006 - 12/2013 Trưởng phòng Xây dựng Công ty TNHH MTV Hóa chất cơ bản miền Nam.
- 01/2014 - 08/2018 Trưởng phòng Xây dựng Công ty Cổ phần hóa chất cơ bản miền Nam.
- 09/2018 - 10/2019 Trưởng phòng Đầu tư - Xây dựng Công ty Cổ phần hóa chất cơ bản miền Nam.
- 11/2019 - 03/2020 Trợ lý Tổng Giám đốc kiêm Trưởng phòng Đầu tư - Xây dựng Công ty Cổ phần hóa chất cơ bản miền Nam.
- 04/2020 - Nay Phó Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần hóa chất cơ bản miền Nam.

Chức vụ hiện nay tại tổ chức khác: Không có.

Số cổ phần nắm giữ của người có liên quan:

- Ông Đoàn Thanh Tân – Mối quan hệ Anh rể: 100.000 cổ phần chiếm 0,23% vốn điều lệ.

GIỚI THIỆU BAN ĐIỀU HÀNH

**ÔNG LÊ TÙNG LÂM
PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC**



Năm sinh: 22/08/1975

Số lượng cổ phiếu nắm giữ:

- **Cá nhân:** 0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ.
- **Đại diện:** 0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ.

Trình độ chuyên môn:

- Cử nhân Kinh tế học - Đại học Kinh tế Tp.HCM;
- Cử nhân Kế toán - Đại học Kinh tế Tp.HCM;
- Cử nhân Luật - Đại học Luật Tp.HCM.

Quá trình công tác:

Thời gian	Vị trí công tác
08/1997 - 01/1998	Chuyên viên Phòng Kế hoạch thị trường Công ty Hóa chất cơ bản miền Nam.
02/1998 - 03/1998	Chuyên viên phụ trách Ban Tài chính Kế toán Nhà máy Hóa chất Đồng Nai trực thuộc Công ty Hóa chất cơ bản miền Nam.
04/1998 - 09/1999	Trưởng ban Tài chính Kế toán Nhà máy Hóa chất Đồng Nai trực thuộc Công ty Hóa chất cơ bản miền Nam
10/1999 - 12/2001	Chuyên viên Phòng Kế toán - Tài chính Công ty Hóa chất cơ bản miền Nam.
01/2002 - 09/2003	Phó trưởng phòng Kế toán - Tài chính Công ty Hóa chất cơ bản miền Nam.
09/2003 - 11/2013	Phó trưởng phòng Kế toán - Tài chính Công ty TNHH MTV Hóa chất cơ bản miền Nam.
12/2013 - 12/2013	Phó trưởng phòng Nhân sự - Hành chính Công ty TNHH MTV Hóa chất cơ bản miền Nam.
01/2014 - 03/2016	Phó trưởng phòng Nhân sự - Hành chính, Thư ký Công ty kiêm người được ủy quyền công bố thông tin, Thành viên Ban kiểm soát, Người phụ trách quản trị Công ty - Công ty Cổ phần Hóa chất cơ bản miền Nam.
04/2016 - 03/2021	Trưởng phòng Nhân sự - Hành chính, Thư ký công ty kiêm người được ủy quyền Công bố thông tin, Người phụ trách quản trị Công ty, Thành viên Ban Kiểm soát Công ty Cổ phần Hóa chất cơ bản miền Nam.
04/2021 - Nay	Phó Tổng Giám đốc kiêm Người được ủy quyền công bố thông tin, Người phụ trách quản trị Công ty Công ty Cổ phần Hóa chất cơ bản miền Nam.

Chức vụ hiện nay tại tổ chức khác: Không có.

Số cổ phần nắm giữ của người có liên quan: Ông Lê Quốc Hùng - Em ruột: 20 cổ phần chiếm 0,00% vốn điều lệ.

GIỚI THIỆU BAN ĐIỀU HÀNH

**BÀ PHẠM THỊ THU HẰNG
KẾ TOÁN TRƯỞNG**



Năm sinh: 09/10/1972

Số lượng cổ phiếu nắm giữ:

- **Cá nhân:** 1.050 cổ phần; chiếm 0,0024% vốn điều lệ.
- **Đại diện:** 0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ.

Trình độ chuyên môn:

- Đại học Tài chính Kế toán.

Quá trình công tác:

Thời gian	Vị trí công tác
03/1995 - 09/2003	Nhân viên phòng Kế toán - Tài chính Công ty Hoá chất cơ bản miền Nam.
09/2003 - 11/2013	Nhân viên Phòng Kế toán - Tài chính Công ty TNHH MTV Hóa chất cơ bản miền Nam.
12/2013 - 12/2013	Phó trưởng phòng Kế toán - Tài chính Công ty TNHH MTV Hóa chất cơ bản miền Nam.
01/2014 - 06/2018	Phó trưởng phòng Kế toán - Tài chính Công ty Cổ phần Hóa chất cơ bản miền Nam.
07/2018 - 12/2018	Phó Trưởng phòng Kế toán - Tài chính Công ty Cổ phần Hóa chất cơ bản miền Nam kiêm Kế toán trưởng Nhà máy Hóa chất Biên Hòa.
01/2019 - 03/2020	Phó trưởng phòng Kế toán - Tài chính Công ty Cổ phần Hóa chất cơ bản miền Nam.
04/2020 - Nay	Kế toán trưởng Công ty Cổ phần Hóa chất cơ bản miền Nam.

Chức vụ hiện nay tại tổ chức khác: Không có.

Số cổ phần nắm giữ của người có liên quan: Không có.

NHỮNG THAY ĐỔI TRONG BAN ĐIỀU HÀNH TRONG NĂM 2022

Trong năm 2022, cơ cấu nhân sự Ban điều hành trong Công ty không có thay đổi.

Tính chất phân loại	Năm 2021		Năm 2022	
	Số lượng	Tỷ trọng (%)	Số lượng	Tỷ trọng (%)
A Theo trình độ	636	100,00%	658	100,00%
1 Trình độ Đại học và trên Đại học	110	17,30%	122	18,54%
2 Trình độ Cao đẳng, trung cấp chuyên nghiệp	160	25,16%	174	26,44%
3 Sơ cấp và Công nhân kỹ thuật	292	45,91%	301	45,74%
4 Lao động phổ thông	74	11,64%	61	9,27%
B Theo thời hạn HĐLĐ	636	81,60%	658	100,00%
1 Hợp đồng có thời hạn 1 đến 3 năm	131	18,40%	145	22,04%
2 Hợp đồng không xác định thời hạn	505	81,60%	513	77,96%
C Theo giới tính	636	100,00%	658	100,00%
1 Nam	519	81,60%	541	82,22%
2 Nữ	117	18,40%	117	17,78%



“Nguồn nhân lực đóng vai trò hạt nhân trong chiến lược phát triển bền vững của CSV. Với môi trường cạnh tranh ngày càng cao, đặc biệt là doanh nghiệp tư nhân sẽ tham gia mạnh vào hóa chất cơ bản thời gian tới, nguồn nhân lực chuyên nghiệp, lành nghề sẽ giúp Công ty duy trì lợi thế và đảm bảo hiệu quả kinh doanh. Bên cạnh đó, đảm bảo công việc ổn định, chăm lo các chế độ, chính sách và đảm bảo chất lượng cuộc sống của người lao động cũng là cách thể hiện trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp”

VỀ ĐÀO TẠO

Trong công tác đào tạo, Công ty đã chú trọng đến công tác tự đào tạo, đào tạo tại chỗ và dành sự quan tâm khuyến khích các cán bộ trẻ nâng cao trình độ chuyên môn. Mục tiêu đào tạo về nhân sự của Công ty là giỏi về chuyên môn nghiệp vụ, chuẩn mực trong đạo đức, chuyên nghiệp trong phong cách làm việc và tâm huyết với nghề. Ngoài ra, Công ty thực hiện chính sách điều động, bổ nhiệm nhân sự một cách hợp lý nhằm đáp ứng nhu cầu sản xuất kinh doanh theo từng thời điểm.

VỀ TUYỂN DỤNG

Người lao động trong Công ty được bố trí việc làm đầy đủ, phù hợp với trình độ chuyên môn và ổn định lâu dài. Công tác tuyển dụng nhân sự tại Công ty được thực hiện căn cứ định biên lao động được HĐQT phê duyệt, quy trình tuyển dụng nhân sự của Công ty. Công ty duy trì việc làm ổn định với các chế độ phúc lợi đảm bảo cho 658 CBCNV, tăng 22 người so với con số 636 người năm trước.

MÔI TRƯỜNG CÔNG VIỆC

Công ty luôn cố gắng đảm bảo cơ sở vật chất đầy đủ, tiện nghi phục vụ cho quá trình làm việc ở tất cả các nơi từ Văn phòng cho đến Nhà máy, Chi nhánh. Nhằm hạn chế tối đa những rủi ro trong quá trình sản xuất, lực lượng lao động trực tiếp được trang bị đầy đủ các phương tiện, công cụ bảo hộ lao động theo các yêu cầu tiêu chuẩn an toàn của Luật Bảo hộ lao động.

Tùy môi trường và công đoạn sản xuất mà người lao động được trang bị bảo hộ lao động cần thiết, nhằm hạn chế thấp nhất mức tác động của nguyên liệu đến sức khỏe công nhân, đồng thời vẫn đảm bảo chất lượng sản phẩm.





VỀ LƯƠNG, THUỞNG, PHÚC LỢI, ĐÃI NGỘ

Công ty đang áp dụng chế độ làm việc đảm bảo thời gian làm việc không vượt quá 48 giờ/tuần, tuân thủ đúng quy định của Luật lao động và nội quy lao động của Công ty. Người lao động được bố trí nghỉ đầy đủ vào các ngày Lễ, Tết và các ngày nghỉ hưởng nguyên lương, đối với các trường hợp đi làm trùng vào các ngày nghỉ này được tính làm thêm giờ theo quy định của Luật Lao động.

Ban lãnh đạo Công ty luôn chú trọng đến việc xây dựng chế độ chính sách, phúc lợi hợp lý cho toàn thể CBCNV. Trong đó, Quỹ khen thưởng và phúc lợi được Công ty trích lập theo đúng các quy định pháp luật. Công ty cũng nỗ lực điều chỉnh lương của toàn thể CBCNV một cách cạnh tranh so với trong ngành và thị trường, giúp người lao động có thể yên tâm công tác và gắn bó với Công ty, cụ thể trong năm 2022 mức lương hàng tháng của người lao động được điều chỉnh tăng 7% và tiền thưởng tết tăng hơn 10% so với năm 2021.



THU NHẬP BÌNH QUÂN CỦA NGƯỜI LAO ĐỘNG

STT	Chỉ tiêu	Năm 2020	Năm 2021	Năm 2022
1	Tổng số lao động bình quân (người)	640	629	652
2	Thu nhập bình quân (triệu đồng/người/tháng)	16,41	16,71	18,53



Chỉ tiêu	Thông tin chi tiết
1 Tên dự án	Mua sắm bình điện phân NaOH
2 Tên nhà đầu tư	Công ty Cổ phần Hóa chất cơ bản miền Nam
3 Hình thức đầu tư	Mua sắm mới
4 Mục tiêu đầu tư	Mua sắm bình điện phân mới công suất 10.000 tấn NaOH 100%/năm để thay thế bình điện phân số 3 và bình điện phân số 4 BM2.7
5 Quy mô dự án	Bình điện phân công suất 10.000 tấn NaOH 100%/năm
6 Địa điểm thực hiện dự án	Nhà máy Hóa chất Biên Hòa, đường số 5, KCN Biên Hòa 1, phường An Bình, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai.
7 Tổng mức đầu tư dự án	35.117 triệu đồng.
8 Thời gian và tiến độ thực hiện dự án	31 tháng tính từ ngày 24/10/2019. Đã nghiệm thu hoàn thành đưa vào sử dụng ngày 03/6/2022.



TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ TẠI CÔNG TY CON

» Theo số liệu trên Báo cáo tài chính kết thúc tại ngày 31.12.2022 của Công ty Cổ phần Phốt pho Việt Nam đã được kiểm toán: Tổng nguồn vốn: 297.874.165.728 đồng, Vốn chủ sở hữu: 225.432.516.312 đồng; Trong đó: Vốn góp của chủ sở hữu 60.487.200.000 đồng; Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm trước 11.950.121.906 đồng, Lợi nhuận sau thuế năm nay: 152.995.194.406 đồng.

» Trong năm 2022, Công ty Cổ phần Phốt Phô Việt Nam đã hoàn thành xuất sắc vượt các chỉ tiêu kế hoạch. Sản lượng sản xuất đạt 4.888 tấn, đạt 122% so với kế hoạch, doanh thu đạt được 654 tỷ đồng, đạt 186% so với kế hoạch, lợi nhuận trước thuế đạt được 192 tỷ đồng, đạt 1.920% so với kế hoạch, đồng thời các chỉ tiêu khác Công ty cũng hoàn thành xuất sắc so kế hoạch.

TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

ĐVT: Triệu đồng

STT	CHỈ TIÊU	Năm 2022	Năm 2021	% Tăng/giảm năm 2022 so với năm 2021
1	Tổng giá trị tài sản	1.718.419	1.455.842	18,04%
2	Doanh thu thuần	2.104.252	1.576.769	33,45%
3	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	510.173	272.705	87,08%
4	Lợi nhuận khác	557	155	258,68%
5	Lợi nhuận trước thuế	510.731	272.861	87,18%
6	Lợi nhuận sau thuế	407.914	218.053	87,07%
7	Cổ tức (đồng)	35% (*)	15%	133,33%

(*): mức cổ tức năm 2022 dự kiến trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023 thông qua.

CÁC CHỈ TIÊU TÀI CHÍNH CHỦ YẾU

Chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2022	Năm 2021
Chỉ tiêu về khả năng thanh toán			
Hệ số thanh toán ngắn hạn:	Lần	4,31	3,16
Hệ số thanh toán nhanh:	Lần	2,99	2,00
Chỉ tiêu về cơ cấu vốn			
Hệ số Nợ/Tổng tài sản	%	16,85%	20,34
Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	%	20,26%	25,53
Chỉ tiêu về năng lực hoạt động			
Vòng quay hàng tồn kho	Vòng	3,99	4,03
Vòng quay tổng tài sản	Vòng	1,33	1,14
Chỉ tiêu về khả năng sinh lời			
Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	%	19,39%	13,83
Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu bình quân	%	31,52%	20,15
Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản bình quân	%	25,70%	15,83
Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động SXKD/Doanh thu thuần	%	24,24%	17,30



CHỈ TIÊU VỀ KHẢ NĂNG THANH TOÁN

Hệ số thanh toán ngắn hạn và hệ số thanh toán nhanh lần lượt ở mức 4,31 và 2,99 lần tăng so với mức 3,16 và 2,00 lần năm 2021. Tính đến thời điểm 31/12/2022, Công ty ghi nhận khoản tiền và tương đương tiền và khoản tiền gửi có kỳ hạn lần lượt ở mức 190,34 tỷ đồng và 335 tỷ đồng tương ứng tăng 4,46% và 168% so với cùng kỳ 2021 và sự gia tăng các khoản phải thu ngắn hạn do Công ty nới lỏng chính sách thu tiền người mua là nguyên nhân dẫn đến tài sản ngắn hạn của Công ty tăng 33,37% đạt 1.247,96 tỷ đồng so với thời điểm 31/12/2021. Ngoài ra, trong năm Công ty đã thực hiện tất toán phần lớn các khoản công nợ đối với nhà cung cấp, điều này làm cho nợ ngắn hạn của Công ty tính đến thời điểm cuối năm giảm nhẹ so với cùng kỳ. Việc Công ty duy trì mức tiền mặt lớn giúp các chỉ số về thanh toán của Công ty được duy trì ở mức an toàn, qua đó có thể thấy được sự ổn định và những nỗ lực của Ban điều hành trong việc điều hành dòng tiền kinh doanh và đáp ứng khả năng thanh toán các khoản nợ ngắn hạn.



CHỈ TIÊU VỀ CƠ CẤU VỐN

Tính an toàn trong nguồn vốn hoạt động luôn được Ban lãnh đạo Công ty chú trọng. Do đó, cơ cấu nợ phải trả luôn được giữ ở tỷ trọng thấp qua các năm. Năm 2022, tỷ lệ nợ phải trả/tổng tài sản đạt 16,85%, tỷ lệ này giảm so với năm 2021 chủ yếu đến từ sự gia tăng của tài sản ngắn hạn cụ thể là các khoản tiền gửi ngắn hạn. Tính đến cuối năm 2022, nợ vay ngắn hạn tăng 79,84% so với cùng kỳ, đây là khoản vay ngắn hạn phát sinh trong quý IV năm 2022 nhằm bổ sung nguồn vốn thanh toán kịp thời cho đối tác khi các khoản tiền gửi có kỳ hạn chưa đến hạn, theo đó cơ cấu nợ ngắn hạn không biến động nhiều. Cấu trúc nguồn vốn kinh doanh thay đổi trong khi đòn bẩy tài chính không có nhiều biến động thể hiện hoạt động cơ cấu nguồn vốn kinh doanh theo hướng sử dụng vốn tự có giúp Công ty giảm được áp lực chi phí tài chính trong điều kiện thị trường tiềm ẩn nhiều rủi ro.



CÁC CHỈ TIÊU TÀI CHÍNH CHỦ YẾU

CHỈ TIÊU VỀ NĂNG LỰC HOẠT ĐỘNG

03

Với mục tiêu duy trì tốc độ tăng trưởng doanh thu, cũng như mở rộng mạng lưới khách hàng, Công ty đẩy mạnh hoạt động kinh doanh trong năm vừa qua. Điều này dẫn đến vòng quay tổng tài sản của Công ty tăng từ 1,14 lần năm 2021 lên 1,33 lần trong năm 2022. Việc tiếp tục duy trì xu hướng tích cực trong những năm qua đã thể hiện được tính ổn định trong việc sử dụng tài sản hiệu quả của Công ty.

Vòng quay hàng tồn kho bình quân của Công ty năm 2022 đạt 3,99 vòng, giảm so với mức 4,03 vòng của cùng kỳ do hàng tồn kho của Công ty tăng cao trong giai đoạn 2021-2022 để phục vụ kịp thời cho công tác sản xuất kinh doanh, đồng thời Công ty cũng tận dụng cơ hội tích trữ nguồn nguyên vật liệu đầu vào khi giá lưu huỳnh giảm mạnh do nguồn cung tại Trung Quốc phục hồi.

CHỈ TIÊU VỀ KHẢ NĂNG SINH LỜI

04

Năm 2022 là năm gặt hái nhiều thành công đối với Công ty, các tỷ số sinh lời đều cải thiện khá so với năm trước. Cụ thể, hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần tăng từ 13,83% lên 19,39%; Hệ số lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần tăng từ 17,30% lên 24,24%; ROE và ROA tăng mạnh mẽ lần lượt từ 20,15% và 15,83% lên tương ứng 31,52% và 25,70%.

CƠ CẤU CỔ ĐÔNG, THAY ĐỔI VỐN ĐẦU TƯ CỦA CHỦ SỞ HỮU

- Tổng số cổ phiếu đã phát hành: 44.200.000 cổ phiếu, trong đó:
 - Số lượng cổ phiếu đang lưu hành: 44.200.000 cổ phiếu.
 - Số lượng cổ phiếu quỹ: 0 cổ phiếu.
- Loại cổ phần: Cổ phiếu phổ thông.
- Mệnh giá cổ phần: 10.000 đồng/cổ phiếu.

CƠ CẤU CỔ ĐÔNG, THAY ĐỔI VỐN ĐẦU TƯ CỦA CHỦ SỞ HỮU



CƠ CẤU CỔ ĐÔNG

Phân loại theo cổ đông trong nước và nước ngoài tại ngày 31/12/2022.

STT	Đối tượng	Số lượng cổ phiếu	Tỷ lệ sở hữu/VĐL	Số lượng cổ đông	Cơ cấu cổ đông	
					Tổ chức	Cá nhân
1	Cổ đông Nhà nước	28.731.000	65,00%	1	1	-
2	Công đoàn công ty	160.000	0,36%	1	1	-
-	Trong nước	160.000	0,36%	1	1	-
-	Nước ngoài	-	0,00%	-	-	-
3	Cổ phiếu quỹ	-	0,00%	-	-	-
4	Cổ đông khác	15.309.000	34,64%	3.220	45	3.175
-	Trong nước	12.421.146	28,10%	3.148	27	3.121
-	Nước ngoài	2.887.854	6,53%	72	18	54
TỔNG CỘNG		44.200.000	100,00%	3.222	47	3.175
Trong đó: - Trong nước		41.312.146	93,47%	3.150	29	3.121
- Nước ngoài		2.887.854	6,53%	72	18	54

Phân loại theo cổ đông lớn tại ngày 31/12/2022

STT	Cổ đông	Số lượng cổ phiếu	Tỷ lệ sở hữu/VĐL (%)
1	Tập đoàn hóa chất Việt Nam	28.731.000	65,00%
2	Cổ đông khác	15.469.000	35%
TỔNG CỘNG		44.200.000	100,00%

Căn cứ công văn số 6895/UBCK-PTTT ngày 01/11/2021, tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa của Công ty là: 50%.



TÌNH HÌNH THAY ĐỔI VỐN ĐẦU TƯ CỦA CHỦ SỞ HỮU

Kể từ khi đăng ký niêm yết đến nay Công ty không thực hiện tăng vốn, vốn điều lệ đến ngày 31/12/2022 là 442 tỷ đồng.



GIAO DỊCH CỔ PHIẾU QUỸ

Trong năm, Công ty không có giao dịch mua/bán cổ phiếu quỹ. Số lượng cổ phiếu quỹ Công ty hiện đang nắm giữ là 0 cổ phiếu.

“*Phát triển bền vững hướng đến sự kết hợp chặt chẽ, hợp lý, hài hòa giữa ba mặt của sự phát triển: phát triển kinh tế, phát triển xã hội và bảo vệ môi trường. Trong hai thập kỷ qua, trên bình diện quốc tế, vấn đề phát triển bền vững ngày càng được đặc biệt quan tâm, trở thành yêu cầu phát triển của toàn cầu. Phát triển bền vững là xu thế chung mà toàn nhân loại đang nỗ lực hướng tới, đó cũng là mục tiêu chiến lược quan trọng, là chủ trương đường lối, chính sách, quan điểm mà Đảng, Chính phủ và nhân dân Việt Nam quyết tâm thực hiện.*”



Quản lý các vấn đề tác động đến môi trường trong suốt chuỗi giá trị hoạt động kinh doanh không chỉ nhằm tuân thủ yêu cầu pháp luật, mà còn thể hiện triết lý của một đơn vị sản xuất hướng đến mục tiêu phát triển bền vững. Quản lý các yếu tố tác động đến môi trường giúp công ty tạo được một môi trường làm việc trong sạch, giảm thiểu ô nhiễm, đảm bảo sức khỏe cùng điều kiện sinh hoạt của người lao động và các bên liên quan; đặc biệt là người lao động, những người chịu tác động và rủi ro trực tiếp từ môi trường làm việc. Trong năm 2022, tổng phát thải khí nhà kính trực tiếp của Công ty là 89.247 tấn.

Các sáng kiến và biện pháp giảm thiểu phát thải khí nhà kính:

- Dây chuyền sản xuất sử dụng công nghệ hiện đại, tiên tiến không phát sinh hoặc phát sinh rất ít phát thải.
- Hệ thống xử lý khí thải được bảo trì bảo dưỡng định kỳ nhằm đảm bảo hoạt động ổn định.
- Thực hiện quan trắc môi trường định kỳ để đánh giá hiệu quả của hệ thống xử lý khí thải tại Nhà máy Hóa chất Biên Hòa, Nhà máy Hóa chất Tân Bình 2, Nhà máy hóa chất Đồng Nai.
- Lên kế hoạch ứng phó sự cố môi trường tại Nhà máy Hóa chất Biên Hòa, Nhà máy Hóa chất Tân Bình 2, Nhà máy hóa chất Đồng Nai.
- Tái sử dụng các nguồn nhiệt dư trong quá trình sản xuất để giảm công suất sử dụng nồi hơi.



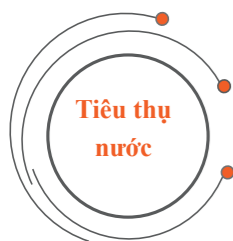
Nguyên vật liệu, năng lượng đóng vai trò quan trọng trong việc sản xuất kinh doanh của Công ty. Nguyên vật liệu, năng lượng chính dùng cho sản xuất bao gồm: Muối công nghiệp (NaCl), Cát trắng, Lưu huỳnh (S), Phốt pho vàng (P₄), Quặng apatit, BaCl₂, điện, v.v... Trong đó, Cát trắng, Phốt pho vàng, Quặng apatit, điện có sẵn trong nước, còn lại nhập khẩu từ nước ngoài. Công ty có nguồn cung ứng ổn định là những nhà cung cấp uy tín trên thị trường. Bên cạnh đó, Công ty có lợi thế là có công ty con sản xuất phốt pho nên cũng thuận lợi cho Công ty trong việc sử dụng nguồn nguyên liệu này.



Các hoạt động sản xuất kinh doanh luôn được Ban lãnh đạo quan tâm chỉ đạo tối ưu hóa, giúp tiết giảm chi phí và cũng đồng thời giảm thiểu tác động tiêu cực đến môi trường.

Công ty luôn chú trọng trong việc xây dựng định mức sử dụng các nguồn năng lượng. Tất cả các văn phòng, nhà máy của Công ty đều áp dụng và báo cáo tình hình sử dụng năng lượng định kỳ. Bên cạnh đó, việc truyền thông nội bộ cũng được thực hiện thường xuyên nhằm nâng cao ý thức bảo vệ môi trường của cán bộ công nhân viên. Hoạt động tiêu thụ năng lượng của các nhà máy đều tuân thủ theo đúng tiêu chuẩn và định mức năng lượng cần thiết để hệ thống vận hành hiệu quả.

Trong năm, nhiều sáng kiến sử dụng năng lượng hiệu quả đã được toàn thể nhân viên Công ty nhiệt liệt tham gia, sáng tạo và mạnh dạn trao đổi ý kiến và đã nhận được sự quan tâm của Ban lãnh đạo như: thiết kế lại quy trình, chuyển đổi nâng cấp thiết bị, thay đổi hành vi và nhận thức người lao động, những thay đổi trong hoạt động sản xuất kinh doanh.



Chung tay cùng với Chính phủ, các tổ chức và cá nhân nhằm giảm thiểu tối đa những tác động tiêu cực đến môi trường nước. Công ty luôn tuân thủ đúng luật bảo vệ môi trường, hành động đi đôi với phương châm cùng cộng đồng bảo vệ môi trường sống, khuyến khích CBCNV sử dụng nước tiết kiệm. Xây dựng, nâng cấp hệ thống xử lý nước thải bảo đảm nước thải luôn đạt yêu cầu quy chuẩn quốc gia trước khi thải ra môi trường. Các Nhà máy của Công ty hiện đang sử dụng nguồn nước được cung cấp bởi Công ty Cổ phần Cấp nước Đồng Nai, cụ thể như sau:

STT	Nguồn nước cung cấp	Lượng nước sử dụng (m ³)	Lượng nước tái sử dụng (m ³)	Tỷ lệ tái sử dụng (%)
I Nhà máy Hóa chất Tân Bình 2				
	CTCP Cấp nước Đồng Nai	68.255	1.824	2,7
II Nhà máy Hóa chất Biên Hòa				
	CTCP Cấp nước Đồng Nai	363.144	9.900	2,7
III Nhà máy Hóa chất Đồng Nai				
	CTCP Cấp nước Đồng Nai	22.042	1.320	6
Tổng hợp		453.441	13.044	2,9



Công ty hiểu rõ sự quan trọng của việc bảo vệ môi trường, theo đó Công ty xây dựng văn hóa bảo vệ môi trường giúp mỗi CBCNV trong công ty từ cấp cao nhất đến thấp nhất có ý thức về bảo vệ môi trường. Các hoạt động không có ảnh hưởng xấu đến môi trường, nhiên liệu tiêu thụ qua các năm thể hiện lượng phát thải không tăng hoặc tăng không đáng kể. **Năm 2022, Công ty không vi phạm các quy định và không bị xử phạt liên quan đến lĩnh vực môi trường.**



Báo cáo liên quan đến trách nhiệm đối với cộng đồng địa phương

Bên cạnh các hoạt động sản xuất kinh doanh bền vững, Công ty đã và đang tích cực triển khai nhiều chương trình hoạt động an sinh, xã hội. Thông qua các hoạt động an sinh xã hội, CSV mong muốn ngày càng lan tỏa tình yêu thương, nguồn năng lượng tươi mới góp phần vun đắp giá trị sống tốt đẹp hơn cho cộng đồng. Ngoài các chương trình ủng hộ quỹ an sinh xã hội theo định kỳ hàng năm, Công ty cũng tham gia công tác tài trợ, hỗ trợ khác, v.v...

Trong năm 2022, Công ty đã trích 1 ngày lương của cán bộ công nhân viên lập quỹ an sinh xã hội với số tiền 351 triệu đồng. Ngoài ra, Công ty cũng tham gia hỗ trợ các chương trình thiện nguyện, hoạt động cộng đồng như: trao học bổng cho các em học sinh có hoàn cảnh khó khăn, ủng hộ làm đường bê tông Bờ Tây kênh Phú Thành 3, xã Phú Thọ, huyện Tam Nông, tỉnh Đồng Tháp tổng số tiền 50 triệu đồng.



3

BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

- Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh
- Tình hình tài chính
- Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý
- Kế hoạch phát triển trong tương lai

ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH

Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh

Hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2022: duy trì đà tăng trưởng, vượt qua thách thức

KHÓ KHĂN

- Trong năm 2022, tình hình kinh tế diễn biến phức tạp khi căng thẳng chính trị thế giới, các chính sách điều hành kinh tế của các nước như Mỹ, Trung Quốc, EU, khủng hoảng năng lượng toàn cầu đã dẫn tới việc xuất hiện các rủi ro lạm phát, tỷ giá, lãi suất, ... Hoạt động của các nền kinh tế bị kim hãm do giá năng lượng tăng, điều kiện tài chính kém thuận lợi. Các yếu tố bất lợi xuất hiện đan xen, cùng lúc đó là chính sách zero Covid tại Trung Quốc, đã tác động rất lớn đến hoạt động sản xuất kinh doanh toàn cầu, đứt gãy chuỗi cung ứng, việc tăng giá dầu, giá nguyên vật liệu và cuối cùng là dẫn đến việc thắt chặt chi tiêu, thu hẹp sản xuất ở các doanh nghiệp.
- Giá dầu thế giới trong thời gian vừa qua đã có sự điều chỉnh tăng đáng kể tính từ thời điểm cuối năm 2021, có thời điểm tăng lên đến hơn 120 USD/thùng, khiến cho giá nguyên vật liệu, giá cước vận chuyển hàng hóa tăng mạnh, dẫn đến giá cả một số các mặt hàng hóa chất, nguyên liệu đầu vào phục vụ cho sản xuất hóa chất tăng mạnh trong đó tăng cao nhất là giá muối công nghiệp, giá lưu huỳnh, phốt pho, ảnh hưởng làm tăng giá thành sản xuất các sản phẩm của Công ty. Cụ thể, giá lưu huỳnh bình quân năm 2022 là 9.300.000 VND/tấn, tăng 79% so với bình quân 2021. Đối với muối công nghiệp, giá bình quân năm 2022 là 2.100.000 VND/tấn, tăng hơn 59% so với bình quân năm 2021. Các nguyên liệu khác chịu tác động do chuỗi cung ứng đứt gãy trước bối cảnh nguồn cung từ Nga, Belarus bị ảnh hưởng bởi chiến tranh Ukraine – Nga.
- Thị trường trong nước vẫn còn tồn một số lượng lớn các mặt hàng Xút lỏng (NaOH), Axit Sunfuric (H₂SO₄) nhập khẩu từ cuối năm 2021 với giá thấp, gây khó khăn cho Công ty trong việc đẩy mạnh tiêu thụ một số sản phẩm chính, nhất là Xút lỏng.
- Đối với nguyên liệu muối công nghiệp, hạn ngạch được cấp khá thấp so với nhu cầu dẫn đến việc tăng chi phí sản xuất, giảm khả năng cạnh tranh các mặt hàng do Công ty sản xuất.
- Tình hình kinh doanh sản phẩm chủ lực: NaOH, H₂SO₄, HCl... tiếp tục chịu sự cạnh tranh gay gắt từ các mặt hàng nhập khẩu, các đối thủ thương mại. Các mặt hàng này đều có mức thuế nhập khẩu rất thấp (0 – 3%).
- Xuất khẩu tiếp tục gặp nhiều khó khăn, do gặp phải sự cạnh tranh gay gắt của các mặt hàng cùng loại của Trung Quốc và các nước trong khu vực Châu Á.
- Trong năm 2022, giá cả các loại vật tư, nguyên nhiên vật liệu đầu vào phục vụ cho sản xuất và sửa chữa dây chuyền, máy móc thiết bị liên tục biến động tăng cao bất thường đã ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.



ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH

Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh

THUẬN LỢI

- Trong thời gian vừa qua thị trường hóa chất thế giới đặc biệt là các sản phẩm Xút (NaOH), Phốt pho vàng đang biến động khó lường do tác động từ các chính sách của Trung Quốc: chính sách năng lượng, chính sách môi trường, đóng cửa biên giới, phong tỏa do dịch Covid-19 và tình hình địa chính trị bất ổn... Điều này đã làm cho giá các mặt hàng Xút, Phốt pho vàng tăng mạnh so với cùng kỳ. Công ty đã nắm bắt cơ hội, bám sát thị trường và điều chỉnh giá hàng hóa các sản phẩm như: Xút lỏng, Phốt pho vàng, Axit phosphoric (H_3PO_4)...
- Công ty luôn duy trì mối quan hệ tốt với khách hàng nên luôn giữ được một lượng khách hàng ổn định trong bối cảnh các đối thủ cạnh tranh gay gắt về giá.
- Công tác duy tu, sửa chữa được thực hiện sâu sát với kế hoạch đề ra, đảm bảo ổn định dây chuyền sản xuất.
- Ban lãnh đạo luôn sâu sát, quan tâm, theo dõi, kịp thời đề xuất những giải pháp điều chỉnh chiến lược hoạt động sản xuất kinh doanh trước những khó khăn về cạnh tranh thương mại và các yếu tố tác động từ nền kinh tế, nhằm mục tiêu duy trì mức tăng trưởng và hiệu quả sản xuất kinh doanh.
- Dự trữ, theo dõi mức tồn kho hợp lý, tránh tình trạng thiếu hụt nguyên vật liệu khi thị trường hồi phục, các doanh nghiệp thuộc các ngành nghề sẽ tăng gia sản xuất.
- Công ty tiếp tục duy trì tốt mối quan hệ với tổ chức tín dụng trong bối cảnh room tín dụng hạn hẹp, điều kiện cho vay khó khăn.



TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

TÌNH HÌNH TÀI SẢN

ĐVT: Triệu đồng

Chỉ tiêu	31/12/2022	Tỷ trọng năm 2022	31/12/2021	Tỷ trọng năm 2021	% Tăng giảm
Tài sản ngắn hạn	1.247.957	72,62%	935.733	64,27%	33,56%
Tài sản dài hạn	470.462	27,38%	520.110	35,73%	-9,55%
Tổng tài sản	1.718.419	100,00%	1.455.842	100,00%	18,16%

Tính đến cuối năm 2022, tài sản ngắn hạn của Công ty đạt 1.248 tỷ đồng, tăng 33,56% so với cuối năm 2021. Trong đó, các khoản tiền - tương đương tiền và khoản tiền gửi có kỳ hạn tăng lần lượt 4,46% và 168,00% so với năm 2021. Các khoản phải thu ngắn hạn tăng 28,02%, đạt 288 tỷ đồng do trước tình hình cạnh tranh gay gắt, Công ty đã áp dụng nói lòng chính sách tín dụng đối với một số khách hàng lớn và hợp tác lâu năm của Công ty để tăng vị thế cạnh tranh và gia tăng thị phần. Ngoài ra, nhằm bổ sung nguồn nguyên vật liệu đầu vào để đáp ứng nhu cầu sản xuất kinh doanh và tận dụng cơ hội tích trữ một số nguyên vật liệu giá rẻ nên hàng tồn kho của Công ty tăng 11,38% đạt 382 tỷ đồng tính đến thời điểm cuối năm 2022.

Tài sản dài hạn của Công ty đạt 470 tỷ đồng, giảm 9,55% so với cùng thời điểm năm 2021 và chiếm 27,38% tổng tài sản. Tài sản dài hạn của Công ty chủ yếu tập trung tại khoản mục tài sản cố định và chi phí trả trước dài hạn, lần lượt chiếm tỷ trọng 7,15% và 19,62% tổng tài sản. Trong năm dự án đầu tư bình điện phân BM2.7 Gen6 công suất 10.000 tấn xút 100%/năm đã đi vào hoạt động nên Công ty đã kết chuyển giá trị dự án này từ khoản mục chi phí xây dựng cơ bản dở dang sang khoản mục tài sản cố định hữu hình. Bên cạnh đó, khoản mục chi phí trả trước dài hạn là khoản Công ty đã thanh toán tiền thuê đất, thuê hạ tầng tại KCN Nhơn Trạch, với thời hạn thuê đến tháng 6 năm 2055.



Nhìn chung, tỷ trọng tiền và đầu tư tài chính ngắn hạn của Công ty vẫn chiếm hơn 42% trong tài sản ngắn hạn, điều này sẽ giúp Công ty luôn đảm bảo khả năng thanh toán các nghĩa vụ nợ ngắn hạn và chuẩn bị đủ dòng tiền cho các hoạt động đầu tư trong tương lai.

TÌNH HÌNH NGUỒN VỐN

ĐVT: Triệu đồng

Chỉ tiêu	31/12/2022	Tỷ trọng năm 2022	31/12/2021	Tỷ trọng năm 2021	% Tăng giảm
Nợ phải trả	289.502	16,85%	296.132	20,34%	-2,24%
- Nợ ngắn hạn	289.502	100%	296.132	100%	-2,24%
- Nợ dài hạn	-	-	-	-	-
Vốn chủ sở hữu	1.428.917	83,15%	1.159.711	79,66%	23,21%
Tổng Nguồn vốn	1.718.419	100%	1.455.842	100%	18,04%

Tại thời điểm cuối năm, nợ ngắn hạn của Công ty đạt 289 tỷ đồng, giảm 2,24% so với cùng kỳ. Sự biến động trong cơ cấu nợ ngắn hạn chủ yếu đến từ hai khoản mục phải trả người bán ngắn hạn và vay nợ ngắn hạn. Cụ thể, khoản nợ phải trả của Công ty năm 2022 hơn 289 tỷ đồng, giảm so với mức 296 tỷ đồng của năm 2021 do Công ty đã thanh toán các khoản nợ nhà cung cấp còn tồn đọng trong năm 2022 để duy trì được uy tín với các nhà cung cấp. Ngoài ra biến động của khoản nợ vay ngắn hạn do trong năm công ty sử dụng khoản vay ngắn hạn với lãi suất ưu đãi để thanh toán cho nhà cung cấp khi các khoản tiền gửi chưa đến kỳ hạn.

Năm 2022, vốn chủ sở hữu của Công ty đạt 1.429 tỷ đồng, tăng 23,21% so với cùng kỳ năm trước và chiếm 83,15% nguồn vốn kinh doanh. Trong cơ cấu vốn chủ sở hữu, ngoài khoản vốn góp của chủ sở hữu là 442 tỷ đồng chiếm tỷ trọng 30,93% vốn chủ sở hữu. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối đạt 334 tỷ đồng tăng 62,72% so với năm 2021 chiếm tỷ trọng 23,36% vốn chủ sở hữu. Ngoài ra chiếm tỷ trọng lớn trong cơ cấu nguồn vốn là quỹ đầu tư phát triển đạt 565 tỷ đồng tăng 20,59% so với cùng kỳ và chiếm 39,53% vốn chủ sở hữu.



NHỮNG CẢI TIẾN VỀ CƠ CẤU TỔ CHỨC, CHÍNH SÁCH, QUẢN LÝ



VỀ HOẠT ĐỘNG PHÁT TRIỂN NGUỒN NHÂN LỰC

- » Công ty chú trọng đến công tác đào tạo nguồn nhân lực tại chỗ và khuyến khích các cán bộ trẻ nâng cao trình độ chuyên môn. Mục tiêu đào tạo của Công ty là nguồn nhân lực giỏi về chuyên môn nghiệp vụ, chuẩn mực trong đạo đức, chuyên nghiệp trong phong cách làm việc và tâm huyết với nghề.
- » Công ty luôn đảm bảo môi trường làm việc với đầy đủ cơ sở vật chất, tiện nghi phục vụ cho quá trình làm việc từ Văn phòng cho đến chi nhánh và các đơn vị sản xuất. Đối với lực lượng lao động trực tiếp, nhằm hạn chế tối đa những rủi ro trong quá trình sản xuất, hạn chế mức tác động của nguyên liệu đến sức khỏe công nhân, đồng thời vẫn đảm bảo chất lượng sản phẩm, người lao động được trang bị đầy đủ các phương tiện, công cụ bảo hộ lao động đáp ứng các yêu cầu, tiêu chuẩn an toàn theo quy định.
- » Về lương, thưởng, phúc lợi và chế độ đãi ngộ: Công ty tuân thủ các quy định của pháp luật trong việc chi trả lương, thưởng cho cán bộ công nhân viên; đồng thời xây dựng và áp dụng đa dạng các chế độ đãi ngộ, phúc lợi để động viên người lao động; ghi nhận những nỗ lực, đóng góp của các cá nhân và tập thể. Công ty luôn tạo điều kiện để cán bộ công nhân viên được hưởng các chính sách phúc lợi tốt nhất, nhằm thúc đẩy tinh thần làm việc của người lao động, tạo sự gắn bó lâu dài với tập thể và duy trì văn hóa doanh nghiệp của Công ty.



VỀ CHẤT LƯỢNG SẢN PHẨM

- » Hiện nay công tác kiểm tra chất lượng sản phẩm được thực hiện tại các Phòng thí nghiệm của các nhà máy trực thuộc Công ty. Trong đó có Phòng thí nghiệm của Nhà máy Hóa chất Biên Hòa đã được chứng nhận đáp ứng tiêu chuẩn ISO 17025:2018 – Yêu cầu chung về năng lực phòng thử nghiệm và hiệu chuẩn;
- » Các hệ thống quản lý chất lượng đang áp dụng tại các đơn vị Nhà máy trực thuộc Công ty như ISO 9001 - 2015, ISO 17025 - 2017, ISO 45001 - 2018, ISO 50001 - 2018, PAS 99 - 2012, OHSAS 18001: 2007, giấy chứng nhận HALAL, KOSHER, chứng nhận NSF - Nonfood Compound (hóa chất xử lý nước dùng trong hệ thống sản xuất thực phẩm) cho sản phẩm PAC 17%, chứng nhận NSF đáp ứng tiêu chuẩn NSF/ANSI/CAN60 trong sản xuất hóa chất PAC 10% dùng trong xử lý nước uống được sản xuất tại Nhà máy Hóa chất Biên Hòa.
- » Hoàn tất việc xin cấp giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm để cung cấp các sản phẩm hóa chất phụ gia trong ngành thực phẩm.
- » Hoàn tất công bố hợp quy cho các sản phẩm NaOH, PAC, NH₃OH phù hợp với Quy chuẩn Việt Nam (QCVN).



VỀ CÔNG TÁC QUẢN LÝ KỸ THUẬT

- » Công ty đã thực hiện việc theo dõi, kiểm soát hoạt động sản xuất của các dây chuyền công nghệ, máy móc thiết bị đảm bảo luôn hoạt động trong tình trạng ổn định, đáp ứng yêu cầu sản lượng, chất lượng sản phẩm;
- » Công tác quản lý định mức và chất lượng sản phẩm được thực hiện thường xuyên và liên tục. Trong thời gian qua định mức và chất lượng sản phẩm luôn được xây dựng, điều chỉnh phù hợp với hiện trạng và năng lực các dây chuyền sản xuất.

KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN NĂM 2023

NHẬN ĐỊNH TÌNH HÌNH NĂM 2023:

KHÓ KHĂN

- Hiệu quả kinh doanh của Công ty năm 2023 dự báo sẽ kém khả quan hơn so với năm 2022, do các khách hàng thuộc ngành sản xuất công nghiệp liên quan như sản xuất thép, dệt may,... thu hẹp quy mô; giá bán các sản phẩm chính có xu hướng giảm mạnh. Giá nguyên liệu sản xuất chính là muối công nghiệp, phốt pho vàng vẫn còn khá cao.
- Tình hình kinh doanh sản phẩm chủ lực: NaOH, H₂SO₄, HCl, ... tiếp tục chịu sự cạnh tranh gay gắt từ các mặt hàng nhập khẩu, các đối thủ thương mại. Các mặt hàng này đều có mức thuế nhập khẩu rất thấp (0 – 3%).
- Các chi phí đầu vào khác như: chi phí sửa chữa lớn, khấu hao tài sản cố định, lãi vay dự kiến khá cao.
- Xuất khẩu tiếp tục gặp nhiều khó khăn, do gặp phải sự cạnh tranh gay gắt của các mặt hàng cùng loại của Trung Quốc.

THUẬN LỢI

- Công ty tiếp tục đẩy mạnh mối quan hệ tốt với khách hàng, tăng cường tiêu thụ các sản phẩm.
- Sản phẩm mới là PAC bột dự kiến sẽ được đẩy mạnh công tác bán hàng trong năm 2023.
- Công tác duy tu, bảo dưỡng tốt đảm bảo dây chuyền hoạt động ổn định, tạo ra các sản phẩm đáp ứng yêu cầu của khách hàng về chất lượng và số lượng.
- Ban lãnh đạo luôn sâu sát, quan tâm, theo dõi, kịp thời đề xuất những giải pháp điều chỉnh chiến lược hoạt động sản xuất kinh doanh trước những khó khăn về cạnh tranh thương mại và các yếu tố tác động từ nền kinh tế, nhằm mục tiêu duy trì mức tăng trưởng và hiệu quả sản xuất kinh doanh.
- Dự trữ, theo dõi mức tồn kho hợp lý, tránh tình trạng thiếu hụt nguyên vật liệu khi thị trường hồi phục, các doanh nghiệp thuộc các ngành nghề sẽ tăng gia sản xuất.
- Công ty tiếp tục duy trì tốt mối quan hệ với tổ chức tín dụng trong bối cảnh room tín dụng hạn hẹp, điều kiện cho vay khó khăn.

KẾ HOẠCH SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2023

Chỉ tiêu	ĐVT	Thực hiện năm 2022	Kế hoạch năm 2023
Giá trị sản xuất công nghiệp	Tỷ đồng	2.289	1.988
Doanh thu hợp nhất (*)	Tỷ đồng	2.104	1.957
Lợi nhuận trước thuế hợp nhất (**)	Tỷ đồng	511	270
Cổ tức (***)	%	35%	15%

Ghi chú:

(*), (**) Doanh thu, Lợi nhuận trước thuế hợp nhất, đã loại trừ cổ tức dự kiến thu về từ Công ty con là 72.500 triệu đồng; Doanh thu trước thuế cộng hợp bao gồm cổ tức là 2.029.210 triệu đồng, lợi nhuận trước thuế cộng hợp bao gồm cổ tức là 342.874 triệu đồng; Doanh thu riêng Công ty mẹ là 1.553.210 triệu đồng, lợi nhuận riêng Công ty mẹ là 302.464 triệu đồng (***) Cổ tức dự kiến trình Đại hội đồng cổ đông thường niên xem xét.

GIẢI PHÁP THỰC HIỆN KẾ HOẠCH

Giải pháp về tổ chức, nhân sự và phát triển nguồn lực

- Rà soát cơ cấu tổ chức, bộ máy, cách thức tổ chức sản xuất mới đảm bảo phù hợp với sự phát triển của Công ty trong từng giai đoạn. Tạo dựng môi trường làm việc gắn với “hiệu quả” nhằm thu hút nguồn lực có trình độ, kinh nghiệm làm việc lâu dài cho Công ty.
- Triển khai thực hiện hoạt động đánh giá công việc theo KPI nhằm đánh giá đúng hiệu quả công việc của CBCNV, đề xuất các chế độ khen thưởng hợp lý.
- Thực hiện chính sách điều động, luân chuyển nhân lực một cách hợp lý nhằm đáp ứng nhu cầu sản xuất kinh doanh theo từng thời điểm.
- Tuyển dụng nhân sự có trình độ, tay nghề, phẩm chất và kinh nghiệm đáp ứng nhu cầu công việc, định hướng phát triển của Công ty. Thực hiện và cải cách các chính sách đãi ngộ đối với người lao động theo hiệu quả công việc, phù hợp với thị trường lao động nội bộ ngành.
- Tăng cường công tác đào tạo, giúp nâng cao năng lực làm việc của CBCNV.
- Cải tiến quy trình, rà soát cập nhật quy chế nội bộ để nâng cao hiệu quả hoạt động.

Giải pháp về Quản lý điều hành

- Triển khai nhân rộng hình thức làm việc qua các nền tảng công nghệ mới, quản lý cơ sở dữ liệu tập trung, quản lý dữ liệu đám mây.. để tối ưu hiệu suất làm việc và cung cấp công cụ quản trị cho ban lãnh đạo.
- Đẩy mạnh tìm kiếm, mở rộng quan hệ với các tổ chức tín dụng uy tín để tìm nguồn vay với lãi suất ưu đãi phục vụ cho kế hoạch sản xuất kinh doanh, các dự án đầu tư, sửa chữa lớn và dự án di dời. Bám sát tình hình thị trường, theo dõi lãi suất, tỷ giá và các công cụ phòng ngừa rủi ro tỷ giá.
- Công ty cố gắng khai thác tối ưu công suất các dây chuyền sản xuất để đảm bảo nhu cầu của thị trường.
- Thích nghi an toàn với giai đoạn bình thường mới, không lơ là chủ quan trong công tác phòng chống dịch Covid-19.

Giải pháp về kinh doanh

- Tìm kiếm đối tác tiêu thụ sản phẩm PAC bột, bộ phận bán hàng sâu sát khách hàng hiện hữu để bán chéo sản phẩm.
- Tiếp tục nghiên cứu sản phẩm mới, nâng cấp chất lượng các sản phẩm hiện hữu.
- Đẩy mạnh công tác truyền thông, quảng cáo, nghiên cứu các công cụ quảng cáo mới theo xu hướng hiện đại bên cạnh các công cụ truyền thống.
- Giữ vững mối quan hệ với khách hàng trong bối cảnh các đối thủ trong và ngoài nước đang cạnh tranh gay gắt về giá.

4

ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty
Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Tổng Giám đốc
Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị năm 2023

ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ CÁC MẶT HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY



Hiệu quả về hoạt động sản xuất kinh doanh

Trong năm 2022, tình hình kinh tế thế giới và trong nước xây ra nhiều biến động khó lường trước sự ảnh hưởng của nhiều yếu tố bất lợi như: xung đột chính trị thế giới, các chính sách điều hành kinh tế ở các cường quốc, chính sách “Zero Covid”, khủng hoảng năng lượng tại Trung Quốc. Hậu quả dẫn đến áp lực lạm phát, chi phí năng lượng, lãi suất và gia tăng các chi phí đầu vào đã đẩy nền kinh tế đến bờ vực suy thoái. Cục dự trữ liên bang Mỹ (FED), khiến cuộc đua lãi suất không ngừng leo thang ở các quốc gia, doanh nghiệp sản xuất trên thế giới nói chung và Việt Nam nói riêng đối mặt với rủi ro lãi suất, nền kinh tế thu hẹp quy mô, nhu cầu đầu tư, tiêu dùng giảm.

Đối mặt với các rủi ro đó, Hội đồng quản trị phối hợp với Ban Tổng Giám đốc sâu sát, triển khai kịp thời, nhất quán các chiến lược, đặc biệt là chiến lược tập trung tăng cường tiêu thụ các sản phẩm Xút, Clo, Phốt pho vàng... trong những tháng đầu năm khi giá cả các mặt hàng này tăng mạnh do sự khan hiếm nguồn cung nhất thời, một số ngành nghề phục hồi và nguồn hàng nhập khẩu giá khá cao ở một số thời điểm. Hội đồng quản trị chủ trương chỉ đạo các công tác đầu tư, sửa chữa lớn sớm hoàn thành theo kế hoạch đề ra nhằm đảm bảo các dây chuyền máy móc thiết bị hoạt động ổn định, đảm bảo chất lượng sản phẩm đầu ra, cạnh tranh với các đối thủ trong và ngoài nước.

Với sự đồng lòng, đoàn kết giữa Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc và toàn thể CBCNV đã mang đến kết quả kinh doanh năm 2022 tương đối khả quan: doanh thu và lợi nhuận đều vượt kế hoạch được giao. Cụ thể, doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ năm 2022 là 2.104 tỷ đồng, đạt 121% so với kế hoạch đề ra. Lợi nhuận trước thuế đạt 511 tỷ đồng, đạt 204% kế hoạch đề ra. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ thực hiện của Công ty mẹ năm 2022 là 1.536 tỷ đồng đạt 110% so với kế hoạch đề ra. Lợi nhuận trước thuế thực hiện của Công ty mẹ đạt 334 tỷ đạt 131% kế hoạch đề ra.



ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ CÁC MẶT HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY



Hoạt động tổ chức sản xuất

Công ty tiếp tục hoàn thiện hệ thống quản lý kỹ thuật gồm đội ngũ cán bộ công nhân kỹ thuật có chuyên môn trình độ cao và kinh nghiệm thực tiễn, nhạy bén tiếp thu những thành tựu khoa học kỹ thuật tiên tiến, luôn phát huy khả năng nghiên cứu, sáng tạo, cải tiến, sửa chữa thành công các dây chuyền sản xuất cũ, nâng cao hiệu quả hoạt động và tiết giảm được chi phí, đem lại nhiều lợi ích thiết thực trong hoạt động sản xuất như cải thiện điều kiện làm việc của công nhân sản xuất giảm lao động chân tay, tiết kiệm chi phí xử lý môi trường, hợp lý hóa quy trình quản lý tài sản cố định, tăng công suất dây chuyền, thay thế thiết bị nhập ngoại bằng thiết bị trong nước giá thành hạ, tuổi thọ cao, giảm giá thành sản xuất sản phẩm, đem lại hiệu quả kinh tế, góp phần vào tăng trưởng của Công ty.

Công ty tiếp tục nỗ lực tìm kiếm nhiều nguồn cung cấp nguyên vật liệu uy tín, chất lượng và giá cả hợp lý nhằm giảm chi phí sản xuất. Tồn trữ nguyên vật liệu phù hợp, dự phòng các nguy cơ giá nguyên vật liệu leo thang, chuỗi cung ứng bị gián đoạn; công tác kiểm kê nguyên vật liệu, đánh giá nhà cung cấp được triển khai định kỳ.

Trong năm 2022, Công ty hoàn tất đầu tư Bình điện phân Gen 6 công suất 10.000 tấn/năm nhằm thay thế Bình điện phân cũ. Hệ thống Bình điện phân mới được cung cấp từ các nhà sản xuất thuộc các nước Châu Âu, tiết kiệm điện năng, nguyên vật liệu sản xuất. Nhờ đó, góp phần đảm bảo các dây chuyền sản xuất chính vận hành ổn định, an toàn, tiết giảm chi phí nguyên vật liệu.



Hoạt động nghiên cứu và phát triển

- Nhờ công tác phân tích, dự báo thị trường đã giúp Công ty chủ động được kế hoạch sản xuất nghiên cứu phát triển các sản phẩm mới.
- Trong năm 2022, Công ty đã hoàn thiện nghiên cứu phát triển và đưa vào sản xuất thành công các sản phẩm PAC dạng bột, chất lượng sản phẩm phù hợp với QCVN 06A:2020/BCT, góp phần đa dạng hoá các sản phẩm gốc Clo, nhằm mục đích cân bằng xút-clo trong dây chuyền sản xuất.
- Ngoài ra, trong năm Công ty vẫn đang tiếp tục triển khai nghiên cứu sản xuất các sản phẩm hóa chất khác như: hóa chất xử lý khí thải từ động cơ DEF, Silica, LAS, CaCl₂ bột... Đồng thời tiến hành nghiên cứu, cải tiến chất lượng cho một số sản phẩm như H₂SO₄, H₃PO₄... đạt tiêu chuẩn điện tử với các yêu cầu cao hơn về các chỉ tiêu kim loại, nhằm mở rộng thị trường vào các ngành sản xuất điện tử.
- Nghiên cứu cải tiến các quy trình vận hành, sản xuất, quy trình nội bộ v.v... nhằm tiết giảm thời gian, chi phí, nhân công... góp phần nâng cao năng suất cho các dây chuyền sản xuất. Cụ thể trong năm 2022, Công ty đã nghiên cứu thành công giải pháp cải tiến phương án lọc và xử lý cặn trong quy trình sản xuất sản phẩm H₃PO₄ thực phẩm đạt hiệu quả cao, an toàn.
- Công ty dự kiến thành lập đơn vị Nghiên cứu và Phát triển (R&D) trong thời gian tới.

ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC CÔNG TY

- Hoạt động giám sát của HĐQT đối với Ban Tổng Giám đốc được thực hiện theo Điều lệ, Quy chế tổ chức và hoạt động của HĐQT, Quy chế quản trị Công ty ... Tại các phiên họp thường kỳ, HĐQT đã yêu cầu Tổng Giám đốc báo cáo về mọi mặt hoạt động của công ty. Bên cạnh đó, HĐQT cũng yêu cầu Ban Tổng Giám đốc có trách nhiệm báo cáo bằng văn bản cho HĐQT về việc thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn được giao theo định kỳ và khi có yêu cầu.
- Ban Tổng Giám đốc đã xây dựng, thực hiện các giải pháp linh hoạt trong điều hành các hoạt động sản xuất kinh doanh trên cơ sở nhận thức đúng đắn khó khăn, thách thức mà Công ty phải đối mặt. Nhờ vậy, kết quả sản xuất kinh doanh đã hoàn thành vượt các chỉ tiêu kế hoạch do ĐHĐCĐ đề ra.
- Trong một năm hoạt động với nhiều thách thức của môi trường vĩ mô, Ban Tổng Giám đốc đã đoàn kết, nỗ lực vượt bậc, đưa ra các giải pháp điều hành phù hợp, kịp thời, hoàn thành các chỉ tiêu sản xuất kinh doanh, thực hiện tốt các Nghị quyết/Quyết định của ĐHĐCĐ và HĐQT.



KẾ HOẠCH, ĐỊNH HƯỚNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Về hoạt động của Hội đồng quản trị

- Thực hiện và đảm bảo hoạt động của HĐQT tuân thủ theo đúng các quy định của pháp luật và điều lệ của Công ty.
- Đảm bảo hoạt động của HĐQT luôn dựa trên lợi ích tốt nhất cho cổ đông và Công ty. Đảm bảo quyền lợi của các cổ đông theo đúng các quy định của pháp luật
- Thực hiện đầy đủ các các cuộc họp, trao đổi định kỳ đều đặn, nắm bắt kịp thời hoạt động kinh doanh của Công ty, chỉ đạo kịp thời đảm bảo việc hoàn thành kế hoạch sản xuất kinh doanh mà ĐHĐCĐ giao.
- Tiếp tục hoàn thiện và triển khai công tác kiểm toán nội bộ theo đúng quy định pháp luật.
- Tiếp tục cải tiến hoàn thiện bộ máy HĐQT đáp ứng theo yêu cầu của quy định pháp luật về quản trị công ty áp dụng cho công ty đại chúng cũng như tiến tới chuẩn mực quốc tế.

Về hoạt động sản xuất kinh doanh

- Đảm bảo hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh, đẩy mạnh công tác nghiên cứu phát triển, mở rộng thị trường, quảng bá thương hiệu để chiếm lĩnh thị phần.
- Liên tục cập nhật diễn biến tình hình vĩ mô, chủ động sẵn sàng các phương án và xây dựng các kịch bản biến động các yếu tố lãi suất, tỷ giá, giá dầu, ... để có giải pháp sản xuất kinh doanh phù hợp với tình hình thực tế.
- Nâng cao hiệu quả công tác quản trị nội bộ, từng bước số hóa, tinh gọn hệ thống quản lý của Công ty.
- Tái cấu trúc, sắp xếp lại cơ cấu tổ chức, chức năng nhiệm vụ của các Đơn vị theo tình hình thực tế sản xuất kinh doanh của Công ty; nâng cao hiệu quả sử dụng nguồn nhân lực đáp ứng yêu cầu của hoạt động sản xuất kinh doanh.
- Tập trung triển khai thực hiện dự án di dời các nhà máy về KCN Nhơn Trạch 6.





QUẢN TRỊ CÔNG TY

Hội đồng quản trị

Ban Kiểm soát

Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc và Ban kiểm soát



HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

THÀNH PHẦN VÀ CƠ CẤU HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

STT	Thành viên	Chức vụ	Số lượng cổ phần sở hữu	Tỷ lệ sở hữu
1	Ông Nguyễn Tuấn Dũng	Chủ tịch HĐQT	CN: 0 ĐD: 11.051.000	CN: 0% ĐD: 25%
2	Ông Lê Thanh Bình	Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc	CN: 1.700 ĐD: 8.840.000	CN: 0,004% ĐD: 20%
3	Ông Lê Phương Đông	Thành viên HĐQT không điều hành	CN: 0 ĐD: 0	CN: 0% ĐD: 0%
4	Bà Nguyễn Thanh Bình	Thành viên HĐQT độc lập	CN: 6.000 ĐD: 0	CN: 0,014% ĐD: 0%
5	Ông Vũ Minh Ngọc	Thành viên HĐQT không điều hành	CN: 0 ĐD: 8.840.000	CN: 0% ĐD: 20%

DANH SÁCH THAY ĐỔI THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ TRONG NĂM

STT	Thành viên HĐQT	Chức vụ	Ngày bắt đầu/không còn là thành viên HĐQT	
			Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
1	Ông Lê Hoàng	Chủ tịch HĐQT		28/04/2022
2	Ông Nguyễn Tuấn Dũng	Chủ tịch HĐQT	28/04/2022	

CÁC TIỂU BAN THUỘC HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Công ty không thành lập các tiểu ban



HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



Số lượng các cuộc họp Hội đồng quản trị

STT	Thành viên	Chức vụ	Số buổi họp tham dự	Tỷ lệ tham dự	Lý do không tham dự họp
1	Lê Hoàng	Chủ tịch HĐQT	2/10	20%	Miễn nhiệm từ 28/04/2022
2	Nguyễn Tuấn Dũng	Chủ tịch HĐQT	8/10	80%	Bổ nhiệm từ 28/04/2022
3	Lê Thanh Bình	Thành viên HĐQT	10/10	100%	
4	Lê Phương Đông	Thành viên HĐQT	9/10	90%	Vắng mặt có lý do, có ủy quyền
5	Nguyễn Thanh Bình	Thành viên HĐQT	9/10	90%	Vắng mặt có lý do, có ủy quyền
6	Vũ Minh Ngọc	Thành viên HĐQT	10/10	100%	





HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



Nội dung và kết quả của các cuộc họp

STT	Số Nghị quyết/ Quyết định	Ngày	Nội dung
01	20/QĐ-HĐQT	07/01/2022	Về việc thành lập Tổ thẩm định dự toán và Tổ thẩm định kế hoạch lựa chọn nhà thầu giai đoạn chuẩn bị dự án lần 1 thuộc dự án “Nhà máy Hóa chất Nhơn Trạch”
02	31/QĐ-HĐQT	11/01/2022	Về việc phê duyệt quyết định dự toán giai đoạn chuẩn bị dự án lần 1 thuộc dự án “Nhà máy Hóa chất Nhơn Trạch”
03	33/QĐ-HĐQT	11/01/2022	Về việc phê duyệt kế hoạch đầu tư xây dựng năm 2022.
04	46/NQ-HĐQT	14/01/2022	Về việc phê duyệt báo cáo tình hình quản trị công ty năm 2021.
05	48/QĐ-HĐQT	14/01/2022	Về việc phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu giai đoạn chuẩn bị dự án lần 1 thuộc dự án “Nhà máy Hóa chất Nhơn Trạch”.
06	81/QĐ-HĐQT	20/01/2022	Về việc phê duyệt kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2022.
07	114/QĐ-HĐQT	24/01/2022	Về việc thành lập Tổ thẩm tra quyết toán vốn đầu tư 03 dự án hoàn thành “Mua sắm thiết bị làm nguội ngưng tụ hơi PAC”, “Mua sắm lò hơi 3 tấn/giờ” và “Mua sắm bơm nước muối bão hòa”.
08	137/QĐ-HĐQT	27/01/2022	Về việc phê duyệt quyết toán vốn đầu tư dự án hoàn thành “Mua sắm thiết bị làm nguội ngưng tụ hơi PAC”.
09	138/QĐ-HĐQT	27/01/2022	Về việc phê duyệt quyết toán vốn đầu tư dự án hoàn thành “Mua sắm lò hơi 3 tấn/giờ”.
10	139/QĐ-HĐQT	27/01/2022	Về việc phê duyệt quyết toán vốn đầu tư dự án hoàn thành “Mua sắm bơm muối bão hòa”.
11	145/NQ-HĐQT	27/01/2022	Về kỳ họp lần thứ 21, nhiệm kỳ 2019 – 2024.
12	146/QĐ-HĐQT	28/01/2022	Về việc thành lập Tổ thẩm định báo cáo kinh tế kỹ thuật của dự án “Mua sắm hệ thống lò đốt khí LPG”.
13	147/QĐ-HĐQT	08/02/2022	Về việc thành lập Tổ thẩm định báo cáo kinh tế kỹ thuật dự án “Mua sắm thiết bị sản xuất thử nghiệm PAC bột”.
14	159/QĐ-HĐQT	08/02/2022	Về việc phê duyệt báo cáo kinh tế kỹ thuật dự án “Mua sắm hệ thống lò đốt khí LPG”.
15	160/QĐ-HĐQT	08/02/2022	Về việc phê duyệt báo cáo kinh tế kỹ thuật dự án “Mua sắm thiết bị sản xuất thử nghiệm PAC bột”.



HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



Nội dung và kết quả của các cuộc họp

STT	Số Nghị quyết/ Quyết định	Ngày	Nội dung
16	161/QĐ-HĐQT	09/02/2022	Về việc thành lập Tổ thẩm định dự toán và Tổ thẩm định kế hoạch lựa chọn nhà thầu giai đoạn chuẩn bị dự án lần 2 thuộc dự án “Nhà máy Hóa chất Nhơn Trạch”.
17	176/QĐ-HĐQT	11/02/2022	Về việc phê duyệt dự toán giai đoạn chuẩn bị đầu tư dự án lần 2 thuộc dự án “Nhà máy Hóa chất Nhơn Trạch”.
18	187/QĐ-HĐQT	15/02/2022	Về việc phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu giai đoạn chuẩn bị dự án lần 2 thuộc dự án “Nhà máy Hóa chất Nhơn Trạch”.
19	204/QĐ-HĐQT	17/02/2022	Về việc ban hành “Chương trình hành động của Công ty cổ phần Hóa chất cơ bản miền Nam về thực hành tiết kiệm, chống lãng phí giai đoạn 2021 – 2025”.
20	216/NQ-HĐQT	21/02/2022	Về kết quả báo cáo kiểm toán nội bộ năm 2021.
21	232/QĐ-HĐQT	24/02/2022	Về việc phê duyệt kế hoạch sửa chữa tài sản cố định năm 2022.
22	238/NQ-HĐQT	25/02/2022	Về việc tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022.
23	249/QĐ-HĐQT	01/03/2022	Về việc thành lập Tổ thẩm định báo cáo kinh tế kỹ thuật dự án “Mua sắm thiết bị trao đổi nhiệt khí” thuộc kế hoạch đầu tư năm 2022.
24	278/QĐ-HĐQT	10/03/2022	Về việc thành lập Tổ thẩm định báo cáo kinh tế kỹ thuật dự án “Mua sắm xe xúc lật bánh lốp” thuộc kế hoạch đầu tư năm 2022.
25	296/QĐ-HĐQT	15/03/2022	Về việc phê duyệt quỹ tiền lương thực hiện năm 2021 của Công ty Cổ phần Hóa chất cơ bản miền Nam.
26	313/NQ-HĐQT	24/03/2022	Về việc phê duyệt chủ trương triển khai quy trình bổ nhiệm lại chức vụ Phó tổng giám đốc đối với Ông Đỗ Trung Hiếu.
27	318/QĐ-HĐQT	28/03/2022	Về việc thành lập Tổ thẩm định báo cáo kinh tế kỹ thuật dự án “Mua sắm máy nén khí” thuộc kế hoạch đầu tư xây dựng năm 2022.
28	346/QĐ-HĐQT	30/03/2022	Về việc phê duyệt báo cáo kinh tế kỹ thuật dự án “Mua sắm thiết bị trao đổi nhiệt khí”.
29	347/QĐ-HĐQT	30/03/2022	Về việc phê duyệt báo cáo kinh tế kỹ thuật dự án “Mua sắm xe xúc lật bánh lốp”.
30	348/QĐ-HĐQT	27/04/2022	Về việc phê duyệt báo cáo kinh tế kỹ thuật dự án “Mua máy nén khí”.



HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



Nội dung và kết quả của các cuộc họp

STT	Số Nghị quyết/ Quyết định	Ngày	Nội dung
31	354/NQ-HĐQT	31/03/2022	Về việc phê duyệt kế hoạch triển khai quy trình bổ nhiệm lại chức vụ Phó tổng giám đốc đối với Ông Đỗ Trung Hiếu.
32	366/NQ-HĐQT	05/04/2022	Về kỳ họp lần thứ 22, nhiệm kỳ 2019 – 2024.
33	375/NQ-HĐQT	05/04/2022	Về kỳ họp lần thứ 22, nhiệm kỳ 2019 – 2024.
34	377/QĐ-HĐQT	05/04/2022	Về việc điều chỉnh, bổ sung và ban hành danh mục định mức tiêu hao nguyên nhiên vật liệu năm 2022 của Công ty cổ phần Hóa chất cơ bản miền Nam.
35	398/QĐ-HĐQT	08/04/2022	Về việc thành lập Tổ thẩm tra quyết toán vốn đầu tư dự án hoàn thành “Mua sắm thiết bị làm nguội dung dịch axit sunfuric”.
36	405/QĐ-HĐQT	13/04/2022	Về việc phê duyệt quyết toán vốn đầu tư dự án hoàn thành “Mua sắm hệ vô khoáng và tháp giải nhiệt xút”.
37	407/QĐ-HĐQT	14/04/2022	Về việc thành lập Tổ thẩm tra quyết toán vốn đầu tư dự án hoàn thành “Mua sắm hệ vô khoáng và tháp giải nhiệt xút”.
38	425/QĐ-HĐQT	19/04/2022	Về việc phê duyệt quyết toán vốn đầu tư dự án hoàn thành “Mua sắm hệ vô khoáng và tháp giải nhiệt xút”.
39	426/QĐ-HĐQT	19/04/2022	Về việc thành lập Tổ thẩm định để xem xét điều chỉnh thời gian thực hiện dự án “Mua sắm bình điện phân xút”.
40	430/NQ-HĐQT	19/04/2022	Về việc thông qua đơn từ nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng quản trị của Ông Lê Hoàng.
41	434/NQ-HĐQT	20/04/2022	Về việc thông qua tài liệu Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022 (điều chỉnh, bổ sung).
42	450/QĐ-HĐQT	22/04/2022	Về việc thành lập Tổ thẩm định báo cáo kinh tế kỹ thuật dự án “Mua sắm máy phân cực cho bình điện phân BM2.7” thuộc kế hoạch đầu tư xây dựng năm 2022.
43	451/QĐ-HĐQT	22/04/2022	Về việc phê duyệt điều chỉnh thời gian thực hiện dự án “Mua sắm bình điện phân xút”.
44	463/NQ-HĐQT	26/04/2022	Về việc nhận xét, đánh giá Ban Tổng giám đốc và Người đại diện phần vốn của Công ty năm 2021.
45	479/NQ-HĐQT	28/04/2022	Về việc bầu Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Hóa chất cơ bản miền Nam nhiệm kỳ 2019 – 2024.



HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



Nội dung và kết quả của các cuộc họp

STT	Số Nghị quyết/ Quyết định	Ngày	Nội dung
46	494/QĐ-HĐQT	05/05/2022	Về việc thành lập Tổ thẩm tra quyết toán vốn đầu tư dự án hoàn thành “Mua sắm thiết bị làm nguội dung dịch Javel”.
47	495/QĐ-HĐQT	05/05/2022	Về việc phê duyệt báo cáo kinh tế kỹ thuật dự án “Mua sắm máy phân cực cho bình điện phân BM2.7”.
48	506/QĐ-HĐQT	09/05/2022	Về việc phân công nhiệm vụ các thành viên Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Hóa chất cơ bản miền Nam, nhiệm kỳ 2019 – 2024.
49	507/QĐ-HĐQT	09/05/2022	Về việc chi thưởng tập thể Hội đồng quản trị, Ban điều hành, Ban kiểm soát năm 2021.
50	515/QĐ-HĐQT	12/05/2022	Về việc phê duyệt quyết toán vốn đầu tư dự án hoàn thành “Mua sắm thiết bị làm nguội dung dịch Javel”.
51	521/NQ-HĐQT	13/05/2022	Về việc phê duyệt lựa chọn công ty kiểm toán soát xét báo cáo tài chính bán niên và kiểm toán báo cáo tài chính năm 2022.
52	532/NQ-HĐQT	17/05/2022	Về việc chi trả cổ tức năm 2021 bằng tiền.
53	558/NQ-HĐQT	24/05/2022	Về việc điều chỉnh phương án chi trả cổ tức năm 2021 bằng tiền.
54	575/NQ-HĐQT	31/05/2022	Về kỳ họp lần thứ 24, nhiệm kỳ 2019 – 2024.
55	576/QĐ-HĐQT	31/05/2022	Về việc bổ nhiệm lại Phó Tổng giám đốc.
56	583/QĐ-HĐQT	02/06/2022	Về việc thành lập Tổ thẩm định báo cáo kinh tế kỹ thuật dự án “Mua sắm máy nén lạnh” thuộc kế hoạch đầu tư xây dựng năm 2022.
57	595/QĐ-HĐQT	06/06/2022	Về việc thành lập Tổ thẩm định báo cáo kinh tế kỹ thuật dự án “Mua sắm hệ thống sản xuất nước lạnh Chiller” thuộc kế hoạch đầu tư xây dựng năm 2022.
58	607/QĐ-HĐQT	08/06/2022	Về việc phê duyệt báo cáo kinh tế kỹ thuật dự án “Mua sắm máy nén lạnh”.
59	608/QĐ-HĐQT	08/06/2022	Về việc ban hành “Chương trình thực hành tiết kiệm, chống lãng phí năm 2022 của Công ty cổ phần Hóa chất cơ bản miền Nam.
60	624/QĐ-HĐQT	10/06/2022	Về việc ban hành Quy chế quản lý, bảo vệ môi trường của Công ty cổ phần Hóa chất cơ bản miền Nam (Sửa đổi, bổ sung lần 1).



HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



Nội dung và kết quả của các cuộc họp

STT	Số Nghị quyết/ Quyết định	Ngày	Nội dung
61	625/QĐ-HĐQT	10/06/2022	Về việc thành lập Tổ thẩm định báo cáo kinh tế kỹ thuật dự án “Mua sắm thiết bị làm nguội xút 32% cho bình điện phân BM2.7 Gen 6” thuộc kế hoạch đầu tư xây dựng năm 2022.
62	626/QĐ-HĐQT	10/06/2022	Về việc phê duyệt báo cáo kinh tế kỹ thuật dự án “Mua sắm hệ thống sản xuất nước lạnh chiller”.
63	633/QĐ-HĐQT	14/06/2022	Về việc phê duyệt kế hoạch tài chính năm 2022 của Công ty cổ phần Hóa chất cơ bản miền Nam.
64	673/QĐ-HĐQT	29/06/2022	Về việc phê duyệt báo cáo kinh tế kỹ thuật dự án “Mua sắm thiết bị làm nguội xút 32% cho bình điện phân BM2.7 Gen 6”.
65	685/NQ-HĐQT	30/06/2022	Về việc giao dịch tín dụng của Công ty Cổ phần Hóa chất cơ bản miền Nam đối với các Ngân hàng năm 2022.
66	699/QĐ-HĐQT	05/07/2022	Về việc bãi bỏ Quyết định số 941/QĐ-HĐQT ngày 30/12/2016 của Hội đồng quản trị về việc ban hành Quy chế quản lý dự phòng rủi ro, bồi thường thiệt hại về môi trường.
67	724/NQ-HĐQT	15/07/2022	Về kỳ họp lần thứ 26, nhiệm kỳ 2019 – 2024.
68	783/QĐ-HĐQT	05/08/2022	Về việc phê duyệt điều chỉnh, bổ sung kế hoạch đầu tư xây dựng năm 2022.
69	809/QĐ-HĐQT	11/08/2022	Về việc cử cán bộ đi tham quan, học tập tại nước ngoài.
70	810/QĐ-HĐQT	11/08/2022	Về việc phê duyệt phương án trích khấu hao nhanh tài sản cố định.
71	817/NQ-HĐQT	15/08/2022	Về việc phê duyệt phương án hợp nhất Phòng Công nghệ - Thiết bị và Phòng Điện – Đo lường – Điều khiển.
72	827/QĐ-HĐQT	18/08/2022	Về việc thành lập Tổ thẩm tra quyết toán vốn đầu tư dự án hoàn thành “Mua sắm bơm tuần hoàn dung dịch Javel”.
73	828/QĐ-HĐQT	18/08/2022	Về việc thành lập Phòng Kỹ thuật.
74	841/QĐ-HĐQT	23/08/2022	Về việc phê duyệt quyết toán vốn đầu tư dự án hoàn thành “Mua sắm bơm tuần hoàn dung dịch Javel”.
75	867/QĐ-HĐQT	07/09/2022	Về việc thành lập Tổ thẩm định Báo cáo kinh tế kỹ thuật dự án “Đầu tư thiết bị phân ứng PAC 10 m ³ ” thuộc kế hoạch đầu tư xây dựng năm 2022.



HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



Nội dung và kết quả của các cuộc họp

STT	Số Nghị quyết/ Quyết định	Ngày	Nội dung
76	878/QĐ-HĐQT	08/09/2022	Về việc thành lập Tổ thẩm định Báo cáo kinh tế kỹ thuật dự án “Mua sắm quạt gió cấp không khí cho dây chuyền axit” thuộc kế hoạch đầu tư xây dựng năm 2022.
77	887/NQ-HĐQT	09/09/2022	Về việc thông qua chủ trương triển khai quy trình bổ nhiệm lại có thời hạn chức vụ Tổng giám đốc đối với Ông Lê Thanh Bình (Kỳ họp thứ 27, nhiệm kỳ 2019 – 2024).
78	887/NQ-HĐQT	09/09/2022	Về việc thông qua kế hoạch triển khai quy trình bổ nhiệm lại có thời hạn chức vụ Tổng giám đốc đối với Ông Lê Thanh Bình (Kỳ họp thứ 27, nhiệm kỳ 2019 – 2024).
79	892/NQ-HĐQT	09/09/2022	Về việc bổ nhiệm lại có thời hạn chức vụ Tổng giám đốc đối với Ông Lê Thanh Bình (Kỳ họp thứ 27, nhiệm kỳ 2019 – 2024).
80	896/NQ-HĐQT	09/09/2022	Về kết quả lấy ý kiến tín nhiệm tại Hội nghị cán bộ chủ chốt đối với Ông Lê Thanh Bình (Kỳ họp thứ 27, nhiệm kỳ 2019 – 2024).
81	899/NQ-HĐQT	09/09/2022	Về việc xem xét Tờ trình số 897/TTr-HCCB ngày 09/09/2022 của Tổng giám đốc về việc phê duyệt bổ nhiệm lại có thời hạn chức vụ Tổng giám đốc đối với Ông Lê Thanh Bình và xem xét dự thảo nội dung văn bản Hội đồng quản trị lấy ý kiến Đảng ủy công ty (Kỳ họp thứ 27, nhiệm kỳ 2019 – 2024).
82	901/QĐ-HĐQT	09/09/2022	Về việc thành lập Tổ thẩm định Báo cáo kinh tế kỹ thuật dự án “Đầu tư thiết bị ép lọc PAC” thuộc kế hoạch đầu tư xây dựng năm 2022.
83	909/QĐ-HĐQT	12/09/2022	Về việc thành lập Tổ thẩm định dự toán Gói thầu số 06 “lập báo cáo đánh giá tác động môi trường” thuộc giai đoạn chuẩn bị đầu tư dự án “Nhà máy Hóa chất Nhơn Trạch”.
84	911/QĐ-HĐQT	13/09/2022	Về việc phê duyệt dự toán Gói thầu số 06 “Lập báo cáo đánh giá tác động môi trường” thuộc giai đoạn chuẩn bị đầu tư dự án “Nhà máy Hóa chất Nhơn Trạch”.
85	919/QĐ-HĐQT	14/09/2022	Về việc thành lập Tổ thẩm tra quyết toán vốn đầu tư dự án hoàn thành “Mua sắm bơm tuần hoàn axit H3PO4”.
86	927/QĐ-HĐQT	19/09/2022	Về việc phê duyệt quyết toán vốn đầu tư dự án hoàn thành “Mua sắm bơm tuần hoàn axit H3PO4”.
87	938/QĐ-HĐQT	22/09/2022	Về việc phê duyệt kế hoạch đoàn đi nước ngoài năm 2022.
88	958/QĐ-HĐQT	27/09/2022	Về việc cử cán bộ đi tham quan, học tập tại nước ngoài (bổ sung).
89	966/NQ-HĐQT	29/09/2022	Về việc thông qua kế hoạch triển khai công tác quy hoạch; Danh sách nguồn nhân sự dự kiến giới thiệu quy hoạch chức danh lãnh đạo, quản lý Công ty cổ phần Hóa chất cơ bản miền Nam giai đoạn 2026 – 2031 (Kỳ họp thứ 28, nhiệm kỳ 2019 – 2024).
90	973/NQ-HĐQT	29/09/2022	Về việc thông qua danh sách nhân sự quy hoạch chức danh lãnh đạo, quản lý Công ty Cổ phần Hóa chất cơ bản miền Nam giai đoạn 2026 – 2031 (Kỳ họp thứ 28, nhiệm kỳ 2019 – 2024).



HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



Nội dung và kết quả của các cuộc họp

STT	Số Nghị quyết/ Quyết định	Ngày	Nội dung
91	976/NQ-HĐQT	29/09/2022	Về việc bổ nhiệm lại có thời hạn chức vụ Tổng giám đốc đối với Ông Lê Thanh Bình (Kỳ họp thứ 28, nhiệm kỳ 2019 – 2024).
92	979/QĐ-HĐQT	29/09/2022	Về việc bổ nhiệm lại có thời hạn chức vụ Tổng giám đốc đối với Ông Lê Thanh Bình.
93	989/QĐ-HĐQT	05/10/2022	Về việc ban hành Quy chế hoạt động của mạng lưới an toàn, vệ sinh viên tại cơ sở trong Công ty Cổ phần Hóa chất cơ bản miền Nam.
94	998/QĐ-HĐQT	10/10/2022	Về việc phê duyệt điều chỉnh kế hoạch đầu tư xây dựng năm 2022.
95	1003/QĐ-HĐQT	11/10/2022	Về việc phê duyệt Báo cáo kinh tế kỹ thuật dự án “Đầu tư thiết bị phản ứng PAC 10 m³”.
96	1004/QĐ-HĐQT	11/10/2022	Về việc phê duyệt Báo cáo kinh tế kỹ thuật dự án “Đầu tư thiết bị ép lọc PAC”.
97	1011/QĐ-HĐQT	12/10/2022	Về việc phê duyệt Báo cáo kinh tế kỹ thuật dự án “Mua sắm quạt gió cấp không khí cho dây chuyền axit”.
98	1042/NQ-HĐQT	19/10/2022	Về kỳ họp thứ 29, nhiệm kỳ 2019 – 2024.
99	1069/QĐ-HĐQT	03/11/2022	Về việc ban hành Quy chế kiểm toán nội bộ (Sửa đổi, bổ sung lần 1).
100	1103/QĐ-HĐQT	10/11/2022	Về việc thành lập Tổ thẩm tra quyết toán vốn đầu tư dự án hoàn thành “Mua sắm bình điện phân NaOH”.
101	1110/QĐ-HĐQT	14/11/2022	Về việc phân công Người phụ trách kiểm toán nội bộ Công ty Cổ phần Hóa chất cơ bản miền Nam.
102	1113/QĐ-HĐQT	14/11/2022	Về việc thành lập Tổ thẩm tra quyết toán vốn đầu tư dự án hoàn thành “Mua sắm thiết bị sản xuất thử nghiệm PAC bột”.
103	1133/QĐ-HĐQT	18/11/2022	Về việc phê duyệt kế hoạch kiểm toán nội bộ năm 2022 của Công ty Cổ phần Hóa chất cơ bản miền Nam.
104	1134/QĐ-HĐQT	18/11/2022	Về việc phê duyệt quyết toán vốn đầu tư dự án hoàn thành “Mua sắm bình điện phân NaOH”.
105	1135/QĐ-HĐQT	18/11/2022	Về việc phê duyệt quyết toán vốn đầu tư dự án hoàn thành “Mua sắm thiết bị sản xuất thử nghiệm PAC bột”.



HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



Nội dung và kết quả của các cuộc họp

STT	Số Nghị quyết/ Quyết định	Ngày	Nội dung
106	1150/QĐ-HĐQT	23/11/2022	Về việc phê duyệt kế hoạch kiểm toán nội bộ năm 2023 của Công ty Cổ phần Hóa chất cơ bản miền Nam.
107	1174/QĐ-HĐQT	06/12/2022	Về việc phê duyệt lựa chọn đơn vị thực hiện kiểm toán nội bộ năm 2022 của Công ty Cổ phần Hóa chất cơ bản miền Nam.
108	1185/QĐ-HĐQT	07/12/2022	Về việc thành lập Tổ thẩm tra quyết toán vốn đầu tư dự án hoàn thành “Mua sắm hệ thống lò đốt khí LPG”.
109	1190/QĐ-HĐQT	08/12/2022	Về việc ban hành Quy chế tài chính của Công ty Cổ phần Hóa chất cơ bản miền Nam (Sửa đổi, bổ sung lần 1).
110	1200/NQ-HĐQT	12/12/2022	Về việc phê duyệt chủ trương triển khai quy trình bổ nhiệm lại các chức danh quản lý của Nhà máy Hóa chất Biên Hòa, Nhà máy Hóa chất Đồng Nai, Nhà máy Hóa chất Tân Bình 2 và Văn phòng Công ty.
111	1202/QĐ-HĐQT	13/12/2022	Về việc phê duyệt quyết toán vốn đầu tư dự án hoàn thành “Mua sắm hệ thống lò đốt khí LPG”.
112	1203/NQ-HĐQT	13/12/2022	Về việc phê duyệt chủ trương triển khai quy trình bổ nhiệm có thời hạn các chức danh quản lý tại Công ty Cổ phần Hóa chất cơ bản miền Nam.
113	1222/NQ-HĐQT	19/12/2022	Về việc tạm ứng cổ tức năm 2022 bằng tiền.
114	1224/NQ-HĐQT	19/12/2022	Về kỳ họp thứ 30, nhiệm kỳ 2019 – 2024, về việc nhận xét, đánh giá của Hội đồng quản trị đối với các nhân sự quản lý để phục vụ công tác bổ nhiệm lại có thời hạn chức danh Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng công ty.
115	1274/NQ-HĐQT	26/12/2022	Về việc chấp thuận chủ trương ký kết các hợp đồng giao dịch giữa Công ty Cổ phần Hóa chất cơ bản miền Nam với “Người có liên quan”.
116	1292/QĐ-HĐQT	29/12/2022	Về việc thành lập Tổ thẩm tra quyết toán vốn đầu tư dự án hoàn thành “Mua sắm thiết bị làm nguội khí Clo ẩm cho dây chuyền hóa lỏng Clo”.
117	1304/QĐ-HĐQT	30/12/2022	Về việc phê duyệt quyết toán vốn đầu tư dự án hoàn thành “Mua sắm thiết bị làm nguội khí Clo ẩm cho dây chuyền hóa lỏng Clo”.



HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



Hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị độc lập

Trong năm 2022, Thành viên HĐQT độc lập đã cùng Hội đồng quản trị xem xét các hồ sơ từ Ban điều hành trình đề Hội đồng quản trị phê duyệt gồm 117 Nghị quyết, Quyết định trong công tác quản lý, hoạt động sản xuất kinh doanh, kiện toàn bộ máy nhân sự, v.v... của Công ty;

Thành viên HĐQT độc lập đã tham gia 9/10 (đạt tỷ lệ 90%) các phiên họp của Hội đồng quản trị (vắng 01 cuộc họp có lý do và có ủy quyền biểu quyết), tại các cuộc họp Thành viên HĐQT độc lập đã đưa ra những ý kiến đóng góp quan trọng vào chiến lược phát triển, và hoạt động của công ty cũng như chủ động trao đổi về các chỉ tiêu sản xuất kinh doanh, các định hướng phát triển trong từng lĩnh vực hoạt động và đưa ra các đề xuất, giải pháp phù hợp, đóng góp ý kiến nâng cao năng lực quản trị của Công ty.

Kết quả đánh giá của Thành viên HĐQT độc lập về hoạt động của HĐQT trong năm 2022:

Công tác giám sát, quản lý, điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh của Hội đồng quản trị Công ty đã tuân thủ các quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.

Hội đồng quản trị đã tổ chức các cuộc họp định kỳ và bất thường, đã ban hành các Nghị quyết, Quyết định liên quan đến công tác quản lý, hoạt động sản xuất kinh doanh, kiện toàn bộ máy nhân sự, v.v... của Công ty. Các Nghị quyết, Quyết định của Hội đồng quản trị được ban hành hợp lệ và đúng với thẩm quyền quy định tại Điều lệ Công ty.

Hội đồng quản trị thường xuyên giám sát Ban Tổng giám đốc trong việc triển khai thực hiện các kế hoạch kinh doanh đã được ĐHCĐ thường niên năm 2022 thông qua.

Hội đồng quản trị đã tuân thủ quy định về thẩm quyền phê duyệt, theo dõi và thuyết minh giao dịch giữa Công ty và người nội bộ Công ty; người có liên quan của người nội bộ với Công ty, công ty con, công ty do Công ty nắm quyền kiểm soát. Các giao dịch này đã được công bố thông tin theo đúng quy định của pháp luật.

Hội đồng quản trị đã thực hiện nhiệm vụ, vai trò của mình trên tinh thần trách nhiệm cao vì lợi ích hợp pháp của Công ty và cổ đông.



HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị có chứng chỉ đào tạo về quản trị công ty

Các thành viên trong Ban lãnh đạo thường xuyên tham gia các chương trình về Quản trị Công ty nhằm phát huy năng lực hoạt động, sự đóng góp đối với quá trình hoạt động của Công ty. Ý thức được vai trò quyết định của đội ngũ lãnh đạo, công tác đào tạo các chứng chỉ, chương trình về quản trị luôn được Công ty chú trọng. Danh sách các thành viên HĐQT có chứng chỉ đào tạo về Quản trị Công ty:

STT	Thành viên	Chức vụ	Ngày cấp	Nơi nhận
1	Ông Lê Thanh Bình	Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc	05/2014	Trung tâm Nghiên cứu và Đào tạo Chứng khoán
2	Ông Lê Phương Đông	Thành viên HĐQT không điều hành	05/2014	Trung tâm Nghiên cứu và Đào tạo Chứng khoán
3	Bà Nguyễn Thanh Bình	Thành viên HĐQT độc lập	05/2014	Trung tâm Nghiên cứu và Đào tạo Chứng khoán





BAN KIỂM SOÁT

THÀNH VIÊN VÀ CƠ CẤU CỦA BAN KIỂM SOÁT

STT	Thành viên	Chức vụ	Số lượng cổ phần sở hữu	Tỷ lệ sở hữu
1	Bà Đỗ Thị Thoa	Trưởng BKS	CN: 0 ĐD: 0	CN: 0% ĐD: 0%
2	Bà Nguyễn Thị Minh Hà	Thành viên BKS	CN: 0 ĐD: 0	CN: 0% ĐD: 0%
3	Ông Nguyễn Minh Trí	Thành viên BKS	CN: 0 ĐD: 0	CN: 0% ĐD: 0%

THAY ĐỔI THÀNH VIÊN BKS TRONG NĂM

Không có



HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT

CÁC NHIỆM VỤ ĐÃ ĐƯỢC BAN KIỂM SOÁT TRIỂN KHAI TRONG NĂM

Trong năm 2022, Ban kiểm soát đã triển khai tổ chức họp định kỳ, phiếu lấy ý kiến, trao đổi trực tiếp và gián tiếp để xem xét, đánh giá các vấn đề sau:

- Hoạt động quản trị, điều hành sản xuất kinh doanh của HĐQT, Ban Tổng Giám đốc;
- Công tác kế toán và việc lập báo cáo tài chính của công ty;
- Giám sát việc thực hiện Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022;
- Tham gia các cuộc họp định kỳ của HĐQT, qua đó nắm bắt kịp thời và đưa ra kiến nghị về hoạt động quản trị, điều hành đối với HĐQT, Ban Tổng Giám đốc công ty.

SỰ PHỐI HỢP HOẠT ĐỘNG GIỮA BAN KIỂM SOÁT ĐỐI VỚI HOẠT ĐỘNG CỦA HĐQT, BAN TGD VÀ CÁC CÁN BỘ QUẢN LÝ KHÁC

- Trong quá trình hoạt động giám sát, Ban kiểm soát thường xuyên trao đổi hoặc yêu cầu các bộ phận liên quan trả lời các vấn đề cần được làm rõ.
- Ban kiểm soát được cung cấp đầy đủ Nghị quyết/Quyết định, biên bản họp của Hội đồng quản trị, báo cáo của Tổng Giám đốc.
- Ban kiểm soát gửi thông báo và thường xuyên trao đổi trực tiếp với Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc về kết quả giám sát.
- Ban kiểm soát được HĐQT, Tổng Giám đốc tạo điều kiện thuận lợi để thực hiện các quyền và nghĩa vụ của mình.

SỐ LƯỢNG CÁC CUỘC HỌP BAN KIỂM SOÁT

STT	Thành viên	Chức vụ	Số buổi họp tham dự	Tỷ lệ tham dự	Lý do không tham dự họp
1	Bà Đỗ Thị Thoa	Trưởng BKS	02	100%	
2	Bà Nguyễn Thị Minh Hà	Thành viên BKS	02	100%	
3	Ông Nguyễn Minh Trí	Thành viên BKS	02	100%	



CÁC GIAO DỊCH, THÙ LAO VÀ CÁC KHOẢN LỢI ÍCH CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

STT	Họ và tên	Chức danh	Tổng lương	Tổng thù lao	Thưởng	Các khoản lợi ích khác
I Hội đồng quản trị						
1	Nguyễn Tuấn Dũng	Chủ tịch HĐQT	Không chuyên trách	80.000.000	36.800.000	-
2	Lê Thanh Bình	Thành viên HĐQT kiêm TGD	687.464.119	96.000.000	469.642.672	-
3	Lê Phương Đông	Thành viên HĐQT	-	96.000.000	41.000.000	-
4	Nguyễn Thanh Bình	Thành viên HĐQT	-	96.000.000	113.000.000	-
5	Vũ Minh Ngọc	Thành viên HĐQT	Không chuyên trách	96.000.000	97.000.000	-
II Ban kiểm soát						
1	Đỗ Thị Thoa	Trưởng BKS	473.074.609	-	290.983.705	
2	Nguyễn Thị Minh Hà	Thành viên BKS	Không chuyên trách	72.000.000	95.000.000	
3	Nguyễn Minh Trí	Thành viên BKS	248.348.638	72.000.000	236.053.945	106.000.000
III Ban điều hành						
1	Lê Thanh Bình	Thành viên HĐQT kiêm TGD	687.464.119	96.000.000	469.642.672	-
2	Đỗ Trung Hiếu	Phó TGD	541.930.438	-	353.925.258	-
3	Võ Đình Thùy	Phó TGD	541.883.609	-	336.976.716	-
4	Lê Tùng Lâm	Phó TGD	554.723.609	-	340.116.259	-
5	Phạm Thị Thu Hằng	Kế toán trưởng	484.585.366	-	293.325.274	-



GIAO DỊCH CỔ PHIẾU CỦA NGƯỜI NỘI BỘ

Người thực hiện giao dịch	Chức vụ	Số cổ phiếu sở hữu đầu kỳ		Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ		Lý do tăng, giảm
		Số cổ phiếu	Tỷ lệ %	Số cổ phiếu	Tỷ lệ %	
Nguyễn Thanh Bình	TV HĐQT	5.700	0,013%	6.000	0,014%	Mua
Lê Phương Đông	TV HĐQT	2.700	0,006%	-	0,000%	Bán
Lê Tùng Lâm	Phó Tổng Giám đốc	1.500	0,003%	-	0,000%	Bán
Phạm Thị Thu Hằng	Kế toán trưởng	850	0,002%	1.050	0,002%	Mua



HỢP ĐỒNG HOẶC GIAO DỊCH VỚI NGƯỜI CÓ LIÊN QUAN

Tên tổ chức	Mối quan hệ liên quan với công ty	Số Giấy NSH
CTCP Bột giặt NET	Công ty do Tập đoàn Hóa chất Việt Nam sở hữu trên 10% vốn điều lệ.	3600642822
Công ty TNHH Nhựa và Hóa chất TPC VINA		3600248368
CTCP PinẮc quy miền Nam		0311245718
CTCP Bột giặt LIX	Công ty con của Tập đoàn Hóa chất Việt Nam	0301444263
CTCP Phân bón và Hóa chất Cần Thơ		1800155438
Xí nghiệp Hơi kỹ nghệ Biên Hòa – Chi nhánh CTCP Hơi kỹ nghệ - Que hàn		0300422482-002
CTCP Phốt pho Việt Nam	Công ty con của CTCP Hóa chất Cơ bản miền Nam	5300433116
Xí nghiệp cao su Đồng Nai - CN CTCP Công nghiệp cao su Đồng Nai	Công ty con của Tập đoàn Hóa chất Việt Nam	0300419930-004
Tập đoàn Hóa chất Việt Nam	Công ty mẹ	0100100061



Trụ sở chính	Thời điểm giao dịch với công ty	Số Nghị quyết/ Quyết định	Nội dung, số lượng, tổng giá trị giao dịch (đã bao gồm thuế GTGT)	Ghi chú
Đường D4, KCN Lộc An - Bình Sơn, Xã Bình Sơn, Huyện Long Thành, Tỉnh Đồng Nai			57,057 tỷ đồng	Giao dịch bán
KCN Gò Dầu, Xã Phước Thái, Huyện Long Thành, Tỉnh Đồng Nai			1,942 tỷ đồng	Giao dịch bán
321 Trần Hưng Đạo P.CG, Phường Cô Giang, Quận 1, TP Hồ Chí Minh			13,237 tỷ đồng	Giao dịch bán
Số 3, Đường số 2, Khu Phố 4- P.Linh Trung, Tp. Thủ Đức, Tp. HCM.			45,320 tỷ đồng 0,327 tỷ đồng	Giao dịch bán Giao dịch mua
Khu CN Trà Nóc 1, Phường Trà Nóc, Quận Bình Thủy, Thành phố Cần Thơ.	Năm 2022	1235/NQ-HĐQT ngày 28/12/2021	6,969 tỷ đồng	Giao dịch bán
Khu công nghiệp Biên Hòa 1, đường số 2, Phường An Bình, Thành phố Biên Hoà, Tỉnh Đồng Nai			0,02003 tỷ đồng 0,099 tỷ đồng	Giao dịch bán Giao dịch mua
KCN Tăng Loàng, Huyện Bảo Thắng, Tỉnh Lào Cai			5,115 tỷ đồng	Giao dịch bán (gia công)
Khu công nghiệp Biên Hòa 1, đường số 11, Phường An Bình, Thành phố Biên Hoà, Đồng Nai			88,534 tỷ đồng	Giao dịch mua
1A Tràng Tiền, Quận Hoàn Kiếm, Tp. Hà Nội			0,000808 tỷ đồng	Giao dịch bán
			1,775 tỷ đồng	Giao dịch mua



QUẢN TRỊ CÔNG TY

Đánh giá tình hình quản trị công ty

Công ty Cổ phần Hóa chất cơ bản miền Nam luôn nỗ lực xây dựng hệ thống quản trị theo các thông lệ quản trị tốt nhất và tiếp cận các chuẩn mực quốc tế. Xây dựng hệ thống quản trị công ty hiệu quả sẽ giúp Công ty tăng trưởng bền vững, giảm thiểu các rủi ro, giúp nâng cao năng lực cạnh tranh và danh tiếng, qua đó gia tăng khả năng tiếp cận thị trường vốn, tối đa hóa lợi ích của các bên liên quan. Công tác quản trị công ty tại CSV được xây dựng trên 3 yếu tố cốt lõi là:

CÔNG BẰNG

Bảo vệ quyền của cổ đông và đảm bảo sự đối xử công bằng đối với mọi cổ đông, kể cả cổ đông thiểu số và cổ đông nước ngoài.

MINH BẠCH

Đảm bảo việc công bố thông tin về mọi vấn đề trọng yếu liên quan đến công ty bao gồm tình hình tài chính, cấu trúc quản trị, tình hình hoạt động, và sở hữu công ty kịp thời và chính xác.

TRÁCH NHIỆM

Công nhận quyền của các bên có quyền lợi liên quan đã được pháp luật quy định, khuyến khích sự hợp tác tích cực giữa công ty và các bên có quyền lợi liên quan trong việc tạo lập tài sản, việc làm, và đảm bảo sự ổn định.

Giải pháp tăng cường hiệu quả trong hoạt động quản trị công ty

Kế hoạch đào tạo, quản trị Công ty:

- Dự kiến năm 2023 Công ty có kế hoạch đào tạo cho Ban Tổng Giám đốc và Ban Kiểm soát (4 người) tham gia khóa đào tạo quản trị Công ty.

Quản trị nhân sự:

- Định hướng phát triển của Công ty là tăng cường sử dụng các ứng dụng công nghệ trong quản trị nhân sự để nâng cao chất lượng và hiệu quả trong công tác quản lý nhân sự.

Quản trị chất lượng sản phẩm:

- Tiếp tục thực hiện công tác duy trì, cải tiến, đánh giá nội bộ Hệ thống quản lý chất lượng tại các đơn vị kịp thời và có hiệu quả.
- Thực hiện việc cập nhật, sửa đổi, bổ sung hoặc bãi bỏ, thay thế các nội dung trong Hệ thống quản lý chất lượng của các đơn vị sản xuất phù hợp với các tiêu chuẩn hiện hành.
- Mở rộng và áp dụng các hệ thống quản lý, tiêu chuẩn mới, nâng cao uy tín, chất lượng sản phẩm và hiệu quả sản xuất của công ty.

Thường xuyên đánh giá các thay đổi của quy phạm pháp luật để đảm bảo hoạt động quản trị Công ty tuân thủ tuyệt đối, đảm bảo quyền lợi của các bên liên quan.

Thông qua hoạt động trao đổi định kỳ với Ban Điều hành và các bên liên quan để nắm bắt các yêu cầu của bên liên quan nhằm đáp ứng phù hợp.



BÁO CÁO TÀI CHÍNH NĂM 2022

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Hóa chất Cơ bản Miền Nam (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 bao gồm Báo cáo tài chính tổng hợp của Công ty và Báo cáo tài chính của công ty con (gọi chung là “Tập đoàn”).

Khái quát về Công ty

Công ty Cổ phần Hóa chất Cơ bản Miền Nam tiền thân là doanh nghiệp Nhà nước trực thuộc Tập đoàn Hóa chất Việt Nam và được chuyển đổi sang công ty cổ phần theo Quyết định phê duyệt phương án cổ phần hóa số 248/QĐ-HCVN ngày 28 tháng 7 năm 2013 của Tập đoàn Hóa chất Việt Nam. Công ty chính thức chuyển thành công ty cổ phần từ ngày 02 tháng 01 năm 2014.

Công ty hoạt động theo:

- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0301446260, đăng ký lần đầu ngày 24 tháng 9 năm 2003 và đăng ký thay đổi lần thứ 10 ngày 14 tháng 10 năm 2019 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Hồ Chí Minh cấp.
- Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư mã số dự án 4342161733, chứng nhận lần đầu ngày 10 tháng 02 năm 2017 do Ban quản lý các Khu công nghiệp Đồng Nai cấp.

Ngày 18 tháng 3 năm 2015, Cổ phiếu của Công ty đã được niêm yết tại Sở Giao dịch chứng khoán TP. Hồ Chí Minh với mã chứng khoán là CSV.

Trụ sở chính

- Địa chỉ : 22 Lý Tự Trọng, Phường Bến Nghé, Quận 01, TP. Hồ Chí Minh.
- Điện thoại : (84 – 28) 3829 6620 - 3822 5373
- Fax : (84 – 28) 3824 3166
- Email : sbcc@sochemvn.com

Hoạt động kinh doanh của Công ty là:

- Sản xuất sản phẩm ngành hóa chất (trừ hóa chất có tính độc hại mạnh không sản xuất hóa chất tại TP. Hồ Chí Minh);
- Sản xuất phân bón và hợp chất ni tơ (không hoạt động tại TP. Hồ Chí Minh);
- Sản xuất hóa chất trong lĩnh vực công nghiệp, sản xuất hóa chất trong lĩnh vực phụ gia thực phẩm (không hoạt động tại trụ sở);
- Sản xuất thùng, bể chứa và dụng cụ chứa tương tự bằng kim loại để chứa hoặc phục vụ sản xuất);
- Khai thác và chế biến khoáng sản bauxite (không hoạt động tại trụ sở);
- Chế biến các sản phẩm muối dùng trong thực phẩm (không hoạt động tại trụ sở);
- Bán buôn hóa chất trong lĩnh vực công nghiệp; bán buôn hóa chất trong lĩnh vực phụ gia thực phẩm;
- Sản xuất vật tư, thiết bị ngành hóa chất (không hoạt động tại trụ sở); Gia công, chế tạo, lắp đặt thiết bị chuyên dùng, đường ống công nghệ và đường ống dùng trong ngành cấp thải nước công nghiệp (không chịu áp lực-trừ tái chế phế thải kim loại, xi mạ điện, luyện kim đúc);
- Sửa chữa các thùng, bể chứa, container bằng kim loại, sửa chữa và bảo dưỡng đường ống, sửa chữa hàng cơ động;
- Sửa chữa và bảo dưỡng máy móc, thiết bị công nghiệp, sửa chữa và bảo dưỡng máy bơm và thiết bị có liên quan; sửa chữa van, sửa chữa và bảo dưỡng hệ thống bánh răng và các bộ phận chuyển động của xe;
- Sửa chữa và bảo dưỡng các loại máy biến thế điện, máy biến thế phân loại và máy biến thế đặc biệt, sửa chữa và bảo dưỡng mô tơ điện, máy phát điện; sửa chữa và bảo dưỡng thiết bị tổng đài và thiết bị chuyển đổi, sửa chữa và bảo dưỡng các rơ le và bộ điều khiển công nghiệp; sửa chữa và bảo dưỡng các thiết bị điện chiếu sáng; sửa chữa và bảo dưỡng các thiết bị dây dẫn điện và thiết bị không dẫn điện để dùng cho các mạch điện;

- Lắp đặt thiết bị chuyên dùng, đường ống công nghệ và đường ống dùng trong ngành cấp thải nước công nghiệp (không chịu áp lực - trừ tái chế phế thải kim loại, xi mạ điện, luyện kim đúc);
- Sản xuất, tập trung và phân phối hơi nước và nước nóng để đốt nóng, cung cấp năng lượng và các mục đích khác;
- Mua bán, xuất nhập khẩu vật tư, thiết bị ngành hóa chất;
- Vận tải hàng hóa bằng ô tô chuyên dụng: vận tải hàng hóa bằng ô tô bồn chở chất lỏng; vận tải hàng hóa bằng ô tô chuyên dụng chở hóa chất (trừ hóa lỏng khí để vận chuyển);
- Nghiên cứu, thiết kế dây chuyền sản xuất hóa chất; Thiết kế thiết bị sản xuất hóa chất (trừ gia công cơ khí, tái chế phế thải, xi mạ điện tại trụ sở);
- Các hoạt động nghiên cứu thử nghiệm và dịch vụ khác.

Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Ban điều hành, quản lý

Các thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Ban điều hành, quản lý của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

Hội đồng quản trị

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm/tái bổ nhiệm/miễn nhiệm
Ông Lê Hoàng	Chủ tịch	Miễn nhiệm ngày 28 tháng 4 năm 2022
Ông Nguyễn Tuấn Dũng	Chủ tịch	Bổ nhiệm ngày 28 tháng 4 năm 2022
Ông Lê Thanh Bình	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 24 tháng 4 năm 2019
Ông Lê Phương Đông	Thành viên	Tái bổ nhiệm ngày 24 tháng 4 năm 2019
Bà Nguyễn Thanh Bình	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 24 tháng 4 năm 2019
Ông Vũ Minh Ngọc	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 27 tháng 4 năm 2021

Ban kiểm soát

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm/tái bổ nhiệm
Bà Đỗ Thị Thoa	Trưởng ban	Tái bổ nhiệm ngày 24 tháng 4 năm 2019
Bà Nguyễn Thị Minh Hà	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 22 tháng 4 năm 2019
Ông Nguyễn Minh Trí	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 27 tháng 4 năm 2021

Ban điều hành, quản lý

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm/tái bổ nhiệm
Ông Lê Thanh Bình	Tổng Giám đốc	Tái bổ nhiệm ngày 01 tháng 10 năm 2022
Ông Đỗ Trung Hiếu	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 01 tháng 6 năm 2022
Ông Võ Đình Thùy	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 01 tháng 4 năm 2020
Ông Lê Tùng Lâm	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 01 tháng 4 năm 2022
Bà Phạm Thị Thu Hằng	Kế toán trưởng	Bổ nhiệm ngày 01 tháng 4 năm 2020

Đại diện pháp luật

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này là Ông Lê Thanh Bình - Tổng Giám đốc (bổ nhiệm ngày 01 tháng 10 năm 2019).

Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C đã được chỉ định kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 của Tập đoàn.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính hợp nhất phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Tập đoàn trong năm. Trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Tổng Giám đốc phải:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán.
- Thực hiện các xét đoán và các ước tính một cách hợp lý và thận trọng.
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Tập đoàn có được tuân thủ hay không và tất cả các sai lệch trọng yếu đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính hợp nhất.
- Lập Báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Tập đoàn sẽ tiếp tục hoạt động liên tục.
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu nhằm hạn chế rủi ro có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo các số kế toán thích hợp được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tình hình tài chính của Tập đoàn với mức độ chính xác hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào và các số sách kế toán tuân thủ chế độ kế toán áp dụng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm bảo vệ an toàn tài sản của Tập đoàn và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Phê duyệt Báo cáo tài chính

Ban Tổng Giám đốc Công ty phê duyệt Báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm. Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Tập đoàn tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2022, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Ktoán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc,



Lê Thanh Bình
Tổng Giám đốc

Ngày 14 tháng 3 năm 2023

15/03/2023

Số: 1.0416/23/TC-AC

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: CÁC CỔ ĐÔNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC CÔNG TY CỔ PHẦN HÓA CHẤT CƠ BẢN MIỀN NAM

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Công ty Cổ phần Hóa chất Cơ bản Miền Nam (sau đây gọi tắt là “Công ty”) và công ty con (gọi chung là “Tập đoàn”), được lập ngày 10 tháng 3 năm 2023, từ trang 07 đến trang 40, bao gồm Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Tập đoàn liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Tập đoàn. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính hợp nhất của Tập đoàn tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

Vấn đề khác

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 của Tập đoàn đã được kiểm toán bởi công ty kiểm toán khác. Kiểm toán viên của công ty kiểm toán này đã đưa ra Báo cáo kiểm toán vào ngày 08 tháng 3 năm 2022 với ý kiến chấp nhận toàn phần.

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C



Lý Quốc Trung

Thành viên Ban Giám đốc

Số Giấy CNĐKHN kiểm toán: 0099-2023-008-1

Người được ủy quyền

TP. Hồ Chí Minh, ngày 14 tháng 3 năm 2023

Nguyễn Thị Phước Tiên

Kiểm toán viên

Số Giấy CNĐKHN kiểm toán: 1199-2023-008-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		1.247.956.593.498	935.732.715.920
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	190.336.792.912	182.216.895.390
1. Tiền	111		56.336.792.912	82.216.895.390
2. Các khoản tương đương tiền	112		134.000.000.000	100.000.000.000
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		335.000.000.000	125.000.000.000
1. Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		-	-
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	V.2	335.000.000.000	125.000.000.000
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		287.823.788.855	224.830.238.114
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.3	275.922.756.145	212.263.145.398
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.4	4.680.445.161	9.567.441.061
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		-	-
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.5a	10.872.500.845	11.792.030.911
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	V.6	(3.651.913.296)	(8.792.379.256)
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	-
IV. Hàng tồn kho	140		381.683.099.438	342.693.305.251
1. Hàng tồn kho	141	V.7	391.786.132.335	342.693.305.251
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(10.103.032.897)	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		53.112.912.293	60.992.277.165
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.8a	3.098.099.801	1.694.978.440
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		48.055.842.499	58.151.481.981
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	V.15	1.958.969.993	1.145.816.744
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
B- TÀI SẢN DÀI HẠN	200		470.462.489.630	520.109.634.408
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		1.204.561.439	980.561.439
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	-
3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		-	-
4. Phải thu nội bộ dài hạn	214		-	-
5. Phải thu về cho vay dài hạn	215		-	-
6. Phải thu dài hạn khác	216	V.5b	1.204.561.439	980.561.439
7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
II. Tài sản cố định	220		122.892.641.759	130.865.860.960
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.9	120.790.359.527	128.059.966.048
- Nguyên giá	222		1.088.599.267.994	1.054.620.067.511
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(967.808.908.467)	(926.560.101.463)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
- Nguyên giá	225		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.10	2.102.282.232	2.805.894.912
- Nguyên giá	228		6.393.560.256	6.393.560.256
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(4.291.278.024)	(3.587.665.344)
III. Bất động sản đầu tư	230		-	-
- Nguyên giá	231		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	232		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		405.942.390	34.016.462.355
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	V.11	405.942.390	34.016.462.355
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250		-	-
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		-	-
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		-	-
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		-	-
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		-	-
VI. Tài sản dài hạn khác	260		345.959.344.042	354.246.749.654
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.8b	337.178.476.174	349.384.821.795
2. Tài sản thuê thu nhập hoãn lại	262	V.12	8.780.867.868	4.861.927.859
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		-	-
4. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
5. Lợi thế thương mại	269		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		1.718.419.083.128	1.455.842.350.328

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
C- NỢ PHẢI TRẢ	300		289.501.873.256	296.131.689.228
I. Nợ ngắn hạn	310		289.501.873.256	296.131.689.228
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.13	23.099.553.136	96.834.706.633
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.14	2.466.760.311	2.757.845.557
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.15	17.580.918.239	43.476.398.756
4. Phải trả người lao động	314	V.16	45.571.349.605	43.117.678.300
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.17	12.012.548.557	10.438.936.769
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		-	-
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.18	47.959.131.831	1.600.223.131
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.19	126.379.730.158	70.275.150.882
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321	V.20	4.088.824.236	4.088.824.236
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	V.21	10.343.057.183	23.541.924.964
13. Quỹ bình ổn giá	323		-	-
14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324		-	-
II. Nợ dài hạn	330		-	-
1. Phải trả người bán dài hạn	331		-	-
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332		-	-
3. Chi phí phải trả dài hạn	333		-	-
4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334		-	-
5. Phải trả nội bộ dài hạn	335		-	-
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		-	-
7. Phải trả dài hạn khác	337		-	-
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338		-	-
9. Trái phiếu chuyển đổi	339		-	-
10. Cổ phiếu ưu đãi	340		-	-
11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		-	-
12. Dự phòng phải trả dài hạn	342		-	-
13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		-	-



BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
D- VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		1.428.917.209.872	1.159.710.661.100
I. Vốn chủ sở hữu	410		1.428.917.209.872	1.159.710.661.100
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411	V.22	442.000.000.000	442.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		442.000.000.000	442.000.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Thặng dư vốn cổ phần	412	V.22	9.506.484	9.506.484
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		-	-
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414	V.22	22.951.530.000	22.951.530.000
5. Cổ phiếu quỹ	415		-	-
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416	V.22	(25.413.193.278)	(25.413.193.278)
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		-	-
8. Quỹ đầu tư phát triển	418	V.22	564.868.318.538	468.418.745.410
9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		-	-
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420	V.22	11.949.121.722	11.949.121.722
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	V.22	333.757.881.736	205.113.482.220
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		39.519.327.998	205.113.482.220
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này	421b		294.238.553.738	-
12. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	422		-	-
13. Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429	V.23	78.794.044.670	34.681.468.542
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
1. Nguồn kinh phí	431		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	432		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		1.718.419.083.128	1.455.842.350.328

TP. Hồ Chí Minh, ngày 10 tháng 3 năm 2023


Huỳnh Thị Trang Ý
Người lập/Kế toán trưởng


Phạm Thị Thu Hằng
Kế toán trưởng


Lê Thanh Bình
Tổng Giám đốc



CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	2.104.285.557.537	1.576.769.245.615
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VI.2	33.842.977	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		2.104.251.714.560	1.576.769.245.615
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.3	1.444.081.143.048	1.164.764.038.644
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		660.170.571.512	412.005.206.971
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.4	21.468.092.710	12.390.294.480
7. Chi phí tài chính	22	VI.5	8.044.142.219	6.356.180.093
Trong đó: chi phí lãi vay	23		2.927.188.592	5.108.898.090
8. Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết	24		-	-
9. Chi phí bán hàng	25	VI.6	84.802.258.584	79.107.567.239
10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.7	78.619.006.358	66.226.408.319
11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		510.173.257.061	272.705.345.800
12. Thu nhập khác	31	VI.8	639.051.826	214.219.203
13. Chi phí khác	32		81.799.250	58.856.558
14. Lợi nhuận khác	40		557.252.576	155.362.645
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		510.730.509.637	272.860.708.445
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	V.15	106.735.424.048	57.530.719.115
17. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52	V.12	(3.918.940.009)	(2.723.065.007)
18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		407.914.025.598	218.053.054.337
19. Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ	61		354.438.553.738	209.261.163.134
20. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	62		53.475.471.860	8.791.891.203
21. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.9a,c	7.395	4.236
22. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	VI.9a,c	7.395	4.236

TP. Hồ Chí Minh, ngày 10 tháng 3 năm 2023


Huỳnh Thị Trang Ý
Người lập/Kế toán trưởng


Phạm Thị Thu Hằng
Kế toán trưởng


Lê Thanh Bình
Tổng Giám đốc



BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT
(Theo phương pháp gián tiếp)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		510.730.509.637	272.860.708.445
2. Điều chỉnh cho các khoản:				
- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02	V.9, V.10	63.519.546.280	51.521.268.296
- Các khoản dự phòng	03	V.6, V.7	4.962.566.937	(8.992.690.499)
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	VI.4, VI.5	862.453.927	358.052.789
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	VI.4, VI.8	(18.536.315.211)	(8.824.148.512)
- Chi phí lãi vay	06	VI.5	2.927.188.592	5.108.898.090
- Các khoản điều chỉnh khác	07		-	-
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		564.465.950.162	312.032.088.609
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(46.865.976.080)	(52.008.749.320)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(49.092.827.084)	(107.580.648.819)
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11		(86.195.709.926)	65.814.684.963
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		10.803.224.260	9.810.812.711
- Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	13		-	-
- Tiền lãi vay đã trả	14	V.17, VI.5	(2.855.557.405)	(5.244.983.040)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	V.15	(108.966.745.056)	(57.981.550.647)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		-	10.000.000
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	V.21	(33.266.782.407)	(22.960.956.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		248.025.576.464	141.890.698.457
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21	V.9, V.11 VII	(27.278.089.901)	(56.988.304.863)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22	V.9, VI.8	469.383.637	-
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	V.2	(330.000.000.000)	(105.000.000.000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	V.2	120.000.000.000	180.000.000.000
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		-	-
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		-	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	V.5, VI.4	14.449.821.981	6.139.023.213
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(222.358.884.283)	24.150.718.350

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		-	-
2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3. Tiền thu từ đi vay	33	V.19	195.246.239.957	291.818.600.229
4. Tiền trả nợ gốc vay	34	V.19	(138.387.498.742)	(346.500.239.096)
5. Tiền trả nợ gốc thuế tài chính	35		-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	V.18, V.22	(74.419.762.200)	(44.300.990.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(17.561.020.985)	(98.982.628.867)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50		8.105.671.196	67.058.787.940
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	V.1	182.216.895.390	115.180.967.895
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		14.226.326	(22.860.445)
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	V.1	190.336.792.912	182.216.895.390

Hồ Chí Minh, ngày 10 tháng 3 năm 2023


 Huỳnh Thị Trang Ý
 Người lập/Kế toán trưởng


 Phạm Thị Thu Hằng
 Kế toán trưởng


 Lê Thanh Bình
 Tổng Giám đốc



BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Hóa chất Miền Nam (sau đây gọi tắt là “Công ty”) là công ty cổ phần.

2. Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là sản xuất công nghiệp.

3. Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là: Sản xuất sản phẩm hóa chất và kinh doanh ngành hóa chất.

4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty không quá 12 tháng.

5. Đặc điểm hoạt động của Tập đoàn trong năm có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính hợp nhất

Doanh thu và lợi nhuận năm nay của Tập đoàn tăng mạnh là do nhu cầu về các loại hóa chất tăng bởi hoạt động sản xuất phục hồi sau dịch Covid-19, kéo theo sản lượng và giá bán tăng.

6. Cấu trúc Tập đoàn

Tập đoàn bao gồm Công ty mẹ và 01 công ty con chịu sự kiểm soát của Công ty mẹ.

6a. Thông tin về tái cấu trúc Tập đoàn

Trong năm, Tập đoàn không phát sinh việc mua thêm, thanh lý hay thoái vốn tại công ty con.

6b. Danh sách Công ty con được hợp nhất

Công ty chỉ đầu tư vào công ty con là Công ty Cổ phần Phốt pho Việt Nam có trụ sở chính tại Khu công nghiệp Tăng Loàng, Thị trấn Tăng Loàng, Huyện Bảo Thắng, Tỉnh Lào Cai. Hoạt động kinh doanh chính của công ty con này là sản xuất, kinh doanh, xuất nhập khẩu phốt pho vàng, axit photphoric và các hoạt động dịch vụ liên quan đến sản phẩm phốt pho vàng. Tại ngày kết thúc năm tài chính, tỷ lệ vốn góp của Công ty tại công ty con này là 65,05%, tỷ lệ quyền biểu quyết và tỷ lệ lợi ích tương đương với tỷ lệ vốn góp.

7. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính hợp nhất

Các số liệu tương ứng của năm trước so sánh được với số liệu của năm nay.

8. Nhân viên

Tại ngày kết thúc năm tài chính Tập đoàn có 657 nhân viên đang làm việc tại các công ty trong Tập đoàn (số đầu năm là 620 nhân viên).

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Năm tài chính

Năm tài chính của Tập đoàn bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND) do phần lớn các nghiệp vụ được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ VND.

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Tập đoàn áp dụng các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp, Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 hướng dẫn lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất và các thông tư khác hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014, Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 cũng như các thông tư khác hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

2. Cơ sở hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm Báo cáo tài chính tổng hợp của Công ty mẹ và Báo cáo tài chính của công ty con. Công ty con là đơn vị chịu sự kiểm soát của Công ty mẹ. Sự kiểm soát tồn tại tại khi Công ty mẹ có khả năng trực tiếp hay gián tiếp chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của công ty con để thu được các lợi ích kinh tế từ các hoạt động này. Khi xác định quyền kiểm soát có tính đến quyền biểu quyết tiềm năng phát sinh từ các quyền chọn mua hoặc các công cụ nợ và công cụ vốn có thể chuyển đổi thành cổ phiếu phổ thông tại ngày kết thúc năm tài chính.

Kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty con được mua lại hoặc bán đi trong năm được trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất từ ngày mua hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty con đó.

Báo cáo tài chính của công ty mẹ và công ty con sử dụng để hợp nhất được lập cho cùng một kỳ kế toán và áp dụng các chính sách kế toán thống nhất cho các giao dịch và sự kiện cùng loại trong những hoàn cảnh tương tự. Trong trường hợp chính sách kế toán của công ty con khác với chính sách kế toán áp dụng thống nhất trong Tập đoàn thì Báo cáo tài chính của công ty con sẽ có những điều chỉnh thích hợp trước khi sử dụng cho việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Số dư các tài khoản trên Bảng cân đối kế toán giữa các công ty trong cùng Tập đoàn, các giao dịch nội bộ, các khoản lãi nội bộ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch này phải được loại trừ hoàn toàn. Các khoản lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ cũng được loại bỏ trừ khi chi phí tạo nên khoản lỗ đó không thể thu hồi được.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát thể hiện phần lãi hoặc lỗ trong kết quả kinh doanh và tài sản thuần của công ty con không được nắm giữ bởi Tập đoàn và được trình bày ở khoản mục riêng trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất (thuộc phần vốn chủ sở hữu). Lợi ích của cổ đông không kiểm soát bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu và phần lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong biến động của vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ phát sinh tại công ty con được phân bổ tương ứng với phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát, kể cả trường hợp số lỗ đó lớn hơn phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của công ty con.

3. Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh giao dịch. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính được quy đổi theo tỷ giá tại ngày này.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm từ các giao dịch bằng ngoại tệ được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính. Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính.

Tỷ giá sử dụng để quy đổi các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ là tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch. Tỷ giá giao dịch thực tế đối với các giao dịch bằng ngoại tệ được xác định như sau:

- Đối với hợp đồng mua bán ngoại tệ (hợp đồng mua bán ngoại tệ giao ngay, hợp đồng kỳ hạn, hợp đồng tương lai, hợp đồng quyền chọn, hợp đồng hoán đổi): tỷ giá ký kết trong hợp đồng mua, bán ngoại tệ giữa Công ty và ngân hàng.
- Đối với các khoản góp vốn hoặc nhận vốn góp: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản để nhận vốn của nhà đầu tư tại ngày góp vốn.
- Đối với nợ phải thu: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh.
- Đối với nợ phải trả: tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh.
- Đối với các giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả): tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thực hiện thanh toán.

Tỷ giá sử dụng để đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính được xác định theo nguyên tắc sau:

- Đối với các khoản ngoại tệ gửi ngân hàng: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản ngoại tệ.
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là tài sản khác: tỷ giá mua ngoại tệ của Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh (Ngân hàng Công ty thường xuyên có giao dịch).
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là nợ phải trả: tỷ giá bán ngoại tệ của Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh (Ngân hàng Công ty thường xuyên có giao dịch).

4. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 03 tháng kể từ ngày đầu tư, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

5. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Khoản đầu tư được phân loại là nắm giữ đến ngày đáo hạn khi Tập đoàn có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (bao gồm cả các loại tín phiếu, kỳ phiếu), trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai và các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Tập đoàn nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Khi có các bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hoặc toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được và số tổn thất được xác định một cách đáng tin cậy thì tổn thất được ghi nhận vào chi phí tài chính trong kỳ và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

6. Các khoản phải thu

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Tập đoàn và người mua là đơn vị độc lập với Tập đoàn.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:
 - 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ trên 06 tháng đến dưới 01 năm.
 - 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 01 năm đến dưới 02 năm.
 - 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 02 năm đến dưới 03 năm.
 - 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 03 năm trở lên.
- Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

Tăng, giảm số dư dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

7. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho được xác định như sau:

- Nguyên vật liệu, hàng hóa: bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.
- Thành phẩm: bao gồm chi phí nguyên vật liệu, nhân công trực tiếp và chi phí sản xuất chung có liên quan trực tiếp được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường.
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang: chỉ bao gồm chi phí nguyên vật liệu chính.

Giá xuất kho của hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Tăng, giảm số dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

8. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của Tập đoàn chủ yếu là công cụ, dụng cụ, chi phí sửa chữa, tiền thuê và phí sử dụng cơ sở hạ tầng khu công nghiệp. Các chi phí trả trước này được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

Công cụ, dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 36 tháng.

Chi phí sửa chữa

Chi phí sửa chữa phát sinh một lần có giá trị lớn được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng không quá 36 tháng.

Tiền thuê đất và phí sử dụng cơ sở hạ tầng khu công nghiệp

Tiền thuê đất và phí sử dụng cơ sở hạ tầng khu công nghiệp trả trước thể hiện khoản tiền thuê đất và phí sử dụng hạ tầng đã trả cho phần đất Tập đoàn đang sử dụng tại Khu công nghiệp Nhơn Trạch. Tiền thuê đất trả trước được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng tương ứng với thời gian thuê.

9. Tài sản thuê hoạt động

Thuê tài sản được phân loại là thuê hoạt động nếu phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản thuộc về người cho thuê. Chi phí thuê hoạt động được phân ảnh vào chi phí theo phương pháp đường thẳng cho suốt thời hạn thuê tài sản, không phụ thuộc vào phương thức thanh toán tiền thuê.

10. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Tập đoàn phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	04 - 25
Máy móc và thiết bị	03 - 10
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	03 - 10
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 06

11. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Tập đoàn phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Chi phí liên quan đến tài sản cố định vô hình phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ trừ khi các chi phí này gắn liền với một tài sản cố định vô hình cụ thể và làm tăng lợi ích kinh tế từ các tài sản này.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định vô hình của Tập đoàn bao gồm:

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế Tập đoàn đã chi ra có liên quan trực tiếp tới đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ... Quyền sử dụng đất không xác định thời hạn không được tính khấu hao.

Chương trình phần mềm

Chi phí liên quan đến các chương trình phần mềm máy tính không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan được vốn hoá. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Tập đoàn đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng không quá 03 năm.

12. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp (bao gồm cả chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Tập đoàn) đến các tài sản đang trong quá trình xây dựng, máy móc thiết bị đang lắp đặt để phục vụ cho mục đích sản xuất, cho thuê và quản lý cũng như chi phí liên quan đến việc sửa chữa tài sản cố định đang thực hiện. Các tài sản này được ghi nhận theo giá gốc và không được tính khấu hao.

13. Hợp nhất kinh doanh và lợi thế thương mại

Việc hợp nhất kinh doanh được kế toán theo phương pháp mua. Giá phí hợp nhất kinh doanh bao gồm: giá trị hợp lý tại ngày diễn ra trao đổi của các tài sản đem trao đổi, các khoản nợ phải trả đã phát sinh hoặc đã thừa nhận và các công cụ vốn do Tập đoàn phát hành để đổi lấy quyền kiểm soát bên bị mua và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc hợp nhất kinh doanh. Tài sản đã mua, nợ phải trả có thể xác định được và những khoản nợ tiềm tàng phải gánh chịu trong hợp nhất kinh doanh được ghi nhận theo giá trị hợp lý tại ngày nắm giữ quyền kiểm soát.

Đối với giao dịch hợp nhất kinh doanh qua nhiều giai đoạn, giá phí hợp nhất kinh doanh được tính là tổng của giá phí khoản đầu tư tại ngày đạt được quyền kiểm soát công ty con cộng với giá phí khoản đầu tư của những lần trao đổi trước đã được đánh giá lại theo giá trị hợp lý tại ngày đạt được quyền kiểm soát công ty con. Chênh lệch giữa giá đánh giá lại và giá gốc khoản đầu tư được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh nếu trước ngày đạt được quyền kiểm soát Tập đoàn không có ảnh hưởng đáng kể với công ty con và khoản đầu tư được trình bày theo phương pháp giá gốc. Nếu trước ngày đạt được quyền kiểm soát, Tập đoàn có ảnh hưởng đáng kể và khoản đầu tư được trình bày theo phương pháp vốn chủ sở hữu thì phần chênh lệch giữa giá đánh giá lại và giá trị khoản đầu tư theo phương pháp vốn chủ sở hữu được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh và phần chênh lệch giữa giá trị khoản đầu tư theo phương pháp vốn chủ sở hữu và giá gốc khoản đầu tư được ghi nhận trực tiếp vào khoản mục “Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối” trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất.

Phần chênh lệch cao hơn của giá phí hợp nhất kinh doanh so với phần sở hữu của Tập đoàn trong giá trị hợp lý thuần của tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và các khoản nợ tiềm tàng đã ghi nhận tại ngày đạt được quyền kiểm soát công ty con được ghi nhận là lợi thế thương mại. Nếu phần sở hữu của Tập đoàn trong giá trị hợp lý thuần của tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và nợ tiềm tàng được ghi nhận tại ngày đạt được quyền kiểm soát công ty con vượt quá giá phí hợp nhất kinh doanh thì phần chênh lệch được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh.

Lợi thế thương mại được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong 10 năm. Khi có bằng chứng cho thấy lợi thế thương mại bị tổn thất lớn hơn số phân bổ thì số phân bổ trong năm là số tổn thất phát sinh.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu được xác định trên cơ sở tỷ lệ của các cổ đông không kiểm soát trong giá trị hợp lý của tài sản, nợ phải trả và nợ tiềm tàng được ghi nhận.

14. Các khoản dự phòng phải trả

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi Tập đoàn có nghĩa vụ nợ hiện tại (nghĩa vụ pháp lý hoặc nghĩa vụ liên đới) do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, việc thanh toán nghĩa vụ nợ này có thể sẽ dẫn đến sự giảm sút về những lợi ích kinh tế và giá trị của nghĩa vụ nợ đó có thể được một ước tính đáng tin cậy.

Nếu ảnh hưởng của thời gian là trọng yếu, dự phòng sẽ được xác định bằng cách chiết khấu số tiền phải bỏ ra trong tương lai để thanh toán nghĩa vụ nợ với tỷ lệ chiết khấu trước thuế và phản ánh những đánh giá trên thị trường hiện tại về giá trị thời gian của tiền và những rủi ro cụ thể của khoản nợ đó. Khoản tăng lên của số dự phòng do thời gian trôi qua được ghi nhận là chi phí tài chính.

Các khoản dự phòng phải trả của Tập đoàn chỉ có chi phí dự phòng rủi ro, bồi thường thiệt hại về môi trường theo quy định của Thông tư 86/2016/TT-BTC ngày 20 tháng 6 năm 2016 của Bộ Tài chính.

15. Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông của Công ty.

Thặng dư vốn cổ phần

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu hoặc phát hành bổ sung, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu quỹ và cấu phần vốn của trái phiếu chuyển đổi khi đáo hạn. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

Vốn khác của chủ sở hữu

Vốn khác được hình thành do bổ sung từ kết quả hoạt động kinh doanh, đánh giá lại tài sản và giá trị còn lại giữa giá trị hợp lý của các tài sản được tặng, biếu, tài trợ sau khi trừ các khoản thuế phải nộp (nếu có) liên quan đến các tài sản này.

16. Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

17. Ghi nhận doanh thu và thu nhập

Doanh thu bán hàng hoá, thành phẩm

Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Tập đoàn đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu hàng hóa, sản phẩm cho người mua.
- Tập đoàn đã không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa, sản phẩm như người sở hữu hàng hóa, sản phẩm hoặc quyền kiểm soát hàng hóa, sản phẩm.
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại hàng hóa, sản phẩm đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại hàng hóa, sản phẩm (trừ trường hợp khách hàng có quyền trả lại hàng hóa, sản phẩm dưới hình thức đổi lại để lấy hàng hóa, dịch vụ khác).
- Tập đoàn đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng.
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại dịch vụ đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại dịch vụ đã cung cấp.
- Tập đoàn đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó.
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào thời điểm báo cáo.
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ được căn cứ vào kết quả phân công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

18. Các khoản giảm trừ doanh thu

Các khoản giảm trừ doanh thu chỉ có hàng bán bị trả lại phát sinh cùng kỳ tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa được điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ phát sinh.

Trường hợp sản phẩm, hàng hóa đã tiêu thụ từ các năm trước, đến năm nay mới phát sinh hàng bán bị trả lại thì được ghi giảm doanh thu theo nguyên tắc:

- Nếu hàng bán bị trả lại phát sinh trước thời điểm phát hành Báo cáo tài chính hợp nhất: ghi giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính hợp nhất của năm nay.
- Nếu hàng bán bị trả lại phát sinh sau thời điểm phát hành Báo cáo tài chính hợp nhất: ghi giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính hợp nhất của năm sau.

19. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay.

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được tính vào giá trị của tài sản đó. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Đối với các khoản vốn vay chung trong đó có sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì chi phí đi vay vốn hóa được xác định theo tỷ lệ vốn hóa đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng cơ bản hoặc sản xuất tài sản đó. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong năm, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích hình thành một tài sản cụ thể.

20. Các khoản chi phí

Chi phí là những khoản làm giảm lợi ích kinh tế được ghi nhận tại thời điểm giao dịch phát sinh hoặc khi có khả năng tương đối chắc chắn sẽ phát sinh trong tương lai không phân biệt đã chi tiền hay chưa.

Các khoản chi phí và khoản doanh thu do nó tạo ra phải được ghi nhận đồng thời theo nguyên tắc phù hợp. Trong trường hợp nguyên tắc phù hợp xung đột với nguyên tắc thận trọng, chi phí được ghi nhận căn cứ vào bản chất và quy định của các chuẩn mực kế toán để đảm bảo phản ánh giao dịch một cách trung thực, hợp lý.

21. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoãn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích lập Báo cáo tài chính và cơ sở tính thuế thu nhập. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ năm tài chính và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi trực tiếp vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi:

- Tập đoàn có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp; và
- Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan đến thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế:
 - Đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc
 - Tập đoàn dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

22. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

23. Báo cáo theo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

Thông tin bộ phận được lập và trình bày phù hợp với chính sách kế toán áp dụng cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	Số cuối năm	Số đầu năm
Tiền mặt	364.528.642	964.729.693
Tiền gửi ngân hàng	55.972.264.270	81.252.165.697
Các khoản tương đương tiền - Tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn gốc không quá 03 tháng	134.000.000.000	100.000.000.000
Cộng	190.336.792.912	182.216.895.390

2. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn của Công ty chỉ có tiền gửi có kỳ hạn gốc trên 03 tháng đến dưới 12 tháng.

Trong đó, khoản tiền gửi 20.000.000.000 VND tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh được dùng để thế chấp để mở bảo lãnh dự thầu, bảo lãnh thực hiện hợp đồng tại ngân hàng.

3. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải thu các bên liên quan	10.121.843.920	7.950.059.150
Công ty Cổ phần Phân bón và Hóa chất Cần Thơ	629.095.680	805.302.300
Công ty Cổ phần Bột giặt Lix	2.793.152.160	1.097.338.000
Công ty Cổ phần Bột giặt Net	6.317.948.160	4.104.051.600
Công ty Cổ phần Pin - Ac quy Miền Nam	242.857.440	1.894.362.800
Công ty TNHH Nhựa và Hóa chất TPC Vina	138.790.480	49.004.450
Phải thu các khách hàng khác	265.800.912.225	204.313.086.248
Công ty TNHH Quốc tế Unilever Việt Nam	38.718.687.420	29.516.597.385
Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Ý Cường Thịnh	66.595.134.969	40.280.544.618
Các khách hàng khác	160.487.089.836	134.515.944.245
Cộng	275.922.756.145	212.263.145.398

4. Trả trước cho người bán ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Trả trước cho bên liên quan	-	976.514
Công ty Cổ phần Bột giặt Lix	-	976.514
Trả trước cho các nhà cung cấp khác	4.680.445.161	9.566.464.547
Heartychem Corporation	-	3.337.600.270
Hợp tác xã Vận tải Số 9	-	1.834.859.174
Công ty TNHH MTV Công nghiệp Hóa chất Mỏ Nam Bộ - Micco	593.522.021	1.011.812.010
Trung tâm Công nghệ Môi trường (Entec)	588.000.000	-
Công ty TNHH MTV Cơ điện lạnh Tuấn Thành	502.718.400	-
Công ty TNHH Kỹ thuật Gas Phúc Sang Minh	1.151.888.000	-
Các nhà cung cấp khác	1.844.316.740	3.382.193.093
Cộng	4.680.445.161	9.567.441.061

5. Phải thu khác

5a. Phải thu ngắn hạn khác

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Phải thu bên liên quan	-	-	5.364.667.062	-
Công ty Cổ phần Phân bón Miền Nam - Cho mượn hàng	-	-	5.364.667.062	-
Phải thu các tổ chức và cá nhân khác	10.872.500.845	-	6.427.363.849	-
Tạm ứng	44.813.818	-	35.892.800	-
Lãi tiền gửi dự thu	8.562.849.315	-	4.945.739.722	-
Các khoản ký quỹ ngắn hạn	19.500.000	-	19.500.000	-
Các khoản phải thu ngắn hạn khác	2.245.337.712	-	1.426.231.327	-
Cộng	10.872.500.845	-	11.792.030.911	-

5b. Phải thu dài hạn khác

	Số cuối năm	Số đầu năm
Ký quỹ thuê văn phòng, mặt bằng	180.000.000	180.000.000
Các khoản ký quỹ dài hạn khác	1.024.561.439	800.561.439
Cộng	1.204.561.439	980.561.439

6. Nợ xấu

	Thời gian quá hạn	Số cuối năm		Số đầu năm	
		Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
Bên liên quan		80.524.880	-	80.524.880	-
Công ty Cổ phần Sorbitol Pháp - Việt	Trên 03 năm	80.524.880	-	80.524.880	-
Các tổ chức và cá nhân khác		4.769.000.738	1.197.612.322	9.848.755.262	1.136.900.886
DNTT Trường An	Trên 03 năm	612.162.100	-	612.162.100	-
Công ty TNHH Phúc An Yên Bình	Trên 03 năm	1.077.385.950	-	1.077.385.950	-
Kunming Taijing Commercial & Trade Limited Company		-	-	5.708.800.520	-

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Thời gian quá hạn	Giá gốc	Thời gian quá hạn	Giá gốc
Citichem India Limited	Từ 02 năm đến dưới 03 năm	1.453.592.448	Từ 01 năm đến dưới 02 năm	1.405.780.992
Các khách hàng khác		1.625.860.240		1.044.625.700
	Từ 06 tháng đến dưới 01 năm	779.336.640	Từ 06 tháng đến dưới 01 năm	-
	Từ 01 đến dưới 02 năm	398.471.600	Từ 01 đến dưới 02 năm	596.573.700
	Từ 02 đến dưới 03 năm	-	Từ 02 đến dưới 03 năm	80.632.000
	Trên 03 năm	448.052.000	Trên 03 năm	367.420.000
Cộng		4.849.525.618		9.929.280.142

Tình hình biến động dự phòng nợ phải thu khó đòi như sau:

	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	8.792.379.256	12.158.989.605
Hoàn nhập dự phòng	(5.140.465.960)	(3.366.610.349)
Cộng	3.651.913.296	8.792.379.256

7. Hàng tồn kho

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Hàng mua đang đi trên đường	-	-	89.172.911.266	-
Nguyên liệu, vật liệu	281.186.064.676	(6.731.691.864)	187.174.511.250	-
Công cụ, dụng cụ	7.079.174.343	-	7.049.682.391	-
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	10.152.834.791	-	3.223.567.195	-
Thành phẩm	90.244.194.602	(3.371.341.033)	54.930.361.962	-
Hàng hóa	3.123.863.923	-	-	-
Hàng gửi đi bán	-	-	1.142.271.187	-
Cộng	391.786.132.335	(10.103.032.897)	342.693.305.251	-

Tình hình biến động dự phòng giảm giá hàng tồn kho như sau:

	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	-	-
Trích lập dự phòng	10.103.032.897	-
Số cuối năm	10.103.032.897	-

8. Chi phí trả trước

8a. Chi phí trả trước ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Công cụ, dụng cụ	92.135.492	-
Chi phí bảo hiểm	700.611.680	825.887.539
Phí sử dụng phần mềm	248.696.667	333.613.000
Chi phí sửa chữa	1.766.952.848	129.492.059
Các chi phí trả trước ngắn hạn khác	289.703.114	405.985.842
Cộng	3.098.099.801	1.694.978.440

8b. Chi phí trả trước dài hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Công cụ, dụng cụ	695.014.014	1.190.921.564
Chi phí sửa chữa	3.433.989.167	4.802.754.509
Tiền thuê đất và phí sử dụng cơ sở hạ tầng khu công nghiệp ⁽ⁱ⁾	333.006.812.969	343.279.516.709
Các chi phí trả trước dài hạn khác	42.660.024	111.629.013
Cộng	337.178.476.174	349.384.821.795

(i) Quyền sử dụng đất tại Khu công nghiệp Nhơn Trạch có thời hạn thuê đến ngày 01 tháng 6 năm 2055 được Tập đoàn thế chấp để đảm bảo khoản vay tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh (xem thuyết minh V.19).

9. Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
Nguyên giá					
Số đầu năm	185.689.590.603	822.184.512.636	34.538.817.332	12.207.146.940	1.054.620.067.511
Mua trong năm	-	878.387.025	1.093.816.593	593.285.091	2.565.488.709
Đầu tư XDCB hoàn thành	790.207.971	49.229.241.513	2.961.388.886	-	52.980.838.370
Thanh lý, nhượng bán	(2.808.783.438)	(17.642.684.358)	(951.815.000)	(163.843.800)	(21.567.126.596)
Số cuối năm	183.671.015.136	854.649.456.816	37.642.207.811	12.636.588.231	1.088.599.267.994
Trong đó:					
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	162.813.743.479	597.999.185.899	29.899.860.651	4.894.639.797	795.607.429.826
Chờ thanh lý	-	-	-	-	-
Giá trị hao mòn					
Số đầu năm	176.289.749.711	711.501.846.900	31.880.268.948	6.888.235.904	926.560.101.463
Khấu hao trong năm	2.134.487.403	58.401.885.190	873.031.177	1.406.529.830	62.815.933.600
Thanh lý, nhượng bán	(2.808.783.438)	(17.642.684.358)	(951.815.000)	(163.843.800)	(21.567.126.596)
Số cuối năm	175.615.453.676	752.261.047.732	31.801.485.125	8.130.921.934	967.808.908.467
Giá trị còn lại					
Số đầu năm	9.399.840.892	110.682.665.736	2.658.548.384	5.318.911.036	128.059.966.048
Số cuối năm	8.055.561.460	102.388.409.084	5.840.722.686	4.505.666.297	120.790.359.527
Trong đó:					
Tạm thời chưa sử dụng	-	-	-	-	-
Đang chờ thanh lý	-	-	-	-	-

Một số tài sản cố định hữu hình có giá trị còn lại theo sổ sách là 1.817.836.778 VND đã được thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay của Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Lào Cai (xem thuyết minh số V.19).

10. Tài sản cố định vô hình

	Quyền sử dụng đất	Chương trình phần mềm	Cộng
Nguyên giá			
Số đầu năm	1.755.971.381	4.637.588.875	6.393.560.256
Số cuối năm	1.755.971.381	4.637.588.875	6.393.560.256
<i>Trong đó:</i>			
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	-	2.874.388.875	2.874.388.875
Giá trị hao mòn			
Số đầu năm	-	3.587.665.344	3.587.665.344
Khấu hao trong năm	-	703.612.680	703.612.680
Số cuối năm	-	4.291.278.024	4.291.278.024
Giá trị còn lại			
Số đầu năm	1.755.971.381	1.049.923.531	2.805.894.912
Số cuối năm	1.755.971.381	346.310.851	2.102.282.232
<i>Trong đó:</i>			
Tạm thời không sử dụng	-	-	-
Đang chờ thanh lý	-	-	-

Quyền sử dụng đất đã được thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay của Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Lào Cai (xem thuyết minh số V.19).

11. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Thông tin về biến động của chi phí xây dựng cơ bản dở dang được trình bày ở Phụ lục 01 đính kèm.

12. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại đã ghi nhận

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại liên quan đến chi phí khấu hao. Chi tiết phát sinh trong năm như sau:

	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	4.861.927.859	2.138.862.852
Ghi nhận vào kết quả kinh doanh	3.918.940.009	2.723.065.007
Số cuối năm	8.780.867.868	4.861.927.859

Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp sử dụng để xác định giá trị tài sản thuế thu nhập hoãn lại là 20%.

13. Phải trả người bán ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải trả các bên liên quan	-	4.648.387.079
Công ty Cổ phần Hoi Kỹ nghệ Que Hàn	-	12.526.800
Công ty TNHH MTV Apatit Việt Nam	-	4.635.860.279
Phải trả các nhà cung cấp khác	23.099.553.136	92.186.319.554
Sea Salt Holdings Pte Limited	-	66.170.720.000
Công ty Cổ phần Victory	-	7.289.137.731
Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ và Xuất nhập khẩu Hải Đăng	6.582.615.575	-
Các nhà cung cấp khác	16.516.937.561	18.726.461.823
Cộng	23.099.553.136	96.834.706.633

Tập đoàn không có nợ phải trả người bán quá hạn chưa thanh toán.

14. Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Bongsan Co., Ltd.	2.095.857.750	1.700.524.801
Các khách hàng khác	370.902.561	974.820.756
Cộng	2.466.760.311	2.757.845.557

15. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	Số đầu năm		Số phát sinh trong năm		Số cuối năm	
	Phải nộp	Phải thu	Số phải nộp	Số đã thực nộp	Phải nộp	Phải thu
Thuế GTGT hàng bán nội địa	5.986.899.467	-	57.861.954.514	(59.365.252.493)	4.483.601.488	-
Thuế GTGT hàng nhập khẩu	-	497.912.399	21.132.449.439	(21.928.084.434)	-	1.293.547.394
Thuế xuất, nhập khẩu	22.864.151.680	84.102.524	35.043.479.826	(58.005.615.382)	-	182.086.400
Thuế thu nhập doanh nghiệp	12.525.575.799	-	106.735.424.048	(108.966.745.056)	10.294.254.791	-
Thuế thu nhập cá nhân	2.050.049.837	563.801.821	12.379.937.210	(11.126.290.238)	2.753.339.987	13.444.999
Thuế tài nguyên	-	-	-	-	-	-
Thuế nhà đất	-	-	47.428.062	(47.428.062)	-	-
Tiền thuê đất	-	-	6.533.819.397	(7.003.710.597)	-	469.891.200
Các loại thuế khác	49.721.973	-	536.879.205	(536.879.205)	49.721.973	-
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	-	13.887.946	(13.887.946)	-	-
Cộng	43.476.398.756	1.145.816.744	240.285.259.647	(266.993.893.413)	17.580.918.239	1.958.969.993

Thuế giá trị gia tăng

Các công ty trong Tập đoàn nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ với thuế suất 08% hoặc 10%.

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Các công ty trong Tập đoàn phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp cho các khoản thu nhập tính thuế với thuế suất 20%.

Chi tiết thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp như sau:

	Năm nay	Năm trước
Công ty Cổ phần Hóa chất Cơ bản Miền Nam	68.057.527.212	51.085.774.596
Công ty Cổ phần Phốt pho Việt Nam	38.677.896.836	6.444.944.519
Cộng	106.735.424.048	57.530.719.115

Việc xác định thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của các công ty trong Tập đoàn được căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau. Do vậy số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất có thể sẽ thay đổi khi cơ quan thuế kiểm tra.

Thuế nhà đất

Thuế nhà đất được nộp theo thông báo của cơ quan thuế.

Các loại thuế khác

Các công ty trong Tập đoàn kê khai và nộp theo quy định.

16. Phải trả người lao động

	Năm nay	Năm trước
Tiền lương phải trả người lao động	45.031.884.121	42.536.517.505
Tiền lương phải trả Ban Lãnh đạo Công ty mẹ	539.465.484	581.160.795
Cộng	45.571.349.605	43.117.678.300

17. Chi phí phải trả ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Chi phí vận chuyển	1.588.795.252	1.606.954.733
Chi phí lãi vay	131.099.267	59.468.080
Tiền thuê đất tại Khu công nghiệp Biên Hòa 1 bị truy thu từ năm 2006	4.864.455.990	6.134.679.705
Chi phí tiền điện	4.664.161.668	2.053.539.936
Các chi phí phải trả ngắn hạn khác	764.036.380	584.294.315
Cộng	12.012.548.557	10.438.936.769

18. Phải trả ngắn hạn khác

	Số cuối năm	Số đầu năm
<i>Phải trả bên liên quan</i>	<i>28.731.000.000</i>	<i>-</i>
Tập đoàn Hóa chất Việt Nam - Cổ tức phải trả	28.731.000.000	-
<i>Phải trả các đơn vị và cá nhân khác</i>	<i>19.228.131.831</i>	<i>1.600.223.131</i>
Kinh phí công đoàn, Bảo hiểm xã hội, Bảo hiểm y tế, Bảo hiểm thất nghiệp	921.906.163	925.104.493
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	155.048.000	324.427.970
Cổ tức phải trả	15.546.960.000	58.160.000
Các khoản phải trả ngắn hạn khác	2.604.217.668	292.530.668
Cộng	47.959.131.831	1.600.223.131

Tập đoàn không có nợ phải trả khác quá hạn chưa thanh toán.

19. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Vay ngắn hạn ngân hàng	124.884.078.481	52.187.438.920
- Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh ⁽ⁱ⁾	67.257.958.170	36.730.489.030
- Ngân hàng TNHH MTV Shinhan Việt Nam ⁽ⁱⁱ⁾	28.300.871.071	8.231.740.770
- Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Lào Cai ⁽ⁱⁱⁱ⁾	29.325.249.240	7.225.209.120
Vay ngắn hạn tổ chức khác ^(iv)	1.495.651.677	1.837.711.962
Vay dài hạn đến hạn trả	-	16.250.000.000
Cộng	126.379.730.158	70.275.150.882

- (i) Khoản vay tín chấp Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh để bổ sung vốn lưu động, thời hạn vay không quá 06 tháng, lãi suất theo từng lần nhận nợ.
- (ii) Khoản vay tín chấp Ngân hàng TNHH MTV Shinhan Việt Nam – Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh để bổ sung vốn lưu động, thời hạn vay không quá 06 tháng, lãi suất theo từng lần nhận nợ.

- (iii) Khoản vay Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Lào Cai để phục vụ sản xuất kinh doanh, thời hạn vay 12 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực, lãi suất theo từng lần nhận nợ. Tài sản đảm bảo là quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà trên đất của Công ty Cổ phần Phốt pho Việt Nam (xem thuyết minh số V9 và V.10).

- (iii) Khoản vay tín chấp các đối tượng khác để bổ sung vốn lưu động, thời hạn vay 03 tháng với lãi suất 04%/năm.

Tập đoàn có khả năng trả được các khoản vay ngắn hạn.

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay ngắn hạn trong năm như sau:

	Số đầu năm	Số tiền vay phát sinh trong năm	Số tiền vay đã trả trong năm	Chênh lệch tỷ giá	Số cuối năm
Vay ngắn hạn ngân hàng	52.187.438.920	195.233.300.242	(121.782.498.742)	(754.161.939)	124.884.078.481
Vay ngắn hạn các tổ chức khác	1.837.711.962	12.939.715	(355.000.000)	-	1.495.651.677
Vay dài hạn đến hạn trả	16.250.000.000	-	(16.250.000.000)	-	-
Cộng	70.275.150.882	195.246.239.957	(138.387.498.742)	(754.161.939)	126.379.730.158

Tập đoàn không có các khoản vay quá hạn chưa thanh toán.

20. Dự phòng phải trả ngắn hạn

Dự phòng rủi ro, bồi thường thiệt hại về môi trường. Tập đoàn trích lập quỹ dự phòng rủi ro, bồi thường thiệt hại về môi trường theo quy định tại Thông tư số 86/2016/TT-BTC ngày 20 tháng 6 năm 2016 của Bộ Tài chính.

21. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

	Số đầu năm	Tăng do trích lập từ lợi nhuận	Chi quỹ trong năm	Số cuối năm
Quỹ khen thưởng	18.846.195.488	18.089.914.626	(28.201.536.907)	8.734.573.207
Quỹ phúc lợi	4.695.729.476	500.000.000	(3.587.245.500)	1.608.483.976
Quỹ thưởng Ban quản lý, điều hành	-	1.478.000.000	(1.478.000.000)	-
Cộng	23.541.924.964	20.067.914.626	(33.266.782.407)	10.343.057.183

22. Vốn chủ sở hữu

22a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

Thông tin về biến động của vốn chủ sở hữu được trình bày ở Phụ lục 02 đính kèm.

22b. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

	Số cuối năm	Số đầu năm
Tập đoàn Hóa chất Việt Nam	287.310.000.000	287.310.000.000
Các cổ đông khác	154.690.000.000	154.690.000.000
Cộng	442.000.000.000	442.000.000.000

22c. Cổ phiếu

	Số cuối năm	Số đầu năm
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	44.200.000	44.200.000
Số lượng cổ phiếu đã phát hành	44.200.000	44.200.000
- Cổ phiếu phổ thông	44.200.000	44.200.000
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
- Cổ phiếu phổ thông	-	-
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	44.200.000	44.200.000
- Cổ phiếu phổ thông	44.200.000	44.200.000
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.

22d. Phân phối lợi nhuận

Trong năm, Công ty Cổ phần Hóa chất Cơ bản Miền Nam đã phân phối lợi nhuận năm 2021 theo Nghị quyết Đại hội cổ đông thường niên số 01/2022/NQ-ĐHCD ngày 28 tháng 4 năm 2022 như sau:

	Số được phân phối (VND)	Số đã trích trong năm trước (VND)	Số trích trong năm nay (VND)
• Chia cổ tức cho các cổ đông	66.300.000.000	-	66.300.000.000
• Trích Quỹ đầu tư phát triển	96.449.573.128	-	96.449.573.128
• Trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi	19.289.914.626	19.200.000.000	89.914.626
• Thưởng Ban điều hành, quản lý	478.000.000	-	478.000.000

Ngoài ra, Công ty mẹ đã tạm ứng cổ tức năm 2022 theo Nghị quyết Hội đồng quản trị số 1222/2022/NQ-HĐQT ngày 19 tháng 12 năm 2022 và tạm trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi theo Tờ trình ngày 23 tháng 8 năm 2022 như sau:

	VND
• Chia cổ tức cho các cổ đông	44.200.000.000
• Trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi	16.000.000.000

23. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán hợp nhất

23a. Tài sản nhận giữ hộ

	Đơn vị tính	Số cuối năm	Số đầu năm
Nguyên vật liệu	Tấn	-	24,865
Thành phẩm	Tấn	-	498,200

23b. Ngoại tệ các loại

	Số cuối năm	Số đầu năm
Dollar Mỹ (USD)	389.238,54	233.095,66
Euro (EUR)	2.126,90	118,67

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

1a. Tổng doanh thu

	Năm nay	Năm trước
Doanh thu bán hàng hóa	76.844.981.610	78.591.559.624
Doanh thu bán thành phẩm	2.004.368.282.356	1.485.016.043.259
Doanh thu cung cấp dịch vụ	6.764.083.646	9.915.148.278
Doanh thu khác	16.308.209.925	3.246.494.454
Cộng	2.104.285.557.537	1.576.769.245.615

1b. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan

Các giao dịch về bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan như sau:

	Năm nay	Năm trước
Công ty TNHH MTV Apatit Việt Nam	-	17.100.000
Công ty Cổ phần Bột giặt Lix	41.891.277.000	16.427.756.000
Công ty Cổ phần Pin - Ac quy Miền Nam	12.174.430.000	9.715.012.500
Công ty Cổ phần Phân bón và Hóa chất Cần Thơ	6.429.378.000	3.419.198.000
Công ty Cổ phần Hơi Kỹ nghệ Que hàn	18.500.000	48.200.000
Công ty Cổ phần Cao su Miền Nam	736.000	2.688.000
Công ty Cổ phần Phân bón Miền Nam	-	3.750.000
Công ty Cổ phần Phân lân Ninh Bình	-	8.250.000
Công ty Cổ phần Xà phòng Hà Nội	-	3.700.000
Công ty Cổ phần Bột giặt Net	52.610.231.000	32.626.163.000
Công ty TNHH Nhựa và Hóa chất TPC Vina	1.796.031.500	1.158.970.000

2. Các khoản giảm trừ doanh thu

Khoản hàng bán bị trả lại.

3. Giá vốn hàng bán

	Năm nay	Năm trước
Giá vốn của hàng hóa đã bán	68.240.779.929	56.935.498.310
Giá vốn của thành phẩm đã bán	1.348.056.647.456	1.106.026.973.419
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	3.205.683.301	1.793.178.534
Giá vốn khác	14.474.999.465	8.388.381
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	10.103.032.897	-
Cộng	1.444.081.143.048	1.164.764.038.644

4. Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm nay	Năm trước
Lãi tiền gửi ngân hàng	18.066.931.574	8.824.148.512
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh	3.400.504.438	3.511.622.210
Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	656.698	54.523.758
Cộng	21.468.092.710	12.390.294.480

	Năm nay	Năm trước
5. Chi phí tài chính		
Chi phí lãi vay	2.927.188.592	5.108.898.090
Lỗi chênh lệch tỷ giá phát sinh	4.253.843.002	834.705.456
Lỗi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	863.110.625	412.576.547
Cộng	8.044.142.219	6.356.180.093
6. Chi phí bán hàng		
Chi phí cho nhân viên	5.473.183.925	6.232.747.190
Chi phí dụng cụ, đồ dùng, vật liệu, bao bì	2.432.227.040	3.880.187.736
Chi phí khấu hao tài sản cố định	560.054.700	564.070.175
Chi phí vận chuyển	57.039.402.110	42.675.898.092
Chi phí dịch vụ mua ngoài	13.901.450.658	23.001.207.247
Chi phí khác	5.395.940.151	2.753.456.799
Cộng	84.802.258.584	79.107.567.239
7. Chi phí quản lý doanh nghiệp		
Chi phí cho nhân viên	30.100.692.547	26.486.746.341
Chi phí vật liệu quản lý, đồ dùng văn phòng	1.155.309.377	1.900.416.897
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.499.261.294	1.341.580.966
Thuế, phí và lệ phí	7.537.312.444	8.889.597.285
Hoàn nhập dự phòng phải thu khó đòi	(5.121.013.960)	(3.366.610.349)
Chi phí dịch vụ mua ngoài	28.371.395.833	20.336.190.754
Chi phí khác	15.076.048.823	10.638.486.425
Cộng	78.619.006.358	66.226.408.319
8. Thu nhập khác		
Lãi thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	469.383.637	-
Tiền phạt vi phạm hợp đồng	131.484.376	49.666.520
Tiền bán phế liệu	25.895.000	127.227.273
Thu nhập khác	12.288.813	37.325.410
Cộng	639.051.826	214.219.203

	Năm nay	Năm trước
9. Lãi trên cổ phiếu		
9a. Lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu		
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp của cổ đông công ty mẹ	354.438.553.738	209.261.163.134
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi ⁽ⁱ⁾	(25.951.972.255)	(20.916.104.960)
Trích thưởng Hội đồng quản trị, Ban điều hành và Ban kiểm soát ⁽ⁱⁱ⁾	(1.642.075.422)	(1.128.476.134)
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	-	-
Lợi nhuận tính lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu	326.844.506.061	187.216.582.040
Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm	44.200.000	44.200.000
Lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu	7.395	4.236

⁽ⁱ⁾ Quỹ khen thưởng, phúc lợi năm nay bao gồm Quỹ khen thưởng, phúc lợi tạm trích theo tỷ lệ 10% lợi nhuận kế toán của cổ đông Công ty mẹ tại Công ty con và Quỹ khen thưởng, phúc lợi tạm trích theo Tờ trình ngày 23 tháng 8 năm 2022 tại Công ty mẹ với số tiền là 16.000.000.000 VND.

⁽ⁱⁱ⁾ Quỹ khen thưởng người quản lý tại Công ty con tạm trích theo tỷ lệ 1,65% lợi nhuận kế toán của cổ đông Công ty mẹ tại Công ty con.

9b. Thông tin khác
Lãi cơ bản trên cổ phiếu năm trước được tính toán lại do trừ số trích quỹ khen thưởng, phúc lợi, thưởng Ban quản lý Tập đoàn khi xác định lợi nhuận tính lãi cơ bản trên cổ phiếu theo hướng dẫn của Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính. Việc áp dụng quy định mới này làm cho lãi cơ bản trên cổ phiếu năm trước giảm từ 4.299 VND xuống còn 4.236 VND.

Không có các giao dịch cổ phiếu phổ thông hoặc giao dịch cổ phiếu phổ thông tiềm năng nào xảy ra từ ngày kết thúc năm tài chính đến ngày công bố Báo cáo tài chính hợp nhất này.

	Năm nay	Năm trước
10. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố		
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	763.365.770.546	569.511.792.139
Chi phí nhân công	192.146.568.204	164.800.925.583
Chi phí khấu hao tài sản cố định	63.419.319.012	51.492.768.296
Chi phí dịch vụ mua ngoài	403.222.567.080	373.657.702.061
Chi phí khác	120.456.148.929	105.146.405.497
Cộng	1.542.610.373.771	1.264.609.593.576

VII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Tại ngày kết thúc năm tài chính, các khoản công nợ liên quan đến tài sản cố định như sau:

	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải trả tiền mua tài sản cố định	1.942.260.000	7.342.187.720
Trả trước tiền mua tài sản cố định	1.156.703.851	1.214.348.784

VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Giao dịch và số dư với các bên liên quan

Các bên liên quan với Tập đoàn bao gồm: các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và các bên liên quan khác.

1a. Giao dịch và số dư với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Các thành viên quản lý chủ chốt gồm: các thành viên Hội đồng quản trị và các thành viên Ban điều hành, quản lý (Ban Tổng Giám đốc, Ban kiểm soát, Kế toán trưởng). Các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt là các thành viên mật thiết trong gia đình các thành viên quản lý chủ chốt.

Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Tập đoàn không phát sinh giao dịch bán hàng và cung cấp dịch vụ cũng như các giao dịch khác với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

Công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Công ty không có công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt

	Chức danh	Tiền lương	Thưởng	Thù lao	Cộng thu nhập
Năm nay					
Ông Lê Hoàng	Nguyên chủ tịch HĐQT	-	127.000.000	40.000.000	167.000.000
Ông Nguyễn Tuấn Dũng	Chủ tịch HĐQT	-	36.800.000	80.000.000	116.800.000
Bà Nguyễn Thanh Bình	Thành viên HĐQT	-	113.000.000	96.000.000	209.000.000
Ông Lê Phương Đông	Thành viên HĐQT	-	41.000.000	96.000.000	137.000.000
Ông Vũ Minh Ngọc	Thành viên HĐQT	-	97.000.000	96.000.000	193.000.000
Ông Lê Văn Hùng	Nguyên chủ tịch HĐQT	-	89.481.545	-	89.481.545
Bà Đỗ Thị Thoa	Trưởng Ban kiểm soát	473.074.609	290.983.705	-	764.058.314
Bà Nguyễn Thị Minh Hà	Thành viên Ban kiểm soát	-	95.000.000	72.000.000	167.000.000
Ông Nguyễn Minh Trí	Thành viên Ban kiểm soát	248.348.638	342.053.945	72.000.000	662.402.583
Ông Lê Thanh Bình	Tổng Giám đốc	687.464.119	469.642.672	96.000.000	1.253.106.791
Ông Đỗ Trung Hiếu	Phó Tổng Giám đốc	541.930.438	353.925.258	-	895.855.696
Ông Lê Tùng Lâm	Phó Tổng Giám đốc	554.723.609	340.116.259	-	894.839.868
Ông Võ Đình Thù	Phó Tổng Giám đốc	541.883.609	336.976.716	-	878.860.325
Bà Phạm Thị Thu Hằng	Kế toán trưởng	484.585.366	293.325.274	-	777.910.640
Cộng		3.532.010.388	3.026.305.374	648.000.000	7.206.315.762
Năm trước					
Ông Lê Hoàng	Chủ tịch HĐQT	-	83.000.000	112.000.000	195.000.000
Bà Nguyễn Thanh Bình	Thành viên HĐQT	-	78.000.000	96.000.000	174.000.000
Ông Lê Phương Đông	Thành viên HĐQT	-	31.000.000	96.000.000	127.000.000
Ông Vũ Minh Ngọc	Thành viên HĐQT	-	28.489.300	64.000.000	92.489.300
Ông Lê Văn Hùng	Nguyên chủ tịch HĐQT	207.069.827	762.211.795	40.000.000	1.009.281.622
Bà Đỗ Thị Thoa	Trưởng Ban kiểm soát	408.675.520	158.111.913	-	566.787.433
Bà Nguyễn Thị Minh Hà	Thành viên Ban kiểm soát	-	71.000.000	72.000.000	143.000.000
Ông Nguyễn Minh Trí	Thành viên Ban kiểm soát	156.322.957	133.011.473	48.000.000	337.334.430
Ông Lê Thanh Bình	Tổng Giám đốc	583.477.296	321.485.004	96.000.000	1.000.962.300
Ông Lê Tùng Lâm	Phó Tổng Giám đốc	361.764.432	154.534.373	-	516.298.805

	Chức danh	Tiền lương	Thưởng	Thù lao	Cộng thu nhập
Ông Đỗ Trung Hiếu	Phó Tổng Giám đốc	463.320.199	195.471.084	-	658.791.283
Ông Võ Đình Thù	Phó Tổng Giám đốc	463.320.199	194.815.771	-	658.135.970
Ông Nguyễn Hoài Phú	Nguyên Phó Tổng Giám đốc	-	108.482.279	-	108.482.279
Bà Phạm Thị Thu Hằng	Kế toán trưởng	423.848.153	190.304.094	-	614.152.247
Cộng		3.067.798.583	2.509.917.086	624.000.000	6.201.715.669

1b. Giao dịch và số dư với các bên liên quan khác

Bên liên quan khác	Mối quan hệ
Tập đoàn Hóa chất Việt Nam	Công ty mẹ
Công ty TNHH MTV Apatit Việt Nam	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty Cổ phần Bột giặt Lix	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty Cổ phần Công nghiệp Cao su Miền Nam	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty Cổ phần Phân bón Miền Nam	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty Cổ phần Phân lân Ninh Bình	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty Cổ phần Phân bón và Hóa chất Cần Thơ	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty Cổ phần Pin – Ac quy Miền Nam	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty Cổ phần Hơi Kỹ nghệ Que hàn	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty Cổ phần Xà phòng Hà Nội	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty Cổ phần Sorbitol Pháp - Việt	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty Cổ phần Bột giặt Net	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty TNHH Nhựa và Hóa chất TPC Vina	Công ty cùng Tập đoàn

Giao dịch với các bên liên quan khác

Ngoài các giao dịch về bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan khác đã được trình bày ở thuyết minh số VI.1b, Tập đoàn còn phát sinh các giao dịch khác với các bên liên quan khác như sau:

	Năm nay	Năm trước
Tập đoàn Hóa chất Việt Nam		
Mua hàng	1.613.809.091	1.581.081.818
Chia cổ tức	71.827.500.000	28.731.000.000
Công ty Cổ phần Bột giặt Lix		
Mua hàng	297.726.975	286.040.260
Công ty Cổ phần Phân bón Miền Nam		
Cho mượn hàng	-	5.364.667.062
Công ty Cổ phần Hơi Kỹ nghệ Que hàn		
Mua hàng	90.714.850	67.483.450

Công nợ với các bên liên quan khác

Công nợ với các bên liên quan khác được trình bày tại các thuyết minh số V.3, V.4, V.5, V.6, V.13 và V.18.

Các khoản công nợ phải thu các bên liên quan khác không có bảo đảm và sẽ được thanh toán bằng tiền.

2. Thông tin về bộ phận

Tập đoàn chỉ hoạt động trong một lĩnh vực là sản xuất và kinh doanh các sản phẩm hóa chất và diễn ra trên lãnh thổ Việt Nam.

3. Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính
Không có sự kiện trọng yếu nào phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính yêu cầu phải điều chỉnh số liệu hoặc công bố trên Báo cáo tài chính hợp nhất.

Huỳnh Thị Trang Ý
Người lập

Phạm Thị Thu Hằng
Kế toán trưởng

TP. Hồ Chí Minh, ngày 10 tháng 3 năm 2023



Lê Thanh Bình
Tổng Giám đốc

Đơn vị tính: VND

	Số đầu năm	Chi phí phát sinh trong năm	Kết chuyển vào tài sản cố định trong năm	Kết chuyển vào chi phí	Nhập kho phụ tùng	Số cuối năm
Xây dựng cơ bản dở dang	34.016.462.355	21.175.293.379	(52.980.838.370)	(10.844.545)	(1.794.130.429)	405.942.390
Dự án di dời nhà máy tại Khu công nghiệp Biên Hòa	60.000.000	345.942.390	-	-	-	405.942.390
Bình điện phân BM2.7 Gen 6 - Bình 8	31.751.462.355	404.596.051	(30.136.083.432)	(10.844.545)	(1.709.130.429)	-
Thiết bị trao đổi nhiệt khí	-	3.900.000.000	(3.900.000.000)	-	-	-
Xe xúc lật bánh lốp	-	2.961.388.886	(2.961.388.886)	-	-	-
Cung cấp thiết bị sản xuất thử nghiệm PAC bột	-	2.623.181.818	(2.623.181.818)	-	-	-
Hệ thống lò đốt khí LPG	-	2.620.000.000	(2.620.000.000)	-	-	-
Hệ thống lò đốt khí LPG	-	1.534.088.222	(1.534.088.222)	-	-	-
Dự án lắp giải nhiệt nước cooling	-	1.520.000.000	(1.520.000.000)	-	-	-
Bơm tuần hoàn dung dịch Javel	-	1.498.958.000	(1.498.958.000)	-	-	-
Dự án mua sắm hệ vỏ khoáng	2.205.000.000	945.000.000	(3.065.000.000)	-	(85.000.000)	-
Bơm tuần hoàn axit H3PO4	-	903.806.000	(903.806.000)	-	-	-
Thiết bị trao đổi nhiệt dạng tấm có ron thiết bị làm nguội Javel	-	348.629.100	(348.629.100)	-	-	-
Thiết bị trao đổi nhiệt dạng tấm có ron thiết bị làm nguội dung dịch axit	-	334.507.400	(334.507.400)	-	-	-
Các thiết bị và dự án khác	-	1.235.195.512	(1.235.195.512)	-	-	-
Cộng	34.016.462.355	21.175.293.379	(52.980.838.370)	(10.844.545)	(1.794.130.429)	405.942.390

TP. Hồ Chí Minh, ngày 10 tháng 3 năm 2023



Lê Thanh Bình
Tổng Giám đốc

Phạm Thị Thu Hằng
Kế toán trưởng

Huỳnh Thị Trang Ý
Người lập/Kế toán trưởng

Đơn vị tính: VND

	Vốn góp của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Vốn khác của chủ sở hữu	Chênh lệch đánh giá lại tài sản	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Lợi ích cổ đông	
								không kiểm soát	Cộng
Số dư đầu năm trước	442.000.000.000	9.506.484	22.951.530.000	(25.413.193.278)	386.634.145.000	11.949.121.722	140.155.878.164	26.122.801.644	1.004.409.789.736
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	-	-	209.261.163.134	8.791.891.203	218.053.054.337
Trích lập các quỹ trong năm	-	-	-	-	81.784.600.410	-	(101.746.638.996)	(233.224.305)	(20.195.262.891)
Chia cổ tức trong năm	-	-	-	-	-	-	(44.200.000.000)	-	(44.200.000.000)
Hoàn nhập Quỹ khen thưởng đã trích	-	-	-	-	-	-	1.643.079.918	-	1.643.079.918
Số dư cuối năm trước	442.000.000.000	9.506.484	22.951.530.000	(25.413.193.278)	468.418.745.410	11.949.121.722	205.113.482.220	34.681.468.542	1.159.710.661.100
Số dư đầu năm nay	442.000.000.000	9.506.484	22.951.530.000	(25.413.193.278)	468.418.745.410	11.949.121.722	205.113.482.220	34.681.468.542	1.159.710.661.100
Lợi nhuận trong năm nay	-	-	-	-	-	-	354.438.553.738	53.475.471.860	407.914.025.598
Trích lập các quỹ trong năm	-	-	-	-	96.449.573.128	-	(115.294.154.222)	(1.223.333.532)	(20.067.914.626)
Chia cổ tức trong năm	-	-	-	-	-	-	(110.500.000.000)	(8.139.562.200)	(118.639.562.200)
Số dư cuối năm nay	442.000.000.000	9.506.484	22.951.530.000	(25.413.193.278)	564.868.318.538	11.949.121.722	333.757.881.736	78.794.044.670	1.428.917.209.872



TP. Hồ Chí Minh, ngày 10 tháng 3 năm 2023

(Handwritten signature)

Phạm Thị Thu Hằng
Kế toán trưởng

(Handwritten signature)

Huỳnh Thị Trang Ý
Người lập/Kế toán trưởng



BÁO CÁO | 2022 THƯỜNG NIÊN

CÔNG TY CỔ PHẦN HÓA CHẤT CƠ BẢN MIỀN NAM

TP. Hồ Chí Minh, ngày 06 tháng 04 năm 2023

**XÁC NHẬN CỦA NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT
TỔNG GIÁM ĐỐC**



LÊ THANH BÌNH

CÔNG TY CỔ PHẦN HÓA CHẤT CƠ BẢN MIỀN NAM



CÔNG TY CỔ PHẦN HÓA CHẤT CƠ BẢN MIỀN NAM



Số 22 Đường Lý Tự Trọng, phường Bến Nghé, quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.



www.sochemvn.com



(028) 3829 6620 - 3822 5373



(028) 3824 3166